

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



ĐỀ ÁN

**THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ
CẤP XÃ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN
NĂM 2026**

Thái Nguyên, năm 2026

MỤC LỤC

Phần thứ nhất	2
CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT	2
I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐÒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHAİ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	3
1. Đối với xã Chợ Đồn	4
2. Đối với xã Định Hóa	4
3. Đối với xã Đồng Hỷ	5
4. Đối với xã Phú Bình	6
5. Đối với xã Phú Lương	7
6. Đối với xã Quân Chu	8
7. Đối với xã Trại Cau	9
8. Đối với xã Võ Nhai	11
III. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐÒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHAİ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	12
Phần thứ hai	13
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ: CHỢ ĐÒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHAİ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	13
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN	13
1. Đối với xã Chợ Đồn	13
2. Đối với xã Định Hóa	33
3. Đối với xã Đồng Hỷ	56
4. Đối với xã Phú Bình	76
5. Đối với xã Phú Lương	86
6. Đối với xã Quân Chu	111
7. Đối với xã Trại Cau	134
8. Đối với xã Võ Nhai	154
II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐÒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHAİ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	177
Phần thứ ba	178

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG.....	178
I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP.....	178
1. Phương án thành lập phường Chợ Đồn.....	178
2. Phương án thành lập phường Định Hóa.....	178
3. Phương án thành lập phường Đồng Hỷ.....	178
4. Phương án thành lập phường Phú Bình.....	179
5. Phương án thành lập phường Phú Lương.....	179
6. Phương án thành lập phường Quân Chu.....	179
7. Phương án thành lập phường Trại Cau.....	180
8. Phương án thành lập phường Võ Nhai.....	180
II. KẾT QUẢ SAU THÀNH LẬP.....	181
Phần thứ tư.....	182
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP.....	182
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG.....	182
1. Kinh tế - xã hội.....	182
2. Quản lý hành chính.....	183
3. Tác động về đất đai và môi trường.....	183
4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan.....	185
5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.....	186
6. Tác động về kinh phí.....	187
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP.....	188
1. Mục tiêu tổng quát.....	188
2. Một số mục tiêu cụ thể.....	189
3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.....	192
4. Lộ trình, giải pháp nâng cao các tiêu chuẩn đô thị hiện nay.....	193
Phần thứ năm.....	194
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	194
I. KẾT LUẬN.....	194
II. KIẾN NGHỊ.....	195

Số: /ĐA-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ CẤP XÃ
THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2026**

Sau sắp xếp, tỉnh Thái Nguyên có quy mô dân số là 2.537.985 người và diện tích tự nhiên là 8.374,53 km²; có 92 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (gồm 15 phường và 77 xã). Tỉnh Thái Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng tại trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc, là cửa ngõ kết nối các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc với Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng. Với vị trí chiến lược này, Thái Nguyên giữ vai trò đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, là tuyến phòng thủ vững chắc phía Bắc Thủ đô Hà Nội. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh có quy mô không gian phát triển được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Với truyền thống là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế của khu vực trung du miền núi phía Bắc, Thái Nguyên tiếp tục khẳng định vai trò là cực tăng trưởng quan trọng, giữ vị trí kết nối liên vùng, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng.

Thái Nguyên có hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông ngày càng đồng bộ, hiện đại với các tuyến giao thông huyết mạch kết nối trực tiếp với Thủ đô Hà Nội, sân bay quốc tế Nội Bài và các tỉnh trong vùng như: Tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới, Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, Quốc lộ 37 cùng hệ thống đường vành đai, trục kết nối liên tỉnh, liên huyện đang tiếp tục được đầu tư hoàn thiện. Đây là lợi thế quan trọng để mở rộng không gian phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics và tăng cường liên kết vùng. Thái Nguyên cũng là trung tâm kinh tế - văn hóa - giáo dục - y tế lớn của khu vực, hội tụ các hoạt động giao thương, giáo dục - đào tạo, y tế và công nghiệp. Thái Nguyên có hệ thống cơ sở y tế hoàn thiện, hiện đại và hệ thống các trường đại học, cao đẳng đa ngành, đồng thời là trung tâm công nghiệp cơ khí và luyện kim lớn của cả nước. Những thuận lợi về vị trí địa lý và liên kết vùng, kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ, quỹ đất phát triển rộng lớn cùng nguồn nhân lực

chất lượng cao tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh.

Là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của khu vực phía Bắc, Thái Nguyên có nền công nghiệp phát triển năng động với các khu công nghiệp quy mô lớn, thu hút nhiều tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế; đồng thời là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ với hệ thống các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trọng điểm. Bên cạnh đó, tỉnh còn có thế mạnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, chế biến chè, khai khoáng, thương mại, dịch vụ và du lịch sinh thái, du lịch lịch sử - văn hóa với nhiều tiềm năng nổi bật.

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh diễn ra mạnh mẽ; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại nhiều xã đã được đầu tư đồng bộ; mật độ dân cư tập trung, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao. Nhiều địa bàn đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị, có yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Để tạo điều kiện cho tỉnh Thái Nguyên thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian đô thị, nâng cao chất lượng quản lý hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và nguyện vọng của Nhân dân, việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã là cần thiết. Qua rà soát, đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành, gồm các xã: **Chợ Đồn, Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phú Lương, Quân Chu, Trại Cau, Võ Nhai** đã có những điều kiện cần thiết để xây dựng Đề án thành lập phường, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐÒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VĨ NHAI THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

Việc thành lập các phường phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương; nhằm cụ thể hóa chủ trương sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với quá trình đô thị hóa; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, mở rộng phạm vi quản lý đô thị và nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng văn minh, hiện đại. Việc thành lập phường cũng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, trật tự đô thị, môi trường, hạ tầng kỹ thuật; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị, cải cách hành chính, chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

1. Đối với xã Chợ Đồn

Xã Chợ Đồn được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn Bằng Lũng và các xã Phương Viên, Bằng Lãng, Ngọc Phái. Sau sắp xếp, xã Chợ Đồn có diện tích tự nhiên 142,10 km², quy mô dân số 18.453 người. Trong đó, việc sáp nhập nguyên trạng thị trấn Bằng Lũng (trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Chợ Đồn trước đây) đã tạo nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ và kinh nghiệm quản lý đô thị cho địa phương.

Với vị trí địa lý thuận lợi, là đầu mối kết nối giao thông khu vực thông qua các tuyến Quốc lộ 3B, Quốc lộ 3C; có quỹ đất phát triển, hệ thống hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ; các cụm công nghiệp Ngọc Phái, Nam Bằng Lũng đang phát huy hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, Chợ Đồn có đầy đủ điều kiện để phát triển theo định hướng đô thị.

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra rõ nét; khu vực trung tâm thị trấn Bằng Lũng cũ tiếp tục giữ vai trò hạt nhân phát triển; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng; mật độ dân cư ngày càng tập trung, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội không ngừng được nâng cấp. Cùng với đó, theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chợ Đồn được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò trung tâm khu vực và là đầu mối liên kết phát triển của vùng.

Việc thành lập phường Chợ Đồn trên cơ sở nguyên trạng xã Chợ Đồn là cần thiết nhằm kế thừa và phát huy nền tảng đô thị đã được hình thành từ thị trấn Bằng Lũng trước đây; đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo cơ sở huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Chợ Đồn trở thành đô thị văn minh, hiện đại trong thời gian tới.

2. Đối với xã Định Hóa

Xã Định Hóa được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Chợ Chu cùng các xã Bảo Linh, Phúc Chu và Đồng Thịnh thuộc huyện Định Hóa trước đây. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 67,26 km², quy mô dân số 23.097 người. Trong đó, việc sắp xếp nguyên trạng thị trấn Chợ Chu là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Định Hóa trước đây đã tạo

nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng phục vụ phát triển đô thị.

Định Hóa có vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, nằm trên các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 3C và đường Hồ Chí Minh, có điều kiện kết nối thuận lợi với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Đây là lợi thế quan trọng để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và mở rộng không gian đô thị. Đặc biệt, địa phương có lợi thế nổi bật về phát triển du lịch lịch sử, văn hóa với vùng di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa, góp phần thúc đẩy các ngành dịch vụ và du lịch phát triển.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của địa phương có bước phát triển tích cực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư; các khu dân cư tập trung, hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển. Đồng thời, theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Định Hóa được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò trung tâm khu vực và là đầu mối liên kết phát triển của vùng phía Tây Bắc tỉnh.

Việc thành lập phường Định Hóa trên cơ sở nguyên trạng xã Định Hóa là cần thiết nhằm kế thừa và phát huy nền tảng đô thị đã được hình thành từ thị trấn Chợ Chu trước đây; đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng Định Hóa trở thành đô thị văn minh, hiện đại theo định hướng quy hoạch của tỉnh.

3. Đối với xã Đồng Hỷ

Xã Đồng Hỷ được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Hóa Thượng, thị trấn Sông Cầu, xã Minh Lập và xã Hóa Trung. Sau sáp xếp, tổng diện tích tự nhiên là 53,72km², quy mô dân số là 32.073 người, giữ vai trò là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đồng Hỷ trước đây. Trong đó, việc sáp xếp nguyên trạng hai thị trấn Hóa Thượng và Sông Cầu đã tạo nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ, các khu dân cư tập trung và hệ thống công trình công cộng phục vụ phát triển đô thị. Trên địa bàn có các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1B và Quốc lộ 17 đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối giao thương, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và mở rộng không gian đô thị.

Trong những năm qua, khu vực Đồng Hỷ có tốc độ đô thị hóa ngày càng rõ nét; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư; các hoạt động thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ; dân cư tập trung ngày càng lớn, tạo tiền đề hình thành các khu dân cư đô thị và các trung tâm dịch vụ mới.

Việc thành lập phường Đồng Hỷ là cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền đô thị; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương. Việc thành lập phường sẽ tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, trật tự đô thị, môi trường; tăng cường khả năng thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí địa lý và giao thông, góp phần xây dựng Đồng Hỷ trở thành đô thị văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

4. Đối với xã Phú Bình

Xã Phú Bình được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hương Sơn, các xã Xuân Phương, Úc Kỳ, Nhã Lộ, Bảo Lý và một phần xã Thượng Đình. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 44,16 km², quy mô dân số 74.696 người. Trong đó, việc sắp xếp nguyên trạng thị trấn Hương Sơn, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Phú Bình trước đây với các xã lân cận, qua đó đã tạo nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ và các khu dân cư tập trung, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình phát triển đô thị.

Xã Phú Bình có vị trí thuận lợi trong không gian phát triển phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, là đầu mối kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội thông qua hệ thống giao thông đối ngoại quan trọng như Quốc lộ 37, đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội, các tuyến tỉnh lộ ĐT.266, ĐT.269B và mạng lưới giao thông liên vùng đồng bộ. Theo quy hoạch của tỉnh, trên địa bàn xã có Khu công nghiệp Phú Bình cùng 02 cụm công nghiệp Bảo Lý - Xuân Phương và Hạnh Phúc - Xuân Phương, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị.

Trong những năm qua, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa trên địa bàn diễn ra mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; dân số tập trung ngày càng cao; các khu dân cư mới, cơ sở thương mại, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không ngừng được đầu tư hoàn thiện. Đây là những yếu tố quan trọng cho thấy địa bàn đã và đang mang đậm tính chất của một đô thị phát triển.

Theo định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển huyện Phú Bình giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, khu vực trung tâm huyện Phú Bình trước đây, trong đó có thị trấn Hương Sơn và các xã lân cận, được xác định được thành lập phường, hướng tới mục tiêu xây dựng Phú Bình trở thành thị xã trước năm 2030.

Việc thành lập phường Phú Bình là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng chính quyền đô thị và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương. Đây là cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với một địa bàn có quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh, đồng thời tạo điều kiện huy động các nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công. Việc thành lập phường cũng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Phú Bình trở thành đô thị văn minh, hiện đại, giữ vai trò trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại và dịch vụ của khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

5. Đối với xã Phú Lương

Xã Phú Lương được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên cùng các xã Động Đạt và Yên Lạc. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 112,39 km², quy mô dân số 44.632 người, giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Phú Lương trước đây. Trong đó, việc sắp xếp nguyên trạng hai thị trấn Đu và Giang Tiên đã tạo nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ, các khu dân cư tập trung và hệ thống công trình công cộng phục vụ phát triển đô thị.

Phú Lương có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các tuyến giao thông kết nối giữa thành phố Thái Nguyên với các địa phương phía Bắc của tỉnh; là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa của khu vực. Trên địa bàn tập trung nhiều cơ quan, đơn vị,

doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm thương mại, dịch vụ. Địa phương cũng có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc như Di tích lịch sử quốc gia Đền Đuổm, Di tích lịch sử quốc gia nơi thành lập Đại đoàn Quân tiên phong (nay là Sư đoàn 308) cùng nhiều di tích, danh thắng có giá trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và dịch vụ.

Trong những năm qua, khu vực Phú Lương có tốc độ đô thị hóa ngày càng rõ nét; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư; các hoạt động thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp phát triển; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân cư tập trung ngày càng cao, các yêu cầu về quản lý quy hoạch, xây dựng, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ công mang tính chất đô thị ngày càng rõ rệt. Đồng thời, theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Phú Lương được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò trung tâm khu vực và là đầu mối liên kết phát triển của vùng.

Việc thành lập phường Phú Lương là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với địa bàn trung tâm có tốc độ đô thị hóa nhanh; đồng thời tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Đây cũng là cơ sở quan trọng để phát huy vai trò trung tâm của khu vực Phú Lương, từng bước xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn mới.

6. Đối với xã Quân Chu

Xã Quân Chu được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Quân Chu và xã Cát Nê. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 79,38 km², quy mô dân số 13.277 người. Trong đó, việc sắp xếp nguyên trạng thị trấn Quân Chu - trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của khu vực phía Nam huyện Đại Từ trước đây - đã tạo nền tảng quan trọng về hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ và các khu dân cư tập trung, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình phát triển đô thị trong giai đoạn mới.

Quân Chu có vị trí chiến lược quan trọng ở phía Nam tỉnh Thái Nguyên, là đầu mối kết nối giữa khu vực trung tâm tỉnh với vùng du lịch Tam Đảo và các địa phương lân cận. Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh chóng; khu vực trung tâm Quân Chu đã hình thành tương đối đầy

đủ các chức năng đô thị như trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các khu dân cư tập trung. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tiếp tục được đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của một đô thị hiện đại.

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quân Chu được xác định là đô thị mới loại III độc lập của tỉnh, giữ vai trò trung tâm tiểu vùng phía Nam, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái, công nghiệp sạch, thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và nông nghiệp giá trị cao. Đây là định hướng quan trọng tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian đô thị và thu hút các nguồn lực đầu tư trong thời gian tới.

Với vị trí là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, nằm trên trục kết nối giữa vùng Thủ đô Hà Nội, khu vực phía Nam tỉnh với vùng Tam Đảo và tỉnh Phú Thọ, Quân Chu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Trên địa bàn đã được quy hoạch 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 118 ha, trong đó Cụm công nghiệp Quân Chu quy mô 50 ha đang được triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Bên cạnh đó, tuyến đường liên kết vùng dài khoảng 9,2 km đi qua địa bàn góp phần tăng cường kết nối giao thông, mở rộng không gian phát triển đô thị, thúc đẩy thu hút đầu tư và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, Quân Chu có nhiều lợi thế về cảnh quan tự nhiên, tài nguyên rừng, các di tích lịch sử - văn hóa và hệ sinh thái gắn với vùng Tam Đảo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng và các loại hình dịch vụ chất lượng cao.

Việc thành lập phường Quân Chu là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với địa bàn có tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thương mại, dịch vụ và du lịch. Qua đó, góp phần xây dựng Quân Chu trở thành đô thị văn minh, hiện đại, giữ vai trò động lực phát triển của khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn tới.

7. Đối với xã Trại Cau

Xã Trại Cau được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Trại Cau với các xã Tân Lợi và Hợp Tiến. Trong đó, thị trấn Trại Cau được thành lập từ năm 1962,

là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và dịch vụ của khu vực phía Đông Nam huyện Đông Hỷ trước đây; đồng thời đã được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V từ năm 2013. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển theo định hướng đô thị trong giai đoạn mới.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, xã Trại Cau có diện tích tự nhiên 82,85 km², quy mô dân số 17.697 người, không gian phát triển được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy hiệu quả các nguồn lực về đất đai, dân cư và hạ tầng. Xã có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên Quốc lộ 17, là cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh Thái Nguyên, kết nối với tỉnh Bắc Ninh và các địa phương trong khu vực. Theo định hướng quy hoạch, địa bàn còn nằm trên trục kết nối giữa đường vành đai II đô thị và Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội, có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và logistics.

Trong những năm qua, khu vực Trại Cau có tốc độ đô thị hóa ngày càng rõ nét; các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao. Cùng với đó, việc mở rộng không gian đô thị, phát triển các khu dân cư tập trung và gia tăng nhu cầu đầu tư hạ tầng đã đặt ra yêu cầu quản lý theo mô hình chính quyền đô thị phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương.

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Trại Cau được xác định là đô thị mới loại III độc lập của tỉnh, được xác định là khu vực có vai trò quan trọng trong phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại và logistics khu vực phía Đông Nam của tỉnh; là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và kết nối với các địa phương lân cận. Việc thành lập phường Trại Cau vì vậy là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với địa bàn đang đô thị hóa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, môi trường và hạ tầng kỹ thuật; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Việc thành lập phường Trại Cau không chỉ phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng chính quyền đô thị mà còn góp phần hiện thực hóa định hướng phát triển không gian đô thị phía Đông Nam tỉnh Thái Nguyên; xây dựng Trại Cau trở thành đô thị văn minh, hiện đại, là cực tăng trưởng mới về công nghiệp, thương mại, dịch vụ và logistics trong thời gian tới.

8. Đối với xã Võ Nhai

Xã Võ Nhai được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đình Cả, xã Lâu Thượng và xã Phú Thượng. Sau sáp xếp, xã có diện tích tự nhiên 99,77 km², quy mô dân số 28.817 người, trở thành trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của khu vực Võ Nhai trước đây.

Với vị trí là trung tâm khu vực phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên, nằm trên các tuyến giao thông quan trọng kết nối với các địa phương trong và ngoài tỉnh, Võ Nhai có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp chế biến. Đặc biệt, thị trấn Đình Cả trước đây đã hình thành tương đối đầy đủ các chức năng đô thị, là nơi tập trung các cơ quan hành chính, trường học, cơ sở y tế, các hoạt động thương mại, dịch vụ và các khu dân cư tập trung, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển đô thị.

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Võ Nhai được xác định là đô thị mới loại III độc lập của tỉnh. Đây là đô thị trung tâm khu vực phía Đông Bắc, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết vùng, khai thác hiệu quả tiềm năng về thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và phát triển công nghiệp gắn với lợi thế địa phương.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tiếp tục được đầu tư nâng cấp; các khu dân cư phát triển theo hướng đô thị; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng rõ nét, đòi hỏi mô hình quản lý phù hợp với tính chất và yêu cầu phát triển của địa bàn.

Việc thành lập phường Võ Nhai là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với địa bàn giữ vai trò trung tâm khu vực, có quy mô dân số lớn và tốc độ đô thị hóa ngày càng cao; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, môi trường và hạ tầng kỹ thuật; đồng thời tạo điều kiện huy động các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, thương mại, dịch vụ và du lịch. Đây cũng là cơ sở quan trọng để từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III, xây dựng Võ Nhai trở thành đô thị văn minh,

hiện đại, là động lực phát triển của khu vực phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

III. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐỒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHA THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

Việc thành lập 08 phường thuộc tỉnh Thái Nguyên bảo đảm các điều kiện theo quy định, cụ thể:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các văn bản: Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh Thái Nguyên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2030. Đồng thời, tạo điều kiện đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu, tạo nền tảng cho phát triển dựa nhiều hơn vào tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Bảo đảm yêu cầu quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Việc thành lập 08 phường không làm giảm vai trò, vị trí chiến lược của các địa bàn mà còn tạo điều kiện củng cố tốt hơn quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

d) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và

tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn. Việc thành lập các phường sẽ tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tạo điều kiện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa; qua đó giúp Nhân dân được tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Quá trình xây dựng đề án thành lập 08 phường đã nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân.

đ) Việc thành lập 08 phường thuộc tỉnh Thái Nguyên được thực hiện trên cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ: CHỢ ĐỒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VÕ NHAI THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

1. Đối với xã Chợ Đồn

1.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Chợ Đồn là đơn vị hành chính cấp xã miền núi của tỉnh Thái Nguyên, được thành lập theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Bằng Lũng cùng các xã Phương Viên, Bằng Lãng và Ngọc Phái.

Sau khi sắp xếp, xã Chợ Đồn có diện tích tự nhiên 142,10 km² và quy mô dân số 18.453 người (gồm dân số thường trú 16.546 người và dân số tạm trú quy đổi 1.907 người). Đây là đơn vị hành chính có quy mô lớn, giữ vai trò trung tâm khu vực Chợ Đồn trước đây và có vị trí quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa của khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên.

Xã nằm tại khu vực trung tâm huyện Chợ Đồn trước đây, cách trung tâm tỉnh Thái Nguyên khoảng 100 km, có vị trí thuận lợi trong kết nối giao thương và liên kết vùng. Cụ thể:

- Phía Đông giáp xã Bạch Thông;
- Phía Tây giáp xã Yên Thịnh;
- Phía Nam giáp xã Nghĩa Tá và xã Yên Phong;
- Phía Bắc giáp xã Quảng Bạch và xã Đồng Phúc.

Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ các thung lũng và khu dân cư tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông - lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ và mở rộng không gian đô thị. Trên địa bàn có các tuyến Quốc lộ 3B, Quốc lộ 3C và hệ thống giao thông liên xã, liên vùng kết nối thuận lợi với các địa phương trong và ngoài tỉnh, góp phần thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hóa và thu hút đầu tư.

Những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư đồng bộ; nhiều công trình giao thông, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, công trình công cộng được xây dựng và nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Đặc biệt, thị trấn Bằng Lũng trước đây là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của huyện Chợ Đồn, đã hình thành tương đối đầy đủ các chức năng đô thị. Đây là nền tảng quan trọng để xã Chợ Đồn tiếp tục phát triển theo định hướng đô thị trong giai đoạn mới.

b) Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chợ Đồn được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò trung tâm khu vực phía Bắc của tỉnh.

Với vị trí trung tâm khu vực, xã Chợ Đồn có chức năng là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao dịch dân sinh của địa phương. Các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá đa dạng với hệ thống chợ, cơ sở kinh doanh, dịch vụ vận tải, lưu trú, ăn uống, tài chính, ngân hàng và viễn thông ngày càng được mở rộng.

Hiện nay trên địa bàn có 24 doanh nghiệp, 16 hợp tác xã và trên 1.041 hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, xây dựng, chế biến nông lâm sản, khai thác khoáng sản, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Đây là động

lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Bên cạnh đó, xã Chợ Đồn còn là địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; là trung tâm cung cấp các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa và an sinh xã hội cho khu vực. Hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã Chợ Đồn có vai trò là hạt nhân thúc đẩy quá trình đô thị hóa khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên; là trung tâm thu hút đầu tư, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, từng bước hình thành các khu chức năng đô thị theo quy hoạch và xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

1.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên: Xã Chợ Đồn có tổng diện tích tự nhiên 142,10 km² (14.210,10 ha). Địa hình của địa phương chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ các thung lũng, cánh đồng và hệ thống sông suối nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, đô thị, dịch vụ và du lịch sinh thái. Quỹ đất tự nhiên tương đối lớn, bảo đảm dư địa phát triển không gian đô thị, các khu dân cư tập trung, hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng trong tương lai.

b) Cơ cấu các loại đất:

Theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2025, tổng diện tích đất tự nhiên của xã Chợ Đồn là 14.210,10 ha, gồm:

- Khu đất dân dụng: 373,81 ha, chiếm 2,63%;
- Khu đất ngoài dân dụng: 1.131,02 ha, chiếm 7,96%;
- Khu nông nghiệp và các chức năng khác: 12.705,27 ha, chiếm 89,41%.

Cơ cấu sử dụng đất hiện nay cơ bản phù hợp với định hướng phát triển đô thị Chợ Đồn và quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời bảo đảm quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

1.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Theo số liệu rà soát đến ngày 31/12/2025, quy mô dân số của xã Chợ Đồn đạt 18.453 người (dân số thường trú 16.546 người và dân số tạm trú quy đổi là 1.907 người). Dân cư phân bố tương đối tập trung tại khu vực trung tâm hành chính, các tuyến giao thông chính, khu vực chợ, các tổ dân phố và các thôn có điều kiện thuận lợi về phát triển thương mại, dịch vụ. Quá trình đô thị hóa trong những năm gần đây đã thúc đẩy xu hướng tập trung dân cư ngày càng rõ nét tại các khu vực trung tâm.

Tốc độ gia tăng dân số cơ bản ổn định, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì dưới 1%, góp phần bảo đảm sự phát triển dân số bền vững.

Cùng với quá trình sáp nhập đơn vị hành chính và mở rộng không gian phát triển, quy mô dân số của xã tiếp tục là yếu tố thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ và hình thành các khu dân cư đô thị trong tương lai.

b) Cơ cấu lao động:

Cơ cấu lao động của xã Chợ Đồn trong những năm gần đây đã có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

Xã có tổng số lực lượng lao động là 10.981 lao động, tổng số lao động đang làm việc là 8.539 người, trong đó: Số lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 1.964 người, chiếm tỷ lệ 23%; số lao động làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng là 2.989 người, chiếm tỷ lệ 35%; số lao động làm việc trong ngành dịch vụ là 3.586 người, chiếm tỷ lệ 42%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,01%.

Lực lượng lao động trên địa bàn chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ; Xây dựng; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Sản xuất nông, lâm nghiệp; Vận tải, cơ khí, chế biến nông lâm sản; Lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương.

Hoạt động giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2020 - 2025, địa phương đã giải quyết việc làm cho 1.554 lao động, đạt 129,4% chỉ tiêu giao. Công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt nhiều kết quả tích cực với 273 lao động, đạt 167,5% kế hoạch.

Công tác đào tạo nghề, tư vấn việc làm, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất tiếp tục được triển khai hiệu quả. Nhiều lao động trẻ đã từng bước chuyển đổi ngành nghề, tham gia các hoạt động thương mại, dịch vụ và lao động tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cơ cấu lao động của địa phương vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Tỷ lệ lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp còn tương đối lớn; chất lượng nguồn lao động chưa đồng đều; việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tạo việc làm phi nông nghiệp ổn định cho người dân.

Trong thời gian tới, xã Chợ Đồn tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp; đẩy mạnh đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ và thu hút đầu tư nhằm tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Thành phần dân cư

Xã Chợ Đồn là địa bàn có cộng đồng dân cư đa dạng với nhiều dân tộc cùng sinh sống lâu đời, trong đó chủ yếu gồm 08 dân tộc: Tày, Kinh, Nùng, Dao, Sán Chí, Hoa, Mông và dân tộc khác. Đồng bào các dân tộc luôn phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tương trợ giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ an ninh trật tự và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia luôn nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của Nhân dân. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn không ngừng được củng cố, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng quan trọng để xã Chợ Đồn phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Chợ Đồn phát triển tương đối ổn định, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân. Hệ thống dịch vụ được hình thành rộng khắp trên địa bàn, tại hầu hết các thôn, bản đều có từ 01 đến 03 hộ kinh doanh hàng hóa thiết yếu, dịch vụ ăn uống, giải khát, thu mua và tiêu thụ nông, lâm sản, góp phần bảo đảm lưu thông hàng hóa, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân một cách thuận tiện.

Trong những năm qua, địa phương tập trung phát triển kinh tế theo hướng nông, lâm nghiệp gắn với tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; từng bước mở rộng sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường và đạt được nhiều kết quả tích cực. Hoạt động thương mại ngày càng sôi động, mạng lưới kinh doanh phát triển đa dạng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ.

Trên địa bàn hiện có chợ trung tâm Bằng Lũng với diện tích khoảng 6.200 m², là chợ đầu mối của khu vực Chợ Đồn trước đây, giữ vai trò trung tâm giao thương, trao đổi hàng hóa của người dân trong và ngoài địa phương. Bên cạnh đó, chợ Phương Viên tiếp tục duy trì hoạt động theo hình thức chợ phiên truyền thống, đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu thụ nông sản và giao lưu kinh tế của Nhân dân. Các công trình chợ thường xuyên được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại và dịch vụ của địa phương.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng có bước phát triển tích cực, tập trung chủ yếu vào các ngành khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thức ăn chăn nuôi, phân phối điện, nước và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

Theo kết quả điều tra địa chất trên địa bàn huyện Chợ Đồn trước đây, khu vực này có tiềm năng lớn về khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản chì - kẽm với 11 mỏ đã được phát hiện; ngoài ra còn có các loại khoáng sản phi kim như đá vôi trắng. Đây là lợi thế quan trọng để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Theo định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh, trên địa bàn dự kiến hình thành Cụm công nghiệp Ngọc Phái và Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng; phát triển các khu vực công nghiệp gắn với các trục giao thông liên vùng. Trong đó, Quốc lộ 3C được xác định là trục động lực phát triển theo hướng Bắc - Nam, kết nối với Quốc lộ 3B theo hướng Đông - Tây, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp, thương mại và logistics.

Trên địa bàn có 49 doanh nghiệp và hợp tác xã đang hoạt động, gồm: 03 đơn vị trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 20 đơn vị trong lĩnh vực công nghiệp; 13 đơn vị trong lĩnh vực xây dựng; 09 đơn vị trong lĩnh vực thương mại và 04 đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ khác.

Bên cạnh đó, toàn xã có 906 cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể đang hoạt động, trong đó có 95 cơ sở công nghiệp, 23 cơ sở xây dựng, 456 cơ sở thương mại, 51 cơ sở lưu trú và ăn uống, 153 cơ sở dịch vụ khác và 128 cơ sở vận tải, kho bãi. Đây là lực lượng quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông, lâm nghiệp tiếp tục là ngành kinh tế quan trọng của địa phương. Xã tập trung phát triển sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; đẩy mạnh thâm canh đối với các loại cây trồng chủ lực như lúa, ngô, rau màu, lúa Japonica, sâm bố chính và cây chè; đồng thời phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa gắn với công tác phòng, chống dịch bệnh.

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) được triển khai hiệu quả. Toàn xã hiện có 14 sản phẩm được chứng nhận OCOP, trong đó có 12 sản phẩm đạt hạng 3 sao và 02 sản phẩm đạt hạng 4 sao, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và tăng thu nhập cho người dân.

Năm 2025, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 1.281 ha; diện tích cây lương thực có hạt (lúa, ngô) đạt 1.082 ha, sản lượng lương thực đạt 5.659 tấn. Diện tích chè hiện có khoảng 909 ha; sản lượng chè búp tươi đạt 29 tấn. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt khoảng 73,4 triệu đồng.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2025 ước đạt 688 tấn, góp phần quan trọng vào cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Xã có tiềm năng lớn về phát triển lâm nghiệp với tổng diện tích đất lâm nghiệp đạt 11.226,09 ha, chiếm khoảng 79% diện tích tự nhiên. Trong đó, đất rừng sản xuất là 9.213,15 ha, chiếm khoảng 64,8% diện tích tự nhiên; đất rừng phòng hộ là 2.012,95 ha, chiếm khoảng 14,16% diện tích tự nhiên. Tài nguyên rừng phong phú là lợi thế quan trọng để phát triển kinh tế lâm nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của địa phương.

Đến ngày 31/12/2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 303.636.442.464 đồng; tổng chi ngân sách đạt 293.608.802.279 đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách so với tổng chi ngân sách đạt 103,4%, bảo đảm cân đối ngân sách và tạo nguồn lực phục vụ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

1.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Trong thời gian qua, sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Chợ Đồn tiếp tục được quan tâm đầu tư và phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Mạng lưới trường, lớp được bố trí tương đối hợp lý, bảo đảm điều kiện học tập cho học sinh các cấp học; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc.

Hiện nay, trên địa bàn có 12 trường học công lập, gồm 04 trường mầm non, 04 trường tiểu học và 04 trường trung học cơ sở (trong đó có 03 trường THCS và 01 trường Phổ thông Dân tộc Nội trú). Ngoài ra, có 03 nhóm trẻ độc lập tự thực góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn.

Tổng số lớp học là 115 nhóm/lớp; trong đó có 110 nhóm/lớp công lập và 05 nhóm trẻ tư thực. Cụ thể, bậc mầm non có 35 nhóm/lớp (10 nhóm trẻ và 25 lớp mẫu giáo); bậc tiểu học có 43 lớp; bậc trung học cơ sở có 37 lớp. Tổng số học sinh toàn địa bàn là 3.308 học sinh, trong đó bậc mầm non có 798 trẻ, tiểu học có 1.173 học sinh và trung học cơ sở có 1.337 học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy; cơ sở vật chất trường lớp từng bước được đầu tư nâng cấp. Công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Thực hiện công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình, UBND xã đã chỉ đạo Trạm Y tế xã là đơn vị trực tiếp thực hiện công tác khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng trên địa bàn. Trong thời gian qua, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thực hiện tốt; các hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, quản lý sức khỏe người dân, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, quản lý các bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường, tâm thần, động kinh và các chương trình y tế quốc gia khác. Ngoài ra công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe được đẩy mạnh với nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe chủ động.

Đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách dân số theo quy định; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên và người cao tuổi. Hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, truyền thông dân số được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Nhìn chung, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thực hiện đảm bảo. Tuy nhiên hiện nay công tác khám chữa bệnh trên địa bàn cũng gặp một số khó khăn nhất định như: thiếu nhân lực, Trạm Y tế chưa hoạt động tập trung (còn 3 điểm trạm lẻ), nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất và trang thiết bị còn hạn chế.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Trong thời gian qua, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch của xã Chợ Đồn tiếp tục được quan tâm triển khai, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương và các ngày lễ, kỷ niệm; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được duy trì, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển ổn định; người dân tích cực tham gia luyện tập thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần. Hoạt động du lịch từng bước được quan tâm gắn với các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan tự nhiên và các hoạt động trải nghiệm cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch của xã cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, phù hợp với định hướng phát triển đô thị và yêu cầu thành lập phường Chợ Đồn trong thời gian tới.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm và bảo đảm an sinh xã hội luôn được UBND xã Chợ Đồn quan tâm thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Các chương trình giảm nghèo bền vững, hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất và đào tạo nghề được triển khai tích cực. Địa phương đã hỗ trợ các mô hình sinh kế cho nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã giảm còn 1,46% vào năm 2025, thể hiện kết quả tích cực trong công tác giảm nghèo bền vững.

Nguồn vốn tín dụng chính sách được triển khai hiệu quả, góp phần tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập. Đến tháng 6 năm 2025, Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua các tổ chức hội đã cho 2.143 hộ vay vốn với tổng dư nợ trên 133 tỷ đồng.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Các chương trình y tế cộng đồng, tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh được triển khai hiệu quả. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng hằng năm đạt trên 98%.

Các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Việc chi trả trợ cấp xã hội từng bước được thực hiện qua tài khoản nhằm tăng cường công khai, minh bạch và thuận lợi cho người dân.

Công tác hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai tích cực, đúng đối tượng, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.

1.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã phát triển tương đối ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân và phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tại khu vực trung tâm đô thị (thị trấn Bằng Lũng trước sắp xếp), nhà ở chủ yếu là nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh thương mại, dịch vụ; công trình có quy mô từ 01 đến 03 tầng, tập trung dọc các tuyến giao thông chính và các khu dân cư hiện hữu, góp phần hình thành diện mạo đô thị ngày càng khang trang, đồng bộ.

Tại các khu vực nông thôn trước đây thuộc các xã Phương Viên, Bằng Lãng và Ngọc Phái, nhà ở chủ yếu là nhà xây kiên cố, bán kiên cố và nhà ở truyền thống; phân bố tập trung tại các điểm dân cư nông thôn, dọc các tuyến giao thông và gắn với hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp của người dân.

Về phát triển các khu dân cư, trên địa bàn đã hình thành một số khu dân cư và dự án phát triển nhà ở như:

- Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị tổ 1, 2A được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2022 (đợt một đối với tổ 1) và đang tiếp tục thực hiện tại tổ

2a, thị trấn Bằng Lũng (nay là thôn 2) do nhà đầu tư Công ty Cổ phần Sơn Phúc thực hiện.

Ngoài ra có các khu dân cư Khu dân cư tổ 9: đã được UBND huyện Chợ Đồn trước sáp nhập phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 diện tích 8,3ha.

- Khu tái định cư: trên địa bàn xã có 01 khu tái định cư Di dời khẩn cấp 16 hộ dân tại vùng sạt lở Phiêng Liêng (thuộc thôn Phiêng Liêng xã Chợ Đồn).

- Diện tích nhà ở bình quân: Toàn xã có 18.453 người, quy mô hộ gia đình toàn xã là 3.841 hộ dân. Với diện tích sàn nhà ở bình quân khoảng 100 m²/hộ, tổng diện tích sàn nhà ở trên địa bàn ước đạt khoảng 380.000 m².

Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 25 m² sàn/người, cơ bản đáp ứng yêu cầu về nhà ở theo các tiêu chuẩn hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

b) Công trình giáo dục, đào tạo

- Trường Mầm non:

+ Trường Mầm non Ngọc Phái gồm 01 điểm trường chính có diện tích 2.557,6m²; 01 phân trường ở thôn Bản Cuôn diện tích 1186 m². Tuy nhiên một số hạng mục đã xuống cấp cần nâng cấp, cải tạo sửa chữa.

+ Trường Mầm non thị trấn Bằng Lũng: Diện tích 3.371,4m² .

+ Trường Mầm non xã Phương Viên được đầu tư xây dựng tại Thôn Choong, với diện tích đất hơn 3.500 m², nhà xây 2 tầng.

+ Trường Mầm non Bằng Lãng: Được đầu tư xây dựng mới tại thôn Tùm Tó với diện tích khu đất 5.462,8m² với tầng cao là 2 tầng gồm 5 phòng lớp học, 01 nhà chức năng và các công trình phụ trợ như nhà để xe, công trình vệ sinh...

- Trường Tiểu học:

+ Trường Tiểu học Ngọc Phái: điểm trường chính là 4.183m²

+ Trường Tiểu học thị trấn Bằng Lũng: Diện tích 5.838m².

+ Trường Tiểu học Phương Viên: gồm có 01 điểm trường chính, tại thôn Choong, diện tích khoảng 6.000 m².

+ Trường Tiểu học Bằng Lãng với diện tích khu đất 5.057,7m².

- Trường Trung học cơ sở:

- + Trường THCS thị trấn Bằng Lũng: Diện tích 12.400m².
- + Trường THCS Hoàng Văn Thụ: Diện tích 9.407m².
- + Trường THCS Phương Viên: diện tích khu đất là 3.221,0m².
- + Trường Phổ thông Dân tộc nội trú: Diện tích 10.390m².
- Trường Trung học phổ thông:
- + Trường THPT Chợ Đồn: Diện tích 55.347m².
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (cơ sở 2): Diện tích 8.846 m².

Hiện nay, toàn xã có 09/12 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 75%. Trong đó có 08 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (gồm 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học và 02 trường trung học cơ sở) và 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là Trường Mầm non thị trấn Bằng Lũng. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, hướng tới xây dựng hệ thống trường học đạt chuẩn đồng bộ theo tiêu chí đô thị.

Quy mô giáo dục hiện nay với 115 lớp, nhóm trẻ và 3.308 học sinh cho thấy nhu cầu học tập trên địa bàn tương đối lớn. Trong thời gian tới, cùng với quá trình phát triển đô thị và thành lập phường, hệ thống cơ sở vật chất giáo dục sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Công trình y tế

Ngoài các cơ sở Y - Dược tư nhân, cơ sở y tế công lập trên địa bàn xã Chợ Đồn, gồm có:

- Cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế (01 cơ sở): Bệnh viện Chợ Đồn, 110 giường bệnh kế hoạch; Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp cơ bản.

- Trạm y tế (04 cơ sở): Trạm Y tế xã Chợ Đồn, Điểm trạm Chợ Đồn 1, Điểm trạm Chợ Đồn 2, Điểm trạm Chợ Đồn 3; Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp ban đầu.

d) Công trình văn hóa, thể thao

- Điểm Bưu điện xã:

+ Bưu điện, VNPT tại thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp), diện tích sử dụng 2.200m².

+ Bưu điện tại xã Bằng Lãng (trước sắp xếp), diện tích 122,8m².

+ Bưu điện tại xã Phương Viên (trước sắp xếp) gồm 2 điểm bưu điện với tổng diện tích 184,1m².

+ Bưu điện tại xã Ngọc Phái (trước sắp xếp), có 01 điểm bưu điện xã tại thôn Phiêng Liêng diện tích là 202,8m².

- Nhà văn hóa xã: Hiện tại các xã trước sắp xếp đều có nhà văn hóa được thi công xây dựng trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã cũ.

- Sân thể thao xã: Xã chưa có sân thể dục thể thao chung.

- Nhà văn hóa, khu thể thao các thôn:

+ Thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp): đã đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao với quy mô diện tích khoảng 5.000m² phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao.

+ Xã Bằng Lãng (trước sắp xếp): đã được xây dựng mới tại trung tâm của 10 thôn, về cơ bản bản các thôn chưa có khu thể thao thôn, do không có quỹ đất.

+ Xã Phương Viên (trước sắp xếp): Hiện trạng các thôn đều có nhà văn hóa thôn, tuy nhiên các công trình nhà văn hóa thôn đã được đầu tư xây dựng nhưng cơ bản không đảm bảo diện tích theo tiêu chí do sáp nhập thôn. Một số công trình nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng kiên cố, một số thôn không bố trí được quỹ đất để xây dựng. Các thôn đều có quy hoạch sân thể thao đơn giản từ 200 m² trở lên.

+ Xã Ngọc Phái (trước sắp xếp): Nhà văn hóa xã đang thi công xây dựng tại vị trí Trạm y tế xã cũ, quy mô nhà văn hóa 200 chỗ ngồi. Xã chưa xây dựng được sân thể dục thể thao.

- Di tích lịch sử: Trên địa bàn có 05 di tích lịch sử cấp tỉnh (*Bản Cài, Tùm Tó, Nền nhà ông Lãng Văn Quân, Nền nhà ông Hoàng Văn Quý, Đèo Kéo Phay*).

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

- Hoạt động dịch vụ trong xã đã được hình thành mỗi thôn có từ 1-3 hộ bán hàng nhu yếu phẩm, quán ăn, giải khát, làm đầu mỗi tiêu thụ nông lâm sản, hải sản phục vụ nhân dân kịp thời và thuận lợi.

- Trong những năm qua, xã đã phấn đấu phát triển kinh tế theo hướng nông lâm nghiệp, TTCN và dịch vụ; sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường và đã có nhiều bước chuyển biến rõ rệt.

+ Thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp) hiện có 01 chợ trung tâm và là chợ đầu mối của huyện với diện tích khoảng 6.200m².

+ Xã Bằng Lãng (trước sắp xếp): Không có chợ.

+ Xã Phương Viên (trước sắp xếp) có chợ được xây dựng năm 2011 với diện tích 2.845,7m².

+ Xã Ngọc Phái (trước sắp xếp): Không có chợ.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính, chính trị trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân.

Hiện nay, trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được bố trí sử dụng tại khu trụ sở hành chính huyện Chợ Đồn trước đây. Hệ thống nhà làm việc, phòng họp, trang thiết bị chuyên môn và hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có các công trình hành chính, sự nghiệp quan trọng như:

- Trụ sở Công an xã;
- Ban Chỉ huy Quân sự xã;
- Trạm Y tế;
- Điểm Bưu điện;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công và các công trình công cộng khác.

Các công trình được bố trí tập trung tại khu vực trung tâm, thuận lợi cho việc giải quyết thủ tục hành chính, tiếp cận dịch vụ công và thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước.

1.7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

* Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 3B nối xã Chợ Đồn sang tỉnh Tuyên Quang, mặt đường có bề rộng 8-10m, đoạn chạy qua thị trấn có chiều dài khoảng 0,7 km.

- Quốc lộ 3B nối phường Bắc Kạn đến xã Chợ Đồn sang đường tránh phía Tây (Tỉnh lộ 254) theo hướng Đông Tây, mặt cắt ngang trung bình 8-10m, tổng chiều dài đoạn qua khu vực lập quy hoạch khoảng 8 km. Đoạn chạy qua trung tâm xã có chiều dài khoảng 1,2km, mặt cắt ngang 19,5m tạo thành đường trục chính đô thị theo hướng Đông Tây.

- Bên cạnh đó quốc lộ 3B dài 3km đã được cứng hóa 100%, chiều dài từ Ngã ba Nà Tùm đến Ba Bò, kết nối xã Ngọc Phái cũ đi huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cũ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao thương, dịch vụ, du lịch và liên kết vùng.

- Quốc lộ 3C nối từ huyện Định Hóa cũ lên trung tâm xã Chợ Đồn đi hồ Ba Bể đầu vào Quốc lộ 279. Hiện nay, tuyến đã được xây dựng tránh trung tâm đô thị tại phía Tây có mặt cắt ngang đường 8-10m. Đoạn chạy qua trung tâm xã có chiều dài khoảng 1,76km.

* Giao thông đối nội:

- Tỉnh lộ 257B nối từ QL3B qua trung tâm xã Phương Viên cũ đi xã Bằng Phúc cũ, mặt cắt ngang trung bình 5,5-10m, tổng chiều dài đoạn qua xã dài 7km đã được nhựa hóa.

- Tuyến đường QL3C bắt đầu từ thôn Nà Duồng đến thôn Liên Thủy, có chiều dài 9,5km (Từ Km55+600 đến Km65+100).

- Tuyến đường ĐT254 bắt đầu từ ngã ba thôn Liên Thủy đến hết thôn Liên Thủy có chiều dài 2,8km (Từ Km0+00 đến Km2+800).

- Tuyến bắt đầu từ ngã ba thôn Tùm Tó đến thôn Liên Minh có chiều dài 9km (Từ Km61+480 đường QL3C).

- Tuyến bắt đầu từ ngã ba thôn Khuổi Tặc đến thôn Bản Cưa có chiều dài 3km (Từ Km59+900 đường QL3C).

- Quốc lộ 3C chiều dài 9km đã được cứng hóa 100%, chiều dài từ ngã ba Nà Tùm đến Bản Cuôn 1, là tuyến đường kết nối từ trung tâm tỉnh Thái Nguyên, xã Chợ Đồn đến khu du lịch hồ Ba Bể.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Hiện trạng sử dụng điện: Các thôn bản trên địa bàn xã đã có điện lưới quốc gia phục vụ nhu cầu về điện sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, 100% số hộ dân sử dụng điện an toàn. Mạng lưới chiếu sáng đường giao thông còn ít nhất là các tuyến đường ngõ xóm, cần đầu tư xây dựng mới để đảm bảo giao thông cũng như sinh hoạt của người dân.

- Nguồn điện: Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã là hệ thống điện quốc gia thuộc khu vực điện huyện Chợ Đồn cũ và điện nông thôn, nguồn điện tương đối ổn định. Hiện tại thị trấn Bằng Lũng cũ được cấp điện từ trạm 110KVA-E26.2 Chợ Đồn có công suất 1x25MVA. Các trạm lưới 35/0,4 kV trong xã dùng trạm đặt ngoài trời treo trên cột. Các máy biến áp dùng loại 3 pha.

- Mạng lưới điện:

+ Thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp): Đường dây trung thế 35KV cấp điện cho thị trấn Bằng Lũng cũ đi nổi bằng dây AC-70. Tổng chiều dài khoảng 13,586 km.

+ Xã Phương Viên (trước sắp xếp): 17km đường dây trung thế; 19,7km đường dây hạ thế; 7 trạm biến áp phân phối điện tổng công suất 995kVA, các đường dây, công tơ được đầu tư đảm bảo theo quy định và đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã.

+ Xã Bằng Lãng (trước sắp xếp): Mạng lưới 0,4 kV bố trí đi nổi, toàn xã Bằng Lãng cũ có khoảng 15,0km đường dây 0,4 kV do Điện Lực Chợ Đồn quản lý. Lưới điện 0,4kV chủ yếu là cột H8,5 và H7,5 đối với đường trục.

- Trạm biến áp: Trong phạm vi quy hoạch có 16 trạm biến áp với tổng công suất các trạm biến áp là 2.250KVA.

c) Hệ thống cấp nước

- Trạm cấp nước thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp) được đầu tư xây dựng từ năm 2008, đưa vào sử dụng từ năm 2010, với công suất thiết kế là 800 m³/ngđ, được sử dụng từ 02 nguồn nước gồm: Nguồn nước tại Giếng Mắt Ròng có công suất 300 m³/ngđ, nguồn nước lấy tại đập Khuổi Tráng có công suất 500 m³/ngđ. Tổng chiều dài mạng lưới đường ống chính và đường ống phân phối khoảng 8.379m. Hiện tại, công suất khai thác đạt từ 95-100%, tỷ lệ thất thoát nước đang ở mức cao (22%).

- Khu vực xã Bằng Lãng (trước sắp xếp): Những năm gần đây, nhà nước đã đầu tư xây dựng bể chứa, đường ống dẫn nước hợp vệ sinh về khu dân cư tập

trung tại một số thôn và trung tâm xã xong do khâu duy tu bảo dưỡng không được thường xuyên nên lượng nước sinh hoạt cấp cho các hộ dân chưa được đảm bảo thường xuyên. Hiện nay, một số hộ gia đình vẫn phải sử dụng nước từ các giếng khoan, khe mố.

- Khu vực xã Ngọc Phái (trước sắp xếp): Cơ bản đã có hệ thống các công trình công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối thôn với thôn; thôn với vùng sản xuất; thôn với trung tâm xã và vùng liên xã. Hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo phần lớn sinh hoạt cho người dân.

- Khu vực xã Phương Viên (trước sắp xếp) đã được Nhà nước đầu tư xây dựng bể chứa, hệ thống nước sinh hoạt tự chảy hợp vệ sinh, về các khu dân cư ở các thôn, nhưng do khâu duy tu bảo dưỡng không được thường xuyên nên một số công trình đã và đang xuống cấp. Ngoài hệ thống nước sinh hoạt tự chảy hiện tại một số hộ gia đình đang sử dụng nước từ các giếng khơi, giếng khoan, nước khe mố.

d) Thoát nước và xử lý nước thải

- Thoát nước thải:

+ Thoát nước thải sinh hoạt: Hiện nay trên địa bàn thị trấn Bằng Lũng cũ chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, còn gây ô nhiễm. Với mật độ dân cư rải rác và những nơi dân cư sống tập trung hệ thống thoát nước thải hầu như chưa có, hoặc có những chưa đạt tiêu chuẩn, nước mưa và nước thải ngấm xuống đất, chảy tràn xuống khe tụ thủy hoặc suối. Nước thải sinh hoạt của từng hộ gia đình được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại rồi chảy ra hệ thống chung với hệ thống thoát nước.

+ Thoát nước thải sản xuất: Các cơ sở sản xuất trên địa bàn xã có xây dựng hệ thống xử lý nước tại nơi sản xuất đều đạt chuẩn về môi trường.

- Xã chưa có hệ thống nhà máy xử lý nước thải.

đ) Viễn thông, thông tin liên lạc

* Bru chính:

- Bru điện trung tâm (tại thị trấn Bằng Lũng trước sắp xếp) đóng vai trò điều phối chính.

- Các xã Phương Viên cũ, Bằng Lãng và Ngọc Phái (trước sắp xếp) đều duy trì mô hình Bru điện văn hóa xã. Hiện nay, các điểm này không chỉ chuyển phát thư từ mà còn là điểm cung cấp các dịch vụ như: thu hộ tiền điện/nước, chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

- Sự bùng nổ của thương mại điện tử đã kéo theo sự hiện diện của các đơn vị vận chuyển tư nhân (như Giao hàng nhanh, J&T, Viettel Post) tại khu vực thị trấn Bằng Lũng cũ, tạo ra mạng lưới giao nhận sôi động. Tại các xã, hàng hóa từ các sàn TMĐT đã được bưu tá chuyển đến tận tay người dân ở các thôn bản, mặc dù thời gian giao hàng có thể chậm hơn 1-2 ngày so với khu vực thị trấn do điều kiện địa lý.

- Bưu điện các xã đang bắt đầu thực hiện vai trò hỗ trợ nông dân đưa các sản phẩm thế mạnh của địa phương (như chè, gạo bao thai, măng khô) lên các sàn giao dịch bưu chính (như Agri-post), giúp mở rộng đầu ra cho nông sản Chợ Đồn.

* Viễn thông:

- Mạng lưới cáp quang băng rộng (FTTH) đã phủ đến 100% trung tâm các xã và thị trấn. Đặc biệt, tại thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp), hạ tầng này đã len lỏi đến từng ngõ ngách, tổ dân phố.

- Sóng di động (chủ yếu là 4G) của các nhà mạng lớn như Viettel, VNPT, Mobifone đã phủ kín các khu vực trung tâm và các trục đường chính. Tuy nhiên, tại một số thôn vùng cao, vùng sâu của xã Ngọc Phái và Bằng Lãng (trước sắp xếp), tín hiệu đôi khi còn chập chờn do địa hình đồi núi chia cắt.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet tại thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp) đạt mức rất cao. Tại các xã như Phương Viên (trước sắp xếp), người dân bắt đầu sử dụng Internet không chỉ để giải trí mà còn để tra cứu kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

- Hệ thống wifi miễn phí đã được lắp đặt tại hầu hết các Nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã để phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã kết nối thông suốt giúp nâng cao hiệu quả điều hành trong mọi điều kiện thời tiết, địa hình.

Hạ tầng thông tin liên lạc tại địa phương chủ yếu là các tuyến cáp đi nổi trên cột điện và các trạm BTS hiện hữu đã đảm bảo phủ sóng thông suốt cho các cụm dân cư. Hệ thống cáp quang và điểm bưu điện văn hóa duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số và nhu cầu dịch vụ công của nhân dân trên địa bàn.

e) Vệ sinh môi trường

- Hiện nay các xã chưa có khu xử lý chất thải rắn và điếm thu gom rác thải ở một số thôn. Chất thải rắn sinh hoạt của nhân dân đều tự xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp, chủ yếu là các hộ gia đình tự thu gom sau đó chôn đốt trong vườn.

- Trên địa bàn thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp) có hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt và khu xử lý rác thải sinh hoạt với quy mô 5ha, tại thôn Bản Tàn (cạnh quốc lộ 3C) đảm bảo khoảng cách về môi trường với trung tâm đô thị, công nghệ xử lý rác bằng lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh. Tỷ lệ thu gom rác của thị trấn đạt 90%, công suất xử lý 5 tấn/ngày.

1.8. Hiện trạng quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Tình hình quốc phòng trên địa bàn xã cơ bản ổn định, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Ban Chỉ huy Quân sự xã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên được thực hiện đúng quy định; quân số được quản lý chặt chẽ.

Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được triển khai theo kế hoạch, bảo đảm chất lượng và an toàn.

Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được duy trì nghiêm túc.

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Chỉ huy Quân sự xã đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an và các ban, ngành trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

b) An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Trong thời gian qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản được giữ vững, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống của nhân dân. Cấp ủy, chính quyền địa phương

đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự; lực lượng Công an xã chủ động tham mưu, triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật.

Về an ninh chính trị nội bộ, tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cơ bản ổn định; nhân dân tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh thông tin, an ninh nông thôn được duy trì.

Về trật tự an toàn xã hội, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật tuy được kiềm chế nhưng vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Một số loại tội phạm và hành vi vi phạm như trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, tội phạm ma túy có thời điểm còn xảy ra.

Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự từng bước được tăng cường, nhất là quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy. Các mô hình tự quản về an ninh trật tự, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: địa bàn rộng, dân cư phân tán hoặc biến động; một bộ phận người dân còn hạn chế ý thức chấp hành pháp luật; việc phối hợp giữa các lực lượng trong một số thời điểm chưa thật sự đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự còn hạn chế.

Nhìn chung, tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định, không xảy ra vụ việc đặc biệt nghiêm trọng hoặc hình thành điểm nóng phức tạp.

1.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổng biên chế được tạm giao từ ngày 01/7/2025 là 30 công chức, tính đến ngày 31/12/2025, số lượng biên chế có mặt 29 công chức. Trong đó, Đảng ủy có 19 công chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có 08 công chức. Với quy mô, tính chất hoạt động hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và thành lập phường trên cơ sở hợp nhất 04 xã, quy mô dân số, địa bàn quản lý và khối lượng công

việc sẽ tăng lên đáng kể. Đồng thời, yêu cầu về chất lượng tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện chính quyền đô thị cũng cao hơn. Do đó, cần tiếp tục rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức và khung vị trí việc làm theo quy định; đồng thời nghiên cứu, xem xét kiện toàn số lượng và cơ cấu biên chế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế nhằm nâng cao tính chuyên môn hóa, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sau khi thành lập phường.

b) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

Năm 2025, HĐND và UBND xã Chợ Đồn được tạm giao 67 biên chế cán bộ, công chức. Tính đến ngày 31/12/2025, số lượng biên chế có mặt 46/67 biên chế, trong đó:

- Văn phòng HĐND&UBND xã có mặt 17/25 biên chế.
- Phòng Kinh tế có mặt 12/17 biên chế;
- Phòng Văn hóa - Xã hội có mặt 11/15 biên chế;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công có mặt 06/10 biên chế.
- Chất lượng cán bộ, công chức:

+ Trình độ chuyên môn: 100% cán bộ, công chức có trình độ đào tạo từ Đại học trở lên, cụ thể: Thạc sỹ: 05 người; Đại học: 41 người;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 05 người; Trung cấp: 22 người.

HĐND và UBND xã đã kiện toàn đủ số lượng lãnh đạo UBND xã (gồm 01 Chủ tịch UBND, 01 Phó Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch UBND). Đối với các cơ quan chuyên môn đã kiện toàn 03 vị trí cấp trưởng; 04 vị trí cấp phó.

Việc quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức được thực hiện theo các quy định hiện hành; bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa quản lý biên chế cán bộ, công chức với vị trí việc làm và cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức.

2. Đối với xã Định Hóa

2.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Định Hóa được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Chợ Chu cùng các xã Bảo Linh, Phúc Chu và Đồng Thịnh thuộc huyện Định Hóa trước đây. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 67,3 km², quy mô dân số 23.097 người. Định Hóa là xã miền núi, nằm về phía Tây của tỉnh Thái Nguyên, xã có vị trí địa lý tiếp giáp với các đơn vị sau:

- Phía Đông giáp xã Phượng Tiên, xã Trung Hội.
- Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang.
- Phía Nam giáp xã Bình Yên, xã Trung Hội.
- Phía Bắc giáp xã Kim Phượng, xã Nghĩa Tá.

Tổng thể địa hình xã khá đa dạng, đồi núi chiếm 36,15% đất tự nhiên của toàn xã, xen kẽ là những cánh đồng tạo thành địa hình nhấp nhô đồi bát úp, ruộng bậc thang. Độ dốc lớn và có nhiều sông suối, ít thuận lợi cho xây dựng. Có nhiều tiềm năng để phát triển lâm nghiệp, kinh tế vườn đồi.

b) Vai trò chức năng

Xã Định Hóa có vị trí quan trọng trong liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Thái Nguyên với tỉnh Tuyên Quang, sau khi có đường Hồ Chí Minh nối tiếp từ Thị trấn Chợ Chu đến ngã ba Trung Sơn (Tuyên Quang) và các xã lân cận. Với vị trí là trung tâm khu vực phía Tây của tỉnh, xã giữ vai trò là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội, là địa bàn kết nối các tuyến giao thông quan trọng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và mở rộng không gian phát triển của địa phương. Định Hóa đồng thời là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa của khu vực; là nơi tập trung các cơ quan nhà nước và các thiết chế công cộng phục vụ nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Với lợi thế nằm trên các tuyến giao thông kết nối liên vùng, xã có chức năng là đầu mối giao thương, tiêu thụ hàng hóa, cung ứng dịch vụ và hỗ trợ phát triển sản xuất cho các địa phương lân cận. Đồng thời, đây cũng là địa bàn có tiềm năng phát triển các ngành dịch vụ, du lịch lịch sử, du lịch trải nghiệm gắn với hệ thống di tích lịch sử cách mạng ATK Định Hóa và các giá trị văn hóa truyền thống giàu bản sắc của địa phương. Bên cạnh đó, với quỹ đất đồi rừng lớn, điều kiện sinh thái đa dạng và hệ thống sông suối phong phú, xã Định Hóa có chức năng là vùng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng bền vững; phát triển kinh tế đồi rừng, cây lâm nghiệp, cây ăn quả, dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Định Hóa được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò là trung tâm khu vực phía Tây của tỉnh, là hạt nhân thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và liên kết các đô thị trong vùng. Do đó, xã có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và từng bước hoàn thiện mạng lưới đô thị của tỉnh Thái Nguyên.

Đồng thời, với vị trí là địa bàn có truyền thống cách mạng, nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Định Hóa, xã còn có vai trò đặc biệt trong việc bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa cách mạng; giáo dục truyền thống yêu nước; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

2.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Định Hóa được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số Thị trấn Chợ Chu và các xã Bảo Linh, Phúc Chu, Đồng Thịnh trước đây thuộc huyện Định Hóa, thành xã Định Hóa. Theo kết quả kiểm kê đất đai, tổng diện tích đất tự nhiên của xã Định Hoá là 6.725,59 ha, trong đó diện tích các loại đất cụ thể như sau:

Đất nông nghiệp 6.066,20 ha; chiếm 90,20 % tổng diện tích tự nhiên;

Đất phi nông nghiệp 634,91 ha; chiếm 9,44% tổng diện tích tự nhiên; trong đó lâm nghiệp chiếm 4.170,78 ha bao gồm đất rừng đặc dụng 243,83 ha, rừng phòng hộ 1.755,33 ha, rừng sản xuất 2.171,61 ha.

Đất chưa sử dụng 24,48 ha; chiếm 0,36% tổng diện tích tự nhiên.

2.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Sau khi được thành lập xã Định Hóa có 41 xóm với 5.495 hộ, với 23.097 nhân khẩu (Theo số liệu Công an xã Định Hoá cung cấp từ hệ thống quản lý phần mềm dữ liệu quốc gia về dân cư), có 15 dân tộc anh em cùng sinh sống (Tày, Nùng, Dao, Sán Chí, Mông, Kinh, Pà Thẻn, Thái, Mường, Cao Lan, Sán Dìu, Hoa, Ê Đê, Giáy, Cờ Ho).

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động dồi dào, cơ cấu lao động từng bước chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong các lĩnh

vực thương mại, dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Số lao động đang làm việc 14.208 người. Trong đó: hiện tại có 10.328 người đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp. Số lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp là 625 người. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 72\%$. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp xã Định Hóa đạt 67,23%.

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Định Hóa được hình thành từ nhiều thế hệ sinh sống lâu đời, có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tổng dân số của xã là 23.103 người, phân bố tại các xóm trên địa bàn. Cộng đồng dân cư gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay và một số dân tộc khác. Các dân tộc luôn đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trình độ dân trí của người dân ngày càng được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm qua các năm. Nhân dân trên địa bàn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở địa phương; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

Với quy mô dân số tương đối lớn, nguồn lao động dồi dào, cùng truyền thống lịch sử, văn hóa và tinh thần đoàn kết của cộng đồng các dân tộc, đây là điều kiện thuận lợi để xã Định Hóa phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quá trình đô thị hóa và từng bước xây dựng phường Định Hóa trong thời gian tới.

2.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Định Hóa những năm gần đây có bước phát triển tích cực, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân. Với lợi thế là địa bàn trung tâm của huyện Định Hóa trước đây, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động giao thương, trao đổi hàng hóa và cung ứng dịch vụ.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 06 chợ dân sinh được quy hoạch, trong đó có 05 chợ đang hoạt động gồm: Chợ Chu, chợ Bảo Biên, chợ Đồng Đình, chợ An Thịnh và chợ Tân Lập; còn 01 chợ (Quế Linh) hiện không hoạt động. Hệ thống

chợ cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân trong và ngoài địa phương, đồng thời tạo điều kiện tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp của xã.

Bên cạnh đó, mạng lưới cửa hàng kinh doanh tổng hợp, đại lý vật tư nông nghiệp, cơ sở dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính và các loại hình dịch vụ khác tiếp tục được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, nâng cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, kết nối giao thương giữa xã Định Hóa với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã từng bước phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành phi nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Các ngành nghề chủ yếu hiện nay gồm chế biến chè, nông sản và lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí nhỏ; mộc dân dụng và chế biến thực phẩm. Trên địa bàn có 03 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và trên 20 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực cơ khí, mộc dân dụng, chế biến nông sản, thực phẩm. Nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất chủ yếu dựa trên thế mạnh của địa phương như chè, gỗ rừng trồng và các sản phẩm nông nghiệp khác.

Mặc dù quy mô sản xuất còn nhỏ, song các cơ sở sản xuất đã từng bước đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

- Hoạt động xây dựng

Lĩnh vực xây dựng có sự phát triển có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Trong những năm gần đây, nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, nâng cấp như hệ thống giao thông nông thôn, đường liên xã, liên vùng; trường học; trạm y tế; nhà văn hóa; hệ thống điện, nước sinh hoạt và các công trình công cộng khác. Các công trình được đầu tư đã góp phần hoàn thiện diện mạo nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, tham gia thi công các công trình dân dụng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông, lâm nghiệp tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực của xã, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và bảo đảm sinh kế cho phần lớn dân cư nông thôn.

- Trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định, cơ cấu cây trồng từng bước được chuyển đổi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Người dân chủ động thực hiện sản xuất đúng khung thời vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích canh tác.

Trong năm 2025, tổng diện tích gieo cấy lúa và ngô đạt 828 ha, bằng 100% kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng lương thực có hạt trong 9 tháng đầu năm đạt 4.565 tấn, bằng 50,6% kế hoạch năm. Hệ thống thủy lợi được duy tu, vận hành ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Chăn nuôi và thú y

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng duy trì ổn định quy mô đàn vật nuôi, bảo đảm an toàn dịch bệnh. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn cơ bản đạt từ 87% đến 96% kế hoạch năm; trong đó đàn trâu, bò và đàn lợn đạt trên 93% kế hoạch.

Các hộ chăn nuôi từng bước áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới, nâng cao hiệu quả sản xuất và phòng, chống dịch bệnh. Công tác tiêm phòng, kiểm soát dịch bệnh và vệ sinh thú y được thực hiện thường xuyên, góp phần ổn định sản xuất chăn nuôi trên địa bàn.

- Kinh tế tập thể và chương trình OCOP

Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm củng cố và phát triển. UBND xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức nhiều lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn người dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến đối với cây lúa, cây chè, cây ăn quả và cây lâm nghiệp.

Đồng thời, xã tích cực phối hợp với các hợp tác xã xây dựng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, phát triển sản phẩm OCOP gắn với lợi thế địa

phương, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và tăng thu nhập cho người dân.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Công tác tuần tra, kiểm tra, giám sát khai thác lâm sản; phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường. Trong 9 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn không xảy ra vụ cháy rừng nào; độ che phủ rừng tiếp tục được duy trì ổn định, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng. UBND xã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp giữ vững các tiêu chí đã đạt được; đồng thời triển khai nhiều hoạt động chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Phong trào “Ngày Chủ nhật xanh gắn với bảo trì đường bộ” được triển khai rộng khắp tại các xóm, với các hoạt động như thu gom rác thải, phát quang đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh và chỉnh trang khu dân cư. Qua đó góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn tiếp theo.

d) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn xã được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Nguồn thu ngân sách trên địa bàn chủ yếu từ các khoản thuế, phí, lệ phí, thu từ đất đai, hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản huy động theo quy định và nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên. Công tác thu ngân sách được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, bảo đảm khai thác tốt các nguồn thu, hạn chế thất thu ngân sách. Kết quả thực hiện thu ngân sách đạt 468.486.639.034 đ/466.396.095.338 đ đạt 100,45% KH

Chi ngân sách được điều hành theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên cho các nhiệm vụ trọng tâm như đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế, an

sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính và xây dựng nông thôn mới. Các khoản chi thường xuyên được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Nhìn chung, công tác thu, chi ngân sách của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện đời sống Nhân dân và tạo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

2.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Công tác Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Định Hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư và phát triển toàn diện. Toàn xã có 16 cơ sở giáo dục và đào tạo. Hiện nay, xã có 14 trường học, gồm 5 trường mầm non, 4 trường tiểu học và 5 trường trung học cơ sở; với 161 nhóm, lớp và 4.454 học sinh các cấp học; 01 trường trung học phổ thông và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Mạng lưới trường, lớp được quy hoạch tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

Quy mô giáo dục các cấp học được duy trì ổn định, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 và học sinh trong độ tuổi đi học đều đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì vững chắc.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao; các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển giáo dục STEM. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Nhìn chung, hệ thống giáo dục trên địa bàn phát triển ổn định, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng xã hội của đô thị và tạo nền tảng cho việc thành lập phường Định Hóa trong thời gian tới.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã Định Hóa luôn được quan tâm chỉ đạo và

triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, bảo đảm an sinh xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, ngoài hệ thống các cơ sở hành nghề y, được tư nhân, trên địa bàn xã có mạng lưới cơ sở y tế công lập tương đối hoàn chỉnh, gồm 01 cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế là Bệnh viện đa khoa Định Hóa với quy mô 275 giường bệnh kế hoạch, được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ bản; cùng 05 cơ sở y tế tuyến cơ sở gồm Trạm Y tế xã Định Hóa và 04 điểm trạm y tế đặt tại các khu vực dân cư, được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật ban đầu. Hệ thống y tế này bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ dân cư trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư nâng cấp; đội ngũ cán bộ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế quốc gia. Công tác phòng, chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên; các hoạt động tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường được triển khai hiệu quả.

Công tác khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao về chất lượng; người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ y tế từ tuyến cơ sở đến tuyến huyện. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế duy trì ở mức cao, góp phần bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe và giảm chi phí khám chữa bệnh cho người dân.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ, gắn với công tác truyền thông, tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Nhận thức của người dân về dân số, sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới ngày càng được nâng cao; các chỉ tiêu về dân số cơ bản được kiểm soát, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực địa phương.

Với hệ thống cơ sở khám chữa bệnh tương đối hoàn chỉnh gồm 01 bệnh viện đa khoa quy mô 275 giường bệnh và 05 cơ sở y tế tuyến cơ sở, xã Định Hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để bảo đảm tiêu chí hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và phục vụ quá trình phát triển đô thị, làm cơ sở cho việc thành lập phường Định Hóa trong thời gian tới.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn xã Định Hóa được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và

tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân. Hiện nay, xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao với tổng diện tích khoảng 65.000 m² gồm nhà thi đấu và sân vận động; Quảng trường ATK Định Hóa diện tích khoảng 70.000 m² đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quy mô lớn; Nhà Thiếu nhi diện tích khoảng 10.000 m² phục vụ các hoạt động giáo dục, văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi.

Mạng lưới thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư tương đối đồng bộ với 41/41 xóm có nhà văn hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Trên địa bàn có nhiều công trình thể thao phục vụ hoạt động thể dục, thể thao quần chúng như sân vận động trung tâm, sân vận động tại các khu dân cư và các sân thể thao công cộng.

Hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ đời sống dân sinh được phát triển thông qua hệ thống 06 chợ dân sinh, trong đó có Chợ Chu và Chợ Tân Lập là các chợ trung tâm, đóng vai trò quan trọng trong giao thương, trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Định Hóa là địa bàn có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa cách mạng, nằm trong vùng An toàn khu (ATK) Định Hóa. Trên địa bàn hiện có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia và cấp tỉnh, tiêu biểu như nhà Tù Chợ Chu; Chùa Hang, di tích cơ quan Bộ tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam thời kỳ (1949-1954), di tích địa điểm đóng quân Cục Tác chiến thời kỳ (1949-1954), địa điểm nơi thành lập Tiểu đoàn 187 tiền thân của Lữ đoàn 144 và địa điểm nơi thành lập chi bộ Châu Định Hóa tiền thân của Đảng bộ huyện Định Hóa, địa điểm thành lập và đóng quân của Cục Tổng Thanh tra Quân đội Quốc gia Việt Nam; di tích Xưởng Đội Cán - Nhà máy quân giới K77 1947-1954 cùng nhiều di tích lịch sử cách mạng khác. Ngoài ra, địa phương còn có các công trình tín ngưỡng, tôn giáo như Chùa Hang và Nhà thờ Giáo họ Chợ Chu, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Bên cạnh hệ thống di tích lịch sử cách mạng, xã Định Hóa còn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch lịch sử, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái gắn với Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa, tuyến du lịch Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh và các cảnh quan tự nhiên đặc trưng của vùng trung du miền núi. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch, dịch vụ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của địa phương.

Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, các công trình lịch sử, văn hóa và tiềm năng du lịch trên địa bàn xã Định Hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, đồng thời là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân, hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng xã hội và phục vụ mục tiêu thành lập phường Định Hóa trong thời gian tới.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã Định Hóa được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và bảo đảm ổn định xã hội.

Cơ cấu lao động của xã chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 14.208 người, trong đó tỷ lệ lao động phi nông nghiệp xã Định Hóa đạt 67,23%. Các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ ngày càng thu hút nhiều lao động, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề và hỗ trợ người lao động được quan tâm thực hiện; các chương trình vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ tạo việc làm và giảm nghèo được triển khai hiệu quả. Người lao động có điều kiện tiếp cận các cơ hội việc làm, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Định Hóa luôn được quan tâm thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Công tác chi trả trợ cấp thường xuyên, hỗ trợ bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở và các chính sách an sinh khác được thực hiện công khai, minh bạch; việc chi trả chế độ ưu đãi người có công được thực hiện 100% bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Địa bàn xã Định Hóa có truyền thống cách mạng, là trung tâm của vùng An toàn khu (ATK) Định Hóa, nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam. Hiện nay, toàn xã có 392 người có công, thân nhân người có công với cách mạng và gia đình thờ cúng liệt sĩ đang được quản lý, thực hiện chế độ chính sách theo quy định. Công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc người có

công được các cấp, các ngành và Nhân dân tích cực hưởng ứng, góp phần phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các công trình ghi công liệt sĩ được chú trọng thực hiện. Trên địa bàn hiện có 01 Nghĩa trang Liệt sĩ và 05 Nhà bia ghi tên liệt sĩ, thường xuyên được tu bổ, tôn tạo, bảo đảm trang nghiêm, phục vụ hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng và sinh hoạt văn hóa, tâm linh của Nhân dân.

Nhìn chung, hệ thống an sinh xã hội trên địa bàn được bảo đảm, các chính sách xã hội được triển khai hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu xây dựng phường Định Hóa trong thời gian tới.

2.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn Định Hóa phát triển tương đối ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân. Hệ thống nhà ở phân bố tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn Chợ Chu cũ và dọc các trục giao thông chính, từng bước hình thành các khu dân cư có tính chất đô thị.

Nhà ở kiên cố và bán kiên cố chiếm tỷ lệ lớn, tập trung tại khu vực trung tâm và các tuyến đường liên xã, liên xóm. Khu vực nông thôn vẫn duy trì đặc trưng nhà ở gắn với kinh tế hộ gia đình, vườn đồi và sản xuất nông, lâm nghiệp; nhiều công trình nhà ở đã được đầu tư xây dựng kiên cố, khang trang, góp phần nâng cao diện mạo khu dân cư.

Mật độ xây dựng khu dân cư phổ biến từ 30% đến 40%; phần lớn là nhà ở riêng lẻ từ 1 đến 3 tầng. Hiện nay trên địa bàn còn 53 nhà tạm, nhà dột nát đang được quan tâm hỗ trợ xóa bỏ theo các chương trình an sinh xã hội và phát triển nhà ở của Nhà nước.

Đến nay, trên địa bàn chưa hình thành các khu đô thị mới hoặc khu tái định cư tập trung quy mô lớn; tuy nhiên, hệ thống khu dân cư hiện hữu đã và đang được đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo tiền đề cho quá trình phát triển đô thị và thành lập phường trong thời gian tới.

b) Công trình giáo dục và đào tạo

Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn được quy hoạch tương đối đồng bộ, phân bố hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Hiện nay trên địa bàn có đầy đủ các cấp học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Toàn xã có 16 cơ sở giáo dục và đào tạo, gồm 05 trường mầm non, 04 trường tiểu học, 05 trường trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Tổng diện tích đất dành cho giáo dục trên địa bàn đạt trên 100.000 m².

Cơ sở vật chất trường học cơ bản được đầu tư đồng bộ; hệ thống phòng học, phòng chức năng, thư viện, khu thể chất, trang thiết bị dạy học từng bước được nâng cấp theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Mạng lưới trường lớp hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

c) Công trình y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Hiện nay, trên địa bàn có Bệnh viện Đa khoa Định Hóa trực thuộc ngành Y tế với quy mô 275 giường bệnh kế hoạch, được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ bản, là cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện phục vụ người dân trong khu vực.

Bên cạnh đó, mạng lưới y tế cơ sở gồm 01 Trạm Y tế xã và 04 điểm trạm y tế được bố trí trên địa bàn nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cho người dân. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và các chương trình y tế cộng đồng được triển khai hiệu quả.

Ngoài hệ thống y tế công lập, trên địa bàn còn có các cơ sở hành nghề y, được tư nhân góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của Nhân dân.

d) Công trình văn hóa, thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và tổ chức các sự kiện chính trị - xã hội của địa phương.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã đặt tại xóm Phố Núi, gồm nhà thi đấu thể thao, sân vận động và các công trình phụ trợ với tổng diện tích khoảng 65.000

m². Đây là trung tâm tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quy mô lớn của địa phương.

Trên địa bàn còn có Quảng trường ATK Định Hóa với diện tích khoảng 70.000 m², là không gian công cộng quan trọng phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, lễ hội và hoạt động cộng đồng. Nhà Thiếu nhi tại xóm Tân Lập có diện tích khoảng 10.000 m², đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, vui chơi và giáo dục kỹ năng cho thanh thiếu nhi.

Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư. Hiện nay có 41/41 xóm có nhà văn hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa ở khu dân cư.

Các công trình thể dục, thể thao ngoài trời được bố trí tại nhiều khu dân cư, trong đó có các sân vận động và sân thể thao tại các khu vực Cốc Lùng, Quế Linh, Làng Mới và nhiều điểm sinh hoạt cộng đồng khác. Qua đó góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe và xây dựng môi trường sống văn minh cho Nhân dân.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn Định Hóa được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu về nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao của người dân; đồng thời bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ quá trình phát triển đô thị và thành lập phường Định Hóa trong giai đoạn tới.

d) Công trình thương mại, dịch vụ

Hệ thống công trình thương mại, dịch vụ trên địa bàn Định Hóa tương đối phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu giao thương, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ cho Nhân dân trong khu vực. Với vai trò là trung tâm kinh tế, hành chính của huyện Định Hóa trước đây, địa bàn có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế địa phương.

Hiện nay trên địa bàn có 06 chợ dân sinh, phân bố tương đối đồng đều, phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân trong và ngoài địa phương, gồm:

- **Chợ Chu** tại khu vực trung tâm, có diện tích 1.835,8 m². Chợ được đầu tư nâng cấp năm 2019 với các hạng mục nhà chợ và công trình phụ trợ đồng bộ, hiện hoạt động ổn định, là đầu mối giao thương quan trọng của khu vực.

- **Chợ Tân Lập** có diện tích 7.949,4 m², được cải tạo, nâng cấp năm 2024. Các hạng mục công trình hiện được khai thác hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu kinh doanh, buôn bán của Nhân dân.

- Chợ Đồng Đình tại xóm Làng Búc, diện tích 2.098 m². Chợ đang hoạt động phục vụ nhu cầu giao thương của người dân khu vực phía Nam địa bàn; tuy nhiên một số hạng mục như mái che, tường rào và khu vệ sinh đã xuống cấp, cần được sửa chữa, nâng cấp trong thời gian tới.

- Chợ An Thịnh tại xóm An Thịnh, diện tích 1.481 m². Hiện nay chợ chưa được đầu tư đầy đủ các hạng mục theo tiêu chuẩn chợ nông thôn, cần tiếp tục được quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

- Chợ Bảo Biên tại xóm Bảo Biên, diện tích 746 m². Mặc dù chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ nhưng là điểm giao thương có lượng người tham gia mua bán lớn từ các khu dân cư trong xã và các địa phương lân cận. Diện tích hiện trạng không đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài, cần nghiên cứu quy hoạch xây dựng mới nhằm bảo đảm nhu cầu giao thương trong tương lai.

- Chợ Quế Linh tại xóm Quế Linh, diện tích 3.376 m², được đầu tư theo dự án trung tâm cụm xã. Tuy nhiên hiện nay không còn hoạt động do không thu hút được tiêu thương và người dân tham gia họp chợ.

Bên cạnh hệ thống chợ, trên địa bàn còn có mạng lưới cửa hàng kinh doanh tổng hợp, đại lý vật tư nông nghiệp, cơ sở dịch vụ vận tải, bưu chính - viễn thông, các điểm giao dịch tài chính, ngân hàng, cơ sở lưu trú, nhà hàng, dịch vụ ăn uống và các loại hình thương mại, dịch vụ khác. Hệ thống này đang từng bước phát triển, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ dân cư và đáp ứng yêu cầu của một đơn vị hành chính đô thị trong tương lai.

đ) Trụ sở cơ quan và công trình hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính, chính trị trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phục vụ Nhân dân.

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

Khu Trung tâm hành chính của xã được bố trí tại xóm Trung Tâm, với tổng diện tích 13.240,3 m². Khuôn viên bao gồm trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND,

UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cùng các hạng mục phụ trợ phục vụ hoạt động quản lý, điều hành.

Công trình được đầu tư tương đối đồng bộ, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức và nhu cầu giao dịch hành chính của tổ chức, công dân; đồng thời có khả năng tiếp tục khai thác phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính cấp phường sau khi thành lập.

- Trụ sở Công an

Hiện nay lực lượng Công an xã được bố trí làm việc tại nhiều địa điểm nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Các cơ sở hiện có gồm:

+ Trụ sở Công an huyện Định Hóa cũ với diện tích khoảng 5.520 m²;

+ Trụ sở UBND thị trấn Chợ Chu cũ với diện tích khoảng 2.611,7 m²;

+ Quỹ đất dự kiến xây dựng Khu trụ sở Công an huyện Định Hóa (cũ) tại địa bàn xã Phúc Chu cũ với diện tích khoảng 4 ha.

Nhìn chung, quỹ đất và hệ thống công trình hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu bố trí nơi làm việc, sinh hoạt, huấn luyện và thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Công an; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức bộ máy và bố trí cơ sở vật chất khi thành lập phường Định Hóa.

- Các công trình hành chính, công cộng khác

Ngoài các công trình nêu trên, trên địa bàn còn có hệ thống trung tâm phục vụ hành chính công, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và các công trình công cộng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công và phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Đây là nền tảng quan trọng bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ việc hình thành và vận hành đơn vị hành chính phường trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống công trình thương mại, dịch vụ và công trình hành chính trên địa bàn Định Hóa đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và tạo cơ sở thuận lợi cho việc thành lập phường Định Hóa theo định hướng phát triển trong giai đoạn mới.

2.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn Định Hóa được đầu tư tương đối đồng bộ, đóng vai trò là đầu mối kết nối giữa khu vực trung tâm huyện Định Hóa trước đây với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Mạng lưới giao thông gồm các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

- Giao thông đối ngoại

Quốc lộ 3C là trục giao thông quan trọng kết nối huyện Phú Lương (Cũ) với huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn) (cũ), đi qua trung tâm xã Định Hóa. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; đoạn qua khu vực trung tâm hiện hữu đã được đầu tư theo tiêu chuẩn đường đô thị với lộ giới 27 m, mặt đường rộng 15 m.

Đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 13,7 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Đoạn qua khu vực trung tâm có mặt đường rộng 15 m, lộ giới quản lý 27 m. Đây là tuyến giao thông huyết mạch có vai trò quan trọng trong kết nối liên vùng và thúc đẩy phát triển đô thị.

- Giao thông đối nội

Mạng lưới giao thông nội bộ được hình thành tương đối hoàn chỉnh với các tuyến đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn liên kết các khu dân cư trên địa bàn:

+ Đường huyện ĐH.95 (Phúc Chu - Bảo Linh), chiều dài qua địa bàn khoảng 8,78 km.

+ Đường huyện ĐH.96 (Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ), chiều dài khoảng 0,73 km.

+ Đường huyện ĐH.98 (Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên), chiều dài khoảng 11,4 km.

+ Đường huyện ĐH.66 (Trung Lương - Đồng Thịnh - Định Biên - Bảo Linh), chiều dài khoảng 2,3 km.

Tổng chiều dài đường giao thông nội thị hiện có khoảng 6,03 km; hệ thống giao thông nông thôn đạt khoảng 138,49 km. Phần lớn các tuyến đường đã được cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương và từng bước hoàn thiện tiêu chí hạ tầng giao thông đô thị.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Nguồn điện trên địa bàn được cấp từ Trạm biến áp 110kV Định Hóa (E6.22), bảo đảm cung cấp điện ổn định phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân.

Hiện nay trên địa bàn có 49 trạm biến áp phân bố tương đối đồng đều tại các khu dân cư, với tổng công suất đáp ứng nhu cầu sử dụng điện hiện tại và khả năng phát triển trong tương lai. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%, tương ứng 5.492 hộ.

Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đã được đầu tư tại khu vực trung tâm thị trấn Chợ Chu cũ và dọc một số tuyến quốc lộ. Tại các khu dân cư khác, hệ thống chiếu sáng chủ yếu được đầu tư theo hình thức xã hội hóa. Trong thời gian tới cần tiếp tục mở rộng mạng lưới chiếu sáng công cộng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và bảo đảm an toàn giao thông.

c) Hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn gồm các công trình cấp nước tập trung và các nguồn cấp nước hộ gia đình.

Khu vực trung tâm Chợ Chu hiện được cấp nước từ Nhà máy nước sạch với công suất thiết kế 800 m³/ngày đêm, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân khu vực đô thị trung tâm.

Tại các khu vực Bảo Linh, Phúc Chu và các địa bàn lân cận, nhiều công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh.

Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt khoảng 96,06%; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt khoảng 50,83%. Tuy nhiên, một bộ phận dân cư vẫn đang sử dụng nguồn nước từ giếng đào, giếng khoan và các công trình cấp nước nhỏ lẻ.

d) Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

- Thoát nước mặt

Hệ thống thoát nước mặt tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm Chợ Chu cũ, bao gồm hệ thống cống hộp, cống bản và cống bê tông cốt thép dọc các tuyến Quốc lộ 3C, đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường nội thị.

Tại các khu vực Bảo Cường, Bảo Linh, Đồng Thịnh và Phúc Chu trước đây, hệ thống thoát nước mặt còn hạn chế; phần lớn nước mưa được tiêu thoát tự nhiên thông qua hệ thống rãnh và các suối tự nhiên.

- Thoát nước thải

Hiện nay, hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung mới được đầu tư tại khu vực trung tâm Chợ Chu cũ. Trên địa bàn có 01 trạm xử lý nước thải tập trung đặt tại xóm Bãi Á với công suất thiết kế 250 m³/ngày đêm, áp dụng công nghệ xử lý sinh học thiếu khí - hiếu khí kết hợp.

Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường khoảng 35%. Tại các khu vực dân cư còn lại, nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát ra môi trường.

đ) Hệ thống thông tin liên lạc và viễn thông

Hạ tầng bưu chính, viễn thông trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay trên địa bàn có 03 điểm Bưu điện Văn hóa xã đặt tại các xóm Làng Mới, Quế Linh và Tân Tiến. Các điểm bưu điện đều được trang bị máy tính kết nối internet, phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân.

Hệ thống viễn thông được phủ sóng rộng khắp với 12 trạm phát sóng Vinaphone và 13 trạm phát sóng Viettel. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng thuê bao điện thoại di động đạt 100%; tỷ lệ hộ sử dụng internet cáp quang đạt khoảng 81%.

Nhìn chung, hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn.

e) Vệ sinh môi trường

- Thu gom và xử lý chất thải rắn

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện thường xuyên. Rác thải sinh hoạt trên địa bàn được đơn vị môi trường thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung theo quy định.

Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ Bệnh viện Đa khoa Định Hóa và các cơ sở y tế được phân loại, thu gom và xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100%.

- Nghĩa trang và cơ sở mai táng

Trên địa bàn có Nghĩa trang Chợ Chu với diện tích khoảng 2,5 ha, là nghĩa trang tập trung chính phục vụ nhu cầu an táng của Nhân dân. Ngoài ra còn có các nghĩa trang nhỏ phân bố tại các xóm, cơ bản đáp ứng nhu cầu mai táng của địa phương.

Định Hóa đã quy hoạch các khu nghĩa trang tập trung nhằm từng bước di dời, sắp xếp các khu nghĩa địa nhỏ lẻ, bảo đảm vệ sinh môi trường và phù hợp với định hướng phát triển đô thị trong tương lai.

Nhìn chung, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Định Hóa đã được đầu tư tương đối đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa. Các công trình giao thông, điện, cấp nước, viễn thông, môi trường và hạ tầng kỹ thuật khác cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và tạo nền tảng thuận lợi cho việc thành lập phường Định Hóa, hướng tới xây dựng đô thị văn minh, hiện đại và phát triển bền vững.

2.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng địa phương trên địa bàn Định Hóa luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố và tăng cường; tiềm lực quốc phòng, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương không ngừng được nâng cao.

Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai thường xuyên cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm.

Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng vững mạnh, rộng khắp; lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, sẵn sàng huy động khi có yêu cầu. Công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được tổ chức theo đúng kế hoạch, góp phần nâng cao khả năng phối hợp và xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn.

Nhìn chung, tình hình quốc phòng trên địa bàn luôn được giữ vững, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ địa phương trong tình hình mới và tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Định Hóa cơ bản ổn định, không xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh chính trị, không hình thành các điểm nóng về khiếu kiện, tranh chấp hoặc các hoạt động gây mất ổn định xã hội.

Công tác nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội được triển khai thường xuyên và hiệu quả. Lực lượng Công an chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh thông tin và an ninh kinh tế; tăng cường công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được duy trì và phát huy hiệu quả; sự phối hợp giữa lực lượng Công an, Quân sự, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ngày càng chặt chẽ. Ý thức chấp hành pháp luật của người dân từng bước được nâng cao, góp phần hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được thực hiện nghiêm túc. Hệ thống chính trị cơ sở hoạt động ổn định, hiệu quả; niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền được củng cố, tăng cường.

Nhìn chung, quốc phòng được giữ vững, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị khi thành lập phường Định Hóa.

2.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Tổ chức bộ máy của Đảng ủy

Đảng ủy xã Định Hóa được tổ chức theo đúng quy định của Trung ương, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị ở cơ sở. Hiện nay, Đảng ủy có 04 cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra và Trung tâm Chính trị.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc được kiện toàn về tổ chức, bố trí nhân sự phù hợp, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định; bảo đảm tham mưu hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng, kiểm tra, giám sát, tổ chức cán bộ, tuyên giáo, dân vận và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ được bố trí phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm thực hiện tốt chức năng tập hợp, vận động Nhân dân, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

c) Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân xã được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Kinh tế và Ban Văn hóa - Xã hội.

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã hiện nay là 24 đại biểu, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị trực thuộc

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Hiện nay, UBND xã có 05 phòng chuyên môn và 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công, gồm:

- Văn phòng HĐND và UBND;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, UBND xã còn quản lý 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 01 Trạm Y tế và 14 cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn.

Bộ máy chính quyền cơ bản được sắp xếp theo hướng tinh gọn, bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Năm 2026, biên chế được giao cho khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là 35 biên chế, gồm: Khối Đảng: 25 biên chế, hiện

có mặt 20 biên chế; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 10 biên chế, hiện có mặt 07 biên chế.

+ Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ thạc sĩ: 05 người; trình độ đại học: 22 người.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị: 03 người; trung cấp lý luận chính trị: 23 người.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn và kinh nghiệm công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Khối chính quyền

Căn cứ số lượng biên chế được UBND tỉnh giao hằng năm, UBND xã đã trình HĐND xã quyết nghị giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định. Tổng số biên chế được giao hiện nay gồm:

Biên chế công chức hành chính: 66 biên chế, hiện có mặt 33 biên chế;

Biên chế viên chức sự nghiệp: 401 biên chế, trong đó: Sự nghiệp giáo dục: 351 biên chế, hiện có mặt 343 biên chế; sự nghiệp y tế: 39 biên chế, hiện có mặt 39 biên chế; sự nghiệp khác: 11 biên chế, hiện có mặt 08 biên chế.

+ Về trình độ chuyên môn: Trình độ thạc sĩ: 12 người; trình độ đại học: 348 người; trình độ cao đẳng: 26 người; trình độ trung cấp: 35 người.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị: 04 người; trung cấp lý luận chính trị: 95 người.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được bố trí phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn đào tạo và yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quản lý, sử dụng, điều động, bố trí cán bộ được thực hiện đúng quy định của Đảng và Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, UBND xã đã chủ động bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với mô hình tổ chức mới; đồng thời thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, do nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước trước đây thuộc cấp huyện được chuyển giao về cấp xã nên khối lượng công việc tăng đáng kể, trong khi số lượng công chức thực tế còn thiếu so với biên chế được giao. Một số lĩnh vực phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và chất lượng giải quyết công việc.

e) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền địa phương hai cấp và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Hằng năm, căn cứ các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh và các sở, ngành chuyên môn, UBND xã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, chuyển đổi số, cải cách hành chính và các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, trình độ chuyên môn, kỹ năng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý và vận hành hiệu quả bộ máy chính quyền khi thành lập phường Định Hóa.

3. Đối với xã Đồng Hỷ

3.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Đồng Hỷ được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 đơn vị thị trấn Hóa Thượng, thị trấn Sông Cầu, xã Minh Lập, xã Hóa Trung theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, sau sắp xếp, sáp nhập xã Đồng Hỷ có diện tích tự nhiên là 53,72 km² và quy mô dân số là 32.073 người.

Xã Đồng Hỷ có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực tiếp giáp trực tiếp với trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế và văn hóa của tỉnh Thái Nguyên, giữ vai trò là cửa ngõ kết nối giữa khu vực trung tâm đô thị với các địa bàn phía Bắc và Đông Bắc của tỉnh, xã có vị trí địa lý tiếp giáp với các đơn vị sau:

- Phía Đông giáp xã Văn Hán.
- Phía Tây giáp xã Vô Tranh.

- Phía Nam giáp phường Linh Sơn và phường Quan Triều.
- Phía Bắc giáp xã Quang Sơn, xã Văn Lăng và xã Vô Tranh.

b) Vai trò chức năng

Xã Đồng Hỷ giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ của khu vực phía Nam huyện Đồng Hỷ trước đây; đồng thời là đầu mối kết nối quan trọng giữa trung tâm tỉnh Thái Nguyên với các địa phương trong khu vực. Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm gần các trục giao thông chính và tiếp giáp nhiều khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, logistics và các loại hình kinh tế đô thị.

Theo định hướng phát triển không gian đô thị của tỉnh, xã Đồng Hỷ có vai trò là khu vực chuyển tiếp và mở rộng không gian đô thị trung tâm, là địa bàn tiếp nhận sự lan tỏa về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dân cư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các phường trung tâm. Đồng thời, đây cũng là khu vực có tiềm năng phát triển các khu dân cư tập trung, trung tâm thương mại - dịch vụ, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hệ thống công trình công cộng phục vụ nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai.

Với hệ thống hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, cây xanh và các công trình hạ tầng xã hội cơ bản được đầu tư đồng bộ, xã Đồng Hỷ có điều kiện thuận lợi để hình thành các khu chức năng đô thị, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Xã Đồng Hỷ có chức năng tổ chức thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền; bảo đảm quản lý thống nhất trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, giao thông, môi trường, dân cư, trật tự đô thị, giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh. Đồng thời, là cấp chính quyền trực tiếp gần dân, thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân.

3.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên: Xã Đồng Hỷ có diện tích tự nhiên là 53,72 km².

b) Cơ cấu các loại đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2025, xã Đồng Hỷ có tổng diện tích tự nhiên là 5.371,54 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 4.122,34 ha, chiếm 76,75%;

- Đất phi nông nghiệp: 1.211,95 ha, chiếm 22,56%;
- Đất chưa sử dụng: 37,25 ha, chiếm 0,69%.

Về phân bố theo khu vực, diện tích khu vực đô thị là 2.359,69 ha, chiếm 43,93% tổng diện tích tự nhiên; diện tích khu vực nông thôn là 3.011,85 ha, chiếm 56,07%.

Cơ cấu sử dụng đất của xã Đồng Hỷ cơ bản phù hợp với đặc điểm của địa phương đang trong quá trình đô thị hóa. Diện tích đất phi nông nghiệp tương đối lớn, tập trung cho các mục đích phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại, dịch vụ và sản xuất kinh doanh; quỹ đất chưa sử dụng còn rất thấp, cho thấy nguồn tài nguyên đất đai đã được khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả.

Bên cạnh đó, khu vực đô thị chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng diện tích tự nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng không gian đô thị, phát triển các chức năng của đơn vị hành chính đô thị và đáp ứng yêu cầu thành lập phường theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn tới.

3.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số: Xã Đồng Hỷ có quy mô dân số là 32.073 người (trong đó, nhân khẩu thường trú là 30.842 người, nhân khẩu tạm trú là 1.231 người).

b) Cơ cấu lao động: Lực lượng lao động (bao gồm người có việc làm và người thất nghiệp) từ 15 tuổi trở lên là 18.751 người; trong đó, số lao động có việc làm là 15.151 người (chiếm tỷ lệ 80,8%), số lao động có bằng cấp, chứng chỉ là 6.751 người (chiếm tỷ lệ 36%), tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 84,37%.

c) Thành phần dân cư: Dân số toàn xã 32.073 người, trong đó dân số đô thị là 18.377 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 57,3%.

3.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã hiện đã quy hoạch khu chợ tập trung, trung tâm thương mại, dịch vụ quy mô lớn. Các công trình thương mại dịch vụ của xã chủ yếu là 01 chợ truyền thống, 550 hộ kinh doanh cá thể, các cửa hàng bán buôn, bán lẻ phục vụ nhu cầu của Nhân dân.

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Đồng Hỷ trong những năm gần đây có bước phát triển khá, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và

phục vụ đời sống Nhân dân. Trên địa bàn xã đã hình thành và quy hoạch khu chợ trung tâm, các điểm kinh doanh dịch vụ tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Hiện nay, xã có 01 chợ truyền thống giữ vai trò là trung tâm giao thương chính, cùng khoảng 550 hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, ăn uống, vận tải, sửa chữa cơ khí, vật liệu xây dựng và các ngành nghề dịch vụ phục vụ dân sinh. Hệ thống cửa hàng bán buôn, bán lẻ được phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của Nhân dân.

Các loại hình dịch vụ tiếp tục được mở rộng, đa dạng về quy mô và lĩnh vực hoạt động; nhiều cơ sở kinh doanh đã đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ. Với lợi thế vị trí tiếp giáp khu vực trung tâm đô thị của tỉnh, lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã còn nhiều dư địa phát triển, là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ trong thời gian tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Xã Đồng Hỷ có tốc độ phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng với nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã và làng nghề; thương mại - dịch vụ từng bước mở rộng, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Khu vực nông, lâm nghiệp tiếp tục được duy trì theo hướng nâng cao giá trị, ứng dụng khoa học kỹ thuật, hình thành các sản phẩm chủ lực như chè VietGAP, sản phẩm OCOP.

Xã Đồng Hỷ có tốc độ phát triển kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển tương đối đa dạng, tập trung vào các ngành nghề như chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, mộc dân dụng, may mặc và các ngành nghề truyền thống.

Trên địa bàn xã có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động ổn định, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và đóng góp tích cực vào ngân sách địa phương. Hoạt động xây dựng cơ bản, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dân sinh và các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được triển khai đồng bộ, từng bước hoàn thiện diện mạo đô thị.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Về trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 6.989,78 tấn/7.230 tấn, bằng 96,3% kế hoạch năm. (Trong đó sản lượng thóc 5.659,92 tấn/6.106 tấn bằng 92,6% kế hoạch; sản lượng ngô 1.329,86 /1.124 tấn 118,3% kế hoạch); diện tích trồng lúa 1.165 ha/1.165 ha, bằng 100% kế hoạch, diện tích trồng ngô 250 ha/250 ha, bằng 100% kế hoạch. Sản lượng rau các loại đạt 2.331,55 tấn/2.734 tấn, bằng 85% kế hoạch năm.

- Về cây chè: Diện tích trồng chè trên địa bàn xã là 1.049,98 ha (diện tích cho thu hoạch là 985,9 ha). Trong đó có 193,26 ha chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và 85,98 ha trồng chè đã cấp mã số vùng trồng. Cơ quan chuyên môn tập trung chỉ đạo, hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, tăng cường các biện pháp thâm canh đối với diện tích chè kinh doanh và diện tích chè trồng mới; tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc các vườn ươm chè giống đảm bảo đủ cây giống phục vụ cho kế hoạch trồng chè năm 2025. Duy trì, phát triển diện tích chè sản xuất theo quy trình VietGAP để nâng cao chất lượng sản phẩm chè, quảng bá và phát triển thương hiệu chè xã Đồng Hỷ. Hiện nay diện tích chè kinh doanh đang trong giai đoạn sinh trưởng, phát triển mạnh, sản lượng chè búp tươi ước đạt 12.285 tấn/12.205 tấn, bằng 100,65% kế hoạch năm.

- Về lâm nghiệp: Tích cực triển khai chương trình trồng rừng theo kế hoạch, thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý khai thác, chế biến lâm sản, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Diện tích trồng rừng mới tập trung trong năm đạt 64,51ha/25ha bằng 258,04% kế hoạch năm. Công tác phòng, chống cháy rừng được tăng cường, trong năm trên địa bàn không xảy ra cháy rừng.

- Về chăn nuôi, thú y: Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, dần thay thế chăn nuôi nhỏ lẻ. Trên địa bàn xã có 151 trang trại, gia trại chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi. Do thiên tai, dịch bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến đàn vật nuôi, cơ quan chuyên môn đã kịp thời hướng dẫn các hộ chăn nuôi chủ động thực hiện phòng chống dịch bệnh, khắc phục thiệt hại sau bão, sửa chữa chuồng trại, vệ sinh khử trùng và thực hiện vào đàn mới, đến nay tổng đàn gia súc, gia cầm cơ bản ổn định, đạt và vượt kế hoạch giao; Triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn xã; thực hiện tiêm phòng và giám sát tiêm phòng đàn gia súc, gia cầm đợt 2 năm 2025 và tiêm phòng bổ sung vắc xin Đại đàn chó, mèo đạt 100% kế hoạch giao.

+ Chăn nuôi lợn: Đàn lợn được duy trì và phát triển tăng trong năm 2025, các

trang trại chăn nuôi, tái đàn, tăng đàn nhiều do giá cả thịt lợn ổn định ở mức cao; tổng đàn lợn đạt 27.000 con/23.500 con, đạt 114,9% kế hoạch. Cơ quan chuyên môn khuyến cáo phát triển chăn nuôi tập trung theo quy hoạch đảm bảo vệ sinh thú y và phòng chống dịch bệnh.

+ Chăn nuôi gia cầm: Đàn gia cầm duy trì ổn định, đến nay trang trại chăn nuôi gia cầm bị ảnh hưởng của bão số 11 cơ bản đã vào đàn, tái đàn chăn nuôi lứa mới góp phần đảm bảo nguồn cung sản phẩm trong dịp tết nguyên đán và đạt kế hoạch giao; tổng đàn trong năm đạt 765.000/765.000 con, đạt 100% kế hoạch; trong năm tổ chức cấp mới chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP cho 3 trang trại chăn nuôi gà với tổng quy mô nuôi 55.000 con.

d) Thu, chi ngân sách

Tổng thu/Tổng chi ngân sách xã Đồng Hỷ năm 2025 đạt 415.260.393.765 đồng/405.961.494.867 đồng bằng 102,29 %.

3.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới trường, lớp học được quy hoạch hợp lý, phân bố tương đối đồng đều, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị trong giai đoạn mới. Hệ thống các cơ sở giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tiếp cận giáo dục ngay tại địa phương. Toàn xã có 19 cơ sở giáo dục từ cấp học mầm non đến THCS (gồm 16 trường công lập, 02 trường tư thục và 01 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục) với tổng số 219 nhóm, lớp và 6.191 học sinh. Cụ thể:

- Cấp học mầm non, toàn xã có 08 trường và 01 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục, quy mô 74 nhóm, lớp với 1.627 trẻ. Công tác huy động trẻ đến trường đạt kết quả tích cực: trẻ nhà trẻ đạt tỷ lệ huy động 46,8%, vượt 6,8% so với chỉ tiêu giao; trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi) đạt 106%, trong đó: công lập đạt 95,4; tư thục đạt 12,8%).

- Cấp tiểu học có 05 trường công lập với 82 lớp, 2.289 học sinh. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và hoàn thành chương trình tiểu học, chất lượng giáo dục được giữ vững. Công tác giáo

dục hòa nhập được quan tâm, toàn cấp có 33 học sinh khuyết tật được học hoà nhập bằng 100%.

- Cấp THCS có 05 trường công lập với 63 lớp, 2.275 học sinh. Tuyển mới 577 học sinh lớp 6, đảm bảo đủ 16 lớp theo kế hoạch. Công tác giáo dục hòa nhập tiếp tục được duy trì với 16 học sinh khuyết tật tham gia học tập.

Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa. Các phòng học kiên cố, phòng học bộ môn, thư viện, khu giáo dục thể chất, trang thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được bổ sung, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng được nâng cao, góp phần cải thiện điều kiện học tập và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập 3-5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ được duy trì vững chắc. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đạt cao; công tác duy trì sĩ số học sinh được thực hiện hiệu quả. Các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc thiểu số và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được triển khai đầy đủ, góp phần bảo đảm quyền học tập của mọi người dân.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên trường học cơ bản đủ về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị và năng lực quản lý được quan tâm thực hiện thường xuyên. Đội ngũ nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm đạt cao; số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng. Các hoạt động giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, văn hóa văn nghệ, nghiên cứu khoa học và giáo dục STEM được chú trọng triển khai, góp phần phát triển toàn diện học sinh.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục được đẩy mạnh. Các cơ sở giáo dục đã từng bước áp dụng phần mềm quản lý nhà trường, hồ sơ điện tử, học bạ số và các nền tảng dạy học trực tuyến; tăng cường khai thác tài nguyên số phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và học

tập. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong quá trình xây dựng và phát triển phường theo hướng đô thị văn minh, hiện đại.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn được quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực. Hiện nay, địa phương có 01 Trạm Y tế, 3 điểm trạm với đội ngũ cán bộ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp; chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao.

Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện chủ động, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn dưới 7%, thấp hơn so với giai đoạn trước. Điều này cho thấy chất lượng chăm sóc sức khỏe trẻ em ngày càng được cải thiện.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,8%. Đây là kết quả của việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đồng thời phản ánh nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm y tế trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ngày càng được nâng cao.

Công tác dân số và phát triển được quan tâm thực hiện. Tỷ suất sinh thô ở mức 11,48‰; Các hoạt động truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được tổ chức thường xuyên. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được quản lý thai nghén và khám thai định kỳ đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được theo dõi tăng trưởng đạt 100%.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe trên địa bàn đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chất lượng dịch vụ y tế ngày càng được nâng cao, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng, các chương trình phòng chống dịch bệnh được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị hành chính cấp phường trong giai đoạn mới.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Xã đã thực hiện tốt công tác quản lý, đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao. Tập trung các nguồn lực hỗ trợ đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây mới và lắp đặt trang thiết bị cho các nhà văn hóa xóm, tổ dân phố; các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm hoàn thiện và đạt chuẩn. Hiện nay, 100% xóm có nhà văn hóa theo quy định; lắp đặt 117 bộ dụng cụ tập thể thao ngoài trời, 34 bộ thiết bị âm thanh trang bị cho các nhà văn hóa xóm. Văn hóa vật thể, phi vật thể được tu bổ, giữ gìn và phát huy; trên địa bàn xã có 05 di tích cấp tỉnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai ngày càng sâu rộng, được Nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hằng năm, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; khu dân cư văn hóa; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển sâu rộng, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao của các địa phương được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Duy trì, thành lập và phát triển 53 câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức, đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị của các địa phương và nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Đến hết năm 2025 dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn là khoảng 18.700 người. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với quá trình đô thị hóa và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác giải quyết việc làm luôn được địa phương quan tâm thực hiện. Hằng năm, xã phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn. Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Cùng với sự phát triển của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhiều việc làm được tạo ra, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, giảm tỷ lệ thất nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị của địa phương.

Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hiện nay, địa phương đang quản lý và chi trả trợ cấp thường xuyên cho 426 đối tượng người có công và thân nhân người có công. Hằng năm, 100% đối tượng chính sách được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, tết theo quy định của Nhà nước và của địa phương.

Công tác bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Toàn địa bàn hiện có 1116 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng; tỷ lệ chi trả trợ cấp đúng thời gian đạt 100%. Các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Các chương trình an sinh xã hội được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,8%; tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 100%. Công tác cứu trợ đột xuất, hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện kịp thời, bảo đảm không để người dân thiếu đói hoặc không có nơi ở an toàn.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về lao động, việc làm và an sinh xã hội cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, góp phần bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát triển phường trong thời gian tới.

3.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Đồng Hỷ phân bố tương đối tập trung tại các khu vực trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và dọc các tuyến giao thông chính. Trong những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa, chất lượng nhà ở của người dân không ngừng được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và đời sống của Nhân dân.

Phần lớn nhà ở riêng lẻ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố với kết cấu bền vững; tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt trên 99%. Nhiều công trình nhà ở được đầu tư xây dựng từ 02 đến 03 tầng, có kiến trúc hiện đại, góp phần cải thiện diện mạo kiến trúc và cảnh quan đô thị trên địa bàn.

Bên cạnh các khu dân cư hiện hữu, một số khu đô thị, khu tái định cư đang được đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các khu nhà ở liền kề, nhà ở kết hợp thương mại (shophouse) từng bước hình thành, tạo không gian kiến trúc đô thị khang trang, hiện đại, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa và nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân.

Tuy nhiên, tại một số khu dân cư hiện hữu, việc quản lý kiến trúc nhà ở và cảnh quan đô thị chưa thực sự đồng bộ; hình thức kiến trúc công trình còn đa

dạng, chưa tạo được sự thống nhất và bản sắc kiến trúc đặc trưng của khu vực. Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và định hướng kiến trúc cảnh quan nhằm từng bước xây dựng không gian đô thị văn minh, hiện đại và đồng bộ.

b) Công trình giáo dục, đào tạo

- Hiện nay, toàn xã có 19 cơ sở giáo dục từ cấp học mầm non đến THCS, gồm 16 trường công lập (trong đó 9/16 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, 7/16 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1); 02 trường tư thục và 01 nhóm trẻ tư thục với 219 nhóm, lớp và 6.191 học sinh, cụ thể như sau:

+ Cấp học mầm non có 6 trường công lập đạt chuẩn (3 trường đạt MĐ1; 3 trường đạt MĐ 2).

+ Cấp học tiểu học có 5 trường công lập đạt chuẩn (3 trường đạt MĐ1; 2 trường đạt MĐ 2).

+ Cấp THCS có 5 trường công lập đạt chuẩn ((3 trường đạt MĐ1; 2 trường đạt MĐ 2).

- Về cơ sở vật chất: Trên địa bàn xã có tổng số 205 phòng học công lập đang được sử dụng. Trong đó:

+ Số phòng học kiên cố chiếm tỷ lệ cao, với 205 phòng, đạt 100%. Các phòng học kiên cố phân bố tương đối đồng đều ở cả ba cấp học (Mầm non: 60 phòng; Tiểu học: 82 phòng; THCS: 63 phòng), bảo đảm nhu cầu dạy học cơ bản cho học sinh.

+ Hệ thống phòng phục vụ học tập và phòng chức năng có tổng cộng 215 phòng, trong đó: cấp Mầm non: 56 phòng; cấp Tiểu học: 65 phòng; cấp THCS: 94 phòng. Cơ sở vật chất đã bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c) Công trình y tế

- Trụ sở chính: Trạm Y tế xã Đồng Hỷ (địa chỉ: Xóm Luông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) với tổng diện tích khuôn viên: 1.280 m²; diện tích sử dụng: 530 m².

- Các Điểm trạm (đặt tại Trạm y tế cũ), gồm 02 Điểm trạm sau:

+ Điểm trạm Đồng Hỷ 1, tại Trạm Y tế Minh Lập (cũ), địa chỉ: Xóm Minh Lý, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích khuôn viên: 1.050 m²; diện tích sử dụng: 920 m².

+ Điểm trạm Đồng Hỷ 2, tại Trạm Y tế Sông Cầu (cũ), địa chỉ: Xóm 1, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích khuôn viên: 1260 m²; diện tích sử dụng: 540 m².

- Trạm Y tế gồm các phòng: phòng khám bệnh, phòng khám phụ khoa, phòng dược, phòng tiêm, phòng tư vấn, phòng theo dõi sau tiêm, phòng trực, phòng hội trường, phòng trạm trưởng, phòng Đông y, phòng kho, phòng điều trị, phòng truyền thông, nhà xe.

- Trang thiết bị y tế cơ bản được trang bị đáp ứng yêu cầu chuyên môn tối thiểu như máy đo điện tim, máy siêu âm, máy khí dung, máy đo đường huyết, máy đo huyết áp, tủ bảo quản vắc xin, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý khám chữa bệnh và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử. Các trang thiết bị được khai thác, sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Ngày 13/4/2026, Trạm Y tế xã đã thành lập Trung tâm Chăm sóc sức khỏe cộng đồng và Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm đã triển khai nhiều hoạt động truyền thông, tư vấn về dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho các nhóm đối tượng theo từng độ tuổi; hướng dẫn các biện pháp chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi; tổ chức tư vấn, khám sàng lọc, phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm và bệnh lý nền phổ biến như tăng huyết áp, đái tháo đường, góp phần nâng cao nhận thức, chất lượng chăm sóc sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong Nhân dân.

d) Công trình văn hóa, thể thao

Hiện nay, toàn xã có 34/34 xóm có nhà văn hóa theo quy định; 117 bộ dụng cụ tập thể thao ngoài trời; 34 bộ thiết bị âm thanh trang bị cho các nhà văn hóa xóm; trên địa bàn xã có 05 di tích văn hoá cấp tỉnh. Duy trì, thành lập và phát triển 53 câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Nhìn chung, các công trình văn hoá, thể thao, các thiết chế văn hóa đảm bảo các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, văn hoá văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân dân.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Xã Đồng Hỷ hiện có 01 chợ Trại Cài có diện tích đất xây dựng là 2.984m²; Các khu đất thương mại trong các khu đô thị Khu dân cư hồng thái giai đoạn 1 diện tích 12,968,5m², khu đô thị số 3 diện tích 2.117,5m², khu dân cư trung tâm minh lập diện tích 5.836,5m², khu dân cư trại cài minh tiến diện tích 5.009m², khu dân cư xóm gò cao 1 diện tích 2.008m²; Có 550 hộ kinh doanh các lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng bánh kẹo, giải khát đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao lưu buôn bán của người dân trong xã.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hiện UBND xã đang thực hiện các thủ tục kêu gọi các nhà đầu tư tiếp tục đầu tư dự án chợ trung tâm xã, các khu thương mại dịch vụ đã được quy hoạch.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức của xã Đồng Hỷ được xây dựng kiên cố, diện tích phòng làm việc hiện vẫn còn thiếu so với định mức, trang thiết bị cơ bản đáp ứng điều kiện xây dựng chính quyền điện tử, nằm trên khu thị trấn Hóa Thượng cũ trước sắp xếp, sáp nhập.

3.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

- Giao thông đường bộ

Xã Đồng Hỷ có hệ thống giao thông tương đối phát triển, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên với các địa phương phía Bắc và Đông Bắc của tỉnh. Trên địa bàn có các tuyến giao thông quốc gia quan trọng đi qua gồm Quốc lộ 1B và Quốc lộ 17. Đây là các trục giao thông đối ngoại chủ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội và kết nối liên vùng.

Quốc lộ 1B là tuyến giao thông huyết mạch kết nối trực tiếp với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên tại khu vực Tân Long, đồng thời liên kết với các địa phương phía Bắc theo hướng Lạng Sơn. Tuyến đi qua địa bàn xã với tổng chiều dài khoảng 8,92 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, đóng vai trò là trục động lực thúc đẩy phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ.

Quốc lộ 17 đi qua khu vực phía Nam và trung tâm xã với chiều dài khoảng 1,18 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, góp phần tăng cường khả năng kết nối giữa xã Đồng Hỷ với các địa phương trong tỉnh và khu vực lân cận.

Bên cạnh các tuyến quốc lộ, trên địa bàn còn có hệ thống các tuyến đường liên xã, liên vùng kết nối với các xã Minh Lập, Hòa Bình, Sông Cầu, Sơn Cẩm và khu vực Chùa Hang. Các tuyến đường cơ bản đã được nhựa hóa, có bề rộng nền đường từ 6 m đến 7,5 m, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mạng lưới giao thông nội bộ được hình thành tương đối hoàn chỉnh với cấu trúc liên kết theo các trục Quốc lộ 1B, Quốc lộ 17 và các tuyến đường liên xã hiện hữu. Hệ thống đường giao thông tại các khu dân cư, khu đô thị mới đã được đầu tư đồng bộ, mặt đường trải nhựa hoặc bê tông, bề rộng từ 7,5 m đến 15 m, chất lượng khai thác tốt. Các tuyến đường xóm, ngõ xóm cơ bản được cứng hóa, góp phần nâng cao điều kiện đi lại và phục vụ sản xuất của Nhân dân. Tuy nhiên, một số tuyến đường nội bộ vẫn có quy mô nhỏ, mặt cắt hẹp từ 3,5 m đến 5 m, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

- Giao thông công cộng

Hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn chủ yếu được thực hiện bằng xe buýt và taxi. Hiện nay, tuyến xe buýt số 08 kết nối khu vực Đồng Hỷ với trung tâm thành phố Thái Nguyên và các địa phương lân cận đang hoạt động ổn định, góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, học sinh, sinh viên và người lao động.

Nhìn chung, mạng lưới giao thông công cộng bước đầu đáp ứng nhu cầu đi lại trên địa bàn; tuy nhiên, phạm vi phục vụ còn hạn chế, cần tiếp tục nghiên cứu mở rộng các tuyến vận tải công cộng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của người dân và giảm áp lực giao thông cá nhân trong tương lai.

- Giao thông đường thủy

Xã Đồng Hỷ có sông Cầu chảy dọc theo ranh giới phía Tây, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy và vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, do đặc điểm lòng sông hẹp, độ sâu không đồng đều và còn nhiều vật cản nên khả năng khai thác vận tải thủy hiện nay còn hạn chế.

Hoạt động vận tải trên sông chủ yếu phục vụ vận chuyển vật liệu xây dựng và một số sản phẩm nông, lâm nghiệp với quy mô nhỏ. Hệ thống bến bãi, kho chứa và hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận tải thủy chưa được đầu tư đồng bộ; hiện trên địa bàn chưa có bến thủy nội địa được cấp phép hoạt động.

- Công trình giao thông

Trên địa bàn xã đã hình thành một số công trình giao thông quan trọng phục vụ kết nối liên vùng và giao thông dân sinh, trong đó có cầu Linh Nham trên tuyến Quốc lộ 17 và cầu treo Trại Cài vượt sông Cầu. Các công trình này góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông, tạo thuận lợi cho việc đi lại, giao thương và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay xã chưa có bến xe khách đạt tiêu chuẩn; hoạt động vận tải hành khách chủ yếu được thực hiện thông qua các điểm đón, trả khách và các bến xe tư nhân.

- Đánh giá chất lượng phục vụ và mức độ đáp ứng của hệ thống giao thông

Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn xã Đồng Hỷ có lợi thế lớn về khả năng kết nối đối ngoại với mạng lưới giao thông quốc gia và khu vực. Hai tuyến Quốc lộ 1B và Quốc lộ 17 cùng hệ thống đường liên xã tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư, đặc biệt là khả năng kết nối trực tiếp với tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên.

Mạng lưới giao thông nội bộ có độ phủ tương đối cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân. Tuy nhiên, chất lượng hạ tầng giữa các khu vực chưa đồng đều; một số tuyến đường liên xã, đường dân sinh và đường nội bộ còn có mặt cắt nhỏ, kết cấu chưa bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Vì vậy, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông hiện hữu; từng bước hình thành các trục giao thông dọc và ngang kết nối đồng bộ nhằm tăng cường năng lực khai thác và tạo động lực phát triển không gian đô thị.

Đối với giao thông đường thủy, mặc dù có lợi thế từ tuyến sông Cầu nhưng việc khai thác còn hạn chế do điều kiện tự nhiên và hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi đó, hệ thống vận tải hành khách công cộng mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu đi lại của người dân, cần tiếp tục được đầu tư phát triển cả về mạng lưới tuyến, phương tiện và hạ tầng phục vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tỷ lệ sử dụng phương tiện công cộng trên địa bàn.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện:

Khu vực lập quy hoạch được cấp điện từ trạm: Trạm 110kv lộ E.6.8 (Trạm biến áp 110kV Xi măng Thái Nguyên) và Trạm 220kv lộ E.6.2 (Trạm biến áp 220kV E6.2 Thái Nguyên).

- Lưới điện:

Điện cao thế: Khu vực xã Đồng Hỷ có tuyến 110kV từ trạm 220kV Thái Nguyên đi trạm 110kV XM Thái Nguyên (XM Quang Sơn trước đây)

Lưới điện trung thế: Đi qua khu vực nghiên cứu có lưới điện trung thế 22kV và 35kV kết nối với các trạm biến áp phân phối trong xã. Lưới hạ thế chạy dọc các trục đường giao thông cung cấp cho các hộ dân trong khu vực.

100% các khu vực trong xã đã được sử dụng điện lưới. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99%. Lượng điện thương phẩm tăng, tổn thất điện năng giảm, đảm bảo nguồn điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

Hiện nay lưới điện đã được xây dựng từ lâu và chủ yếu đi qua các khu vực đồi núi, đường xá đi lại khó khăn, chưa được đầu tư cải tạo đồng bộ. Một số hộ dân chưa chấp hành các quy định về bảo vệ hành lang lưới điện, vẫn còn tình trạng trồng cây, xây dựng các công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, gây khó khăn trong việc chặt tỉa cây có nguy cơ gây ảnh hưởng đến lưới điện.

- Trạm biến áp

Các trạm biến áp phân phối hoạt động với 2 cấp điện áp song song là 35kV và 22kV, các trạm chủ yếu là trạm treo, các khu vực đô thị mới được đầu tư hệ thống trạm kios.

8.3. Hệ thống cấp nước

Nguồn nước cấp cho xã Đồng Hỷ hiện tại được lấy từ nhà máy nước Hóa Thượng (công suất thiết kế ban đầu là 1.000m³/ngđ, hiện nay công suất đạt khoảng 2.000m³/ngđ, sử dụng nước ngầm được khai thác từ 3 giếng khoan ở độ sâu 100m).

Hiện nay, công trình đang được đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng thêm giếng khoan, máy bơm, trạm bơm giếng, hệ thống điện, đường ống dẫn nước thô về trạm xử lý.

Ngoài ra nước sinh hoạt còn được lấy từ nước mưa tích trữ trong bể xây và lấy nước ngầm từ giếng khoan.

Mạng lưới đường ống cấp nước hiện trạng có đường kính từ D50 đến D250. Trong đó tuyến ống chính có đường kính từ D100 đến D250 chạy dọc theo Quốc lộ 1B.

- Thoát nước và xử lý nước thải

+ Hiện trạng hệ thống cấp nước

Hệ thống thoát nước hiện nay chưa được xây dựng hoàn chỉnh. Do đặc điểm địa hình tự nhiên các tuyến cống thoát nước hiện nay chỉ phục vụ cho việc thu nước mặt đường và một hai lớp nhà dân cư ven đường.

Các khu đô thị mới đã được đầu tư hệ thống cống thoát nước mưa, tuy nhiên còn chưa đồng bộ với hệ thống cống thoát nước chung của toàn xã.

Các khu vực khác hầu như chưa có hệ thống thoát nước.

Nước mưa được tiêu thoát chủ yếu về sông Cầu, suối Linh Nham và các tụ thủy khác trong khu vực

+ Hiện trạng thoát nước thải

Trên địa bàn xã hiện chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Chỉ có một số cơ sở sản xuất có công trình thu gom và xử lý nước thải, còn lại chỉ xử lý sơ bộ rồi thoát ra hệ thống thoát nước và tự nhiên.

- Viễn thông, thông tin liên lạc

+ Hiện trạng hệ thống trạm thu phát sóng

Trên địa bàn xã hiện có khoảng 29 trạm thu phát sóng của các nhà mạng VNPT, Viettel, Mobifone, Vietnamobile. Hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều khu vực lõm sóng do địa hình núi, vùng sâu, vùng xa cần cải thiện và bổ sung thêm cột BTS.

Hệ thống viễn thông trên địa bàn xã Đồng Hỷ được trang bị hiện đại, công nghệ cao và chất lượng tương đối đồng bộ. Tổng số thuê bao băng rộng di động trên địa bàn xã đạt 91 máy/100 dân. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang trên địa bàn xã đạt 93,6%.

Xã Đồng Hỷ tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi số đảm bảo đồng bộ, kịp thời. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng mạng, đảm bảo kết nối internet tốc độ cao ổn định tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xóm và các điểm công cộng nhằm bảo đảm điều kiện triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn; hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số một cách thuận tiện.

+ Hiện trạng hệ thống công, bể cấp, cáp truyền dẫn thông tin

Trung tâm Viễn thông Đồng Hỷ (VNPT): hiện nay đang quản lý các tuyến cáp truyền dẫn trực Mane và các tuyến cáp quang các loại.

- Vệ sinh môi trường: Rác thải trên địa bàn xã sau sắp xếp hiện do Trung tâm Khuyến nông và Môi trường tỉnh Thái Nguyên tổ chức thu gom và xử lý. Rác thải được thu gom đến tận hộ gia đình đảm bảo vệ sinh môi trường, hoạt động thường xuyên, hiệu quả, góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương. Lượng rác thải trên địa bàn xã được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định môi trường.

3.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai nghiêm túc, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì hiệu quả. Xã đạt chuẩn vững mạnh về quốc phòng; đảm bảo 100% kế hoạch tuyển quân năm 2025.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định. Công tác bảo đảm an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, quản lý cư trú, phòng cháy, chữa cháy, trật tự an toàn giao thông tiếp tục được triển khai thường xuyên. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo đúng quy định; không phát sinh điểm nóng phức tạp về an ninh trật tự.

Qua rà soát hiện trạng về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho thấy xã Đồng Hỷ có nhiều điều kiện thuận lợi để thành lập phường theo quy định hiện hành.

3.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

- Đảng bộ xã Đồng Hỷ có 58 chi, đảng bộ trực thuộc (trong đó: 24 chi, đảng bộ cơ sở; 34 chi bộ trực thuộc) gồm: 02 đảng bộ trong cơ quan hành chính; 17 chi bộ đơn vị sự nghiệp công lập; 03 chi bộ doanh nghiệp, hợp tác xã; 02 chi bộ lực lượng vũ trang; 34 chi bộ xóm với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 1996 đảng viên

- Cơ quan Đảng ủy xã được tạm giao là 23 biên chế, hiện có mặt tổng số 22 biên chế (đạt tỷ lệ 95,7%).

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đảng ủy cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, năng lực công tác phù hợp với vị trí việc làm được giao.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền tạm giao là 10 biên chế, hiện có mặt 10 biên chế (đạt tỷ lệ 100%).

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định, thực hiện tốt vai trò tập hợp, vận động Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Hội đồng nhân dân xã

- Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 26 đại biểu.

- Bộ máy chuyên trách giúp việc Hội đồng nhân dân xã hiện có 05 cán bộ, công chức, gồm:

+ Thường trực Hội đồng nhân dân xã (Phó Chủ tịch HĐND xã): 01 người;

+ Ban Kinh tế - Ngân sách: 02 người (gồm 01 Phó Trưởng Ban chuyên trách và 01 công chức tham mưu, giúp việc);

+ Ban Văn hóa - Xã hội: 02 người (gồm 01 Phó Trưởng Ban chuyên trách và 01 công chức tham mưu, giúp việc);

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được duy trì theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện chức năng quyết định và giám sát các vấn đề quan trọng của địa phương.

d) Ủy ban nhân dân xã

- UBND xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc theo quy định.

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức được tạm giao năm 2026 là 58 biên chế.

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có là 32 người, trong đó:

+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã: 04 người;

+ Văn phòng HĐND và UBND xã: 05 người;

- + Phòng Kinh tế xã: 03 người;
- + Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã: 07 người.
- + Phòng Văn hóa - Xã hội xã: 06 người;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công xã: 07 người;

Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tổng số biên chế được giao đối với toàn hệ thống chính trị xã Đồng Hỷ là 91 biên chế; hiện có mặt 69 cán bộ, công chức, đạt khoảng 75,8% biên chế được giao. Trong đó gồm: Các cơ quan Đảng 23 biên chế, khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể 10 biên chế, khối chính quyền 58 biên chế.

- Các cơ quan Đảng: Được giao 23 biên chế, hiện có 22 cán bộ, công chức, đạt 95,7% biên chế được giao. Đây là lực lượng tham mưu, giúp việc cho Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ xã trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong đó:

+ Về trình độ chuyên môn: Có 12 đồng chí trình độ thạc sĩ, chiếm 54,5%; 10 đồng chí trình độ đại học, chiếm 45,5%;

+ Về trình độ lý luận chính trị: Có 07 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị; 15 đồng chí trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Đội ngũ cán bộ Các cơ quan Đảng có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị tương đối đồng đều, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác tham mưu, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và xây dựng Đảng trong điều kiện địa bàn rộng, số lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên lớn sau sáp nhập.

- Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: được giao 10 biên chế, hiện có đủ 10 cán bộ, công chức, đạt 100% biên chế được giao. Trong đó:

+ Về trình độ chuyên môn: 03 đồng chí trình độ thạc sĩ; 07 đồng chí trình độ đại học.

+ Về trình độ lý luận chính trị: 02 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị; 08 đồng chí trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Sau sắp xếp, việc thực hiện kiêm nhiệm chức danh trong khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội góp phần tinh gọn đầu mối, giảm số lượng lãnh đạo và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác vận động quần chúng tại cơ sở.

- Khối chính quyền: được giao 58 biên chế, hiện có 37 cán bộ, công chức, đạt khoảng 63,8% biên chế được giao; còn thiếu 21 biên chế so với định mức. Đây là khối có áp lực công việc lớn nhất sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp do tiếp nhận nhiều nhiệm vụ phân cấp từ cấp huyện, cấp tỉnh. Trong đó:

+ Về trình độ chuyên môn: 09 đồng chí trình độ thạc sĩ; 28 đồng chí trình độ đại học.

+ Về trình độ lý luận chính trị: 08 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị; 20 đồng chí trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã Đồng Hỷ sau sắp xếp có trình độ chuyên môn tương đối đồng đều, tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và sau đại học cao; cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tuy nhiên, số lượng cán bộ hiện có vẫn còn thiếu so với biên chế được giao, đặc biệt ở khối chính quyền; nhiều cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, áp lực công việc lớn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, tài chính, cải cách hành chính, chuyển đổi số và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

4. Đối với xã Phú Bình

4.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Phú Bình được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hương Sơn, các xã Xuân Phương, Úc Kỳ, Nhã Lộ, Bảo Lý và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Đình, chính thức được đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, với diện tích tự nhiên 44,16 km², dân số 74.696 người chia thành 67 xóm. Xã có vị trí địa lý tiếp giáp với các đơn vị sau:

+ Phía Bắc giáp xã Tân Khánh;

+ Phía Nam giáp xã Kha Sơn và xã Diềm Thụy;

+ Phía Đông giáp xã Tân Thành;

+ Phía Tây giáp xã Diềm Thụy.

b) Vai trò chức năng

Theo định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên, xã Phú Bình được xác định là khu vực đô thị mới, giữ vai trò quan trọng trong không gian phát triển kinh tế - xã hội phía Nam của tỉnh. Với vị trí là cửa ngõ kết nối giữa tỉnh Thái Nguyên với các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và khu vực trung du, miền núi phía Bắc, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics và các ngành kinh tế đô thị.

Những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển công nghiệp và đô thị hóa, xã Phú Bình đã trở thành địa bàn thu hút nhiều dự án đầu tư, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành và phát triển đô thị trong tương lai.

Xã Phú Bình đồng thời giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế của khu vực. Trên địa bàn tập trung nhiều cơ sở hạ tầng xã hội quan trọng như Bệnh viện Đa khoa Phú Bình, Trường Trung học phổ thông Phú Bình, Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc tỉnh. Đây là những công trình có phạm vi phục vụ không chỉ đối với người dân trên địa bàn mà còn đáp ứng nhu cầu của các khu vực lân cận.

Bên cạnh đó, xã Phú Bình là địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số tập trung đông, các khu dân cư mới, khu thương mại - dịch vụ và các hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển. Quá trình phát triển này làm gia tăng yêu cầu về quản lý quy hoạch, xây dựng, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và cung cấp các dịch vụ công theo tiêu chuẩn đô thị.

Với chức năng là đơn vị hành chính cấp xã, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, tài nguyên và môi trường, xây dựng, giao thông, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật; đồng thời trực tiếp tổ chức cung ứng dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân.

Trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh Thái Nguyên, xã Phú Bình được xác định là một trong những khu vực động lực phát triển quan trọng, có vai trò kết nối giữa các khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm dịch vụ và các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Với vị trí, quy mô dân số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và mức độ đô thị hóa hiện nay, xã Phú Bình đã và đang đảm nhận nhiều chức năng đặc trưng của một đơn vị hành chính đô thị. Vì vậy, việc thành lập phường Phú Bình là phù hợp với yêu cầu quản lý, định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh và xu thế phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên: Xã Phú Bình có diện tích tự nhiên là 44,16 km².

b) Cơ cấu các loại đất: Đất dân dụng: 1.618,41 ha; đất ngoài dân dụng: 263,98 ha; đất nông nghiệp và chức năng khác: 2.533,35 ha.

4.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Dân số trung bình xã Phú Bình năm 2025 là 74.696 người với 10.392 hộ. Tỷ lệ tăng dân số năm 2025 đạt 1,2%. Ngoài dân số thường trú thì trên địa bàn xã còn có số lượng dân tạm trú chủ yếu là các công nhân, người lao động làm việc trong các khu, cụm công nghiệp và lực lượng công an, quân đội phục vụ trong các cơ quan an ninh, quốc phòng đóng trên địa bàn.

b) Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động ngành nghề chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp để chuyển sang các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Lao động ngành nghề phát triển theo hướng tăng dần về chất. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,9%, bằng 100,5% kế hoạch giao (trong đó: tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ đạt 37,3%).

c) Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu là dân tộc Kinh, sinh sống đan xen với một số dân tộc thiểu số như: Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay và một số dân tộc khác. Các dân tộc trên địa bàn luôn đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Nhân dân xã Phú Bình có truyền thống yêu nước, cần cù lao động, hiếu học, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động do

Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động. Bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc được bảo tồn và phát huy thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu dân cư trên địa bàn có sự thay đổi theo hướng đa dạng hơn do sự gia tăng số lượng lao động từ các địa phương khác đến sinh sống, làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Điều này góp phần bổ sung nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu văn hóa, mở rộng các hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn.

Nhìn chung, cộng đồng dân cư xã Phú Bình có cơ cấu dân số ổn định, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu trong giai đoạn tới.

4.4. Hiện trạng phát triển kinh tế.

a) Thương mại - dịch vụ

Trên địa bàn xã có 05 chợ, 175 cửa hàng tiện ích, siêu thị, 05 ngân hàng cổ phần và thương mại, 23 nhà hàng và 27 cơ sở lưu trú, khách sạn. Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn diễn ra ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh phát triển.

b) Công nghiệp - xây dựng

Theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đã được phê duyệt, trên địa bàn xã có Khu công nghiệp Phú Bình và 02 cụm công nghiệp (Bảo Lý - Xuân Phương và Hạnh Phúc - Xuân Phương). Đến nay, các cụm công nghiệp đã thu hút nhiều nhà đầu tư thứ cấp, đã có một số nhà máy đi vào hoạt động.

c) Nông, lâm nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; sản xuất nông nghiệp xanh, an toàn, ứng dụng công nghệ cao. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung (sản xuất lúa vùng Úc Kỳ, rau vùng Nhã Lộ); phát huy hiệu quả kinh tế các hợp tác xã trên địa bàn. Ổn định sản lượng lương thực giai đoạn 2026-2030 là 15.000 tấn và giá trị sản phẩm trên một ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt 130 triệu đồng vào năm 2030.

Tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, hợp tác liên kết chặt chẽ giữa các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với truy xuất nguồn gốc. Nâng cao hiệu quả kinh tế sản phẩm OCOP đã được công nhận, phân đầu công nhận thêm sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, giàu bản sắc văn hóa.

d) Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025: 944.760.109.904 đồng; tổng chi ngân sách địa phương năm 2025: 943.493.329.458 đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương: 100,13%.

4.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

- Trên địa bàn xã có 15 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc bao gồm: (05 trường mầm non, 05 trường tiểu học và 05 trường THCS) và 03 cơ sở giáo dục mầm non tư thục, 01 Trung tâm chính trị, 01 trường THPT, 01 trường Cao đẳng, 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

- Khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp từ 1/7/2025, dưới sự chỉ đạo, quản lý của xã các đơn vị đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý chuyên môn, tài chính, cơ sở vật chất; phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực phục vụ công tác giảng dạy tại các nhà trường. Các cơ sở giáo dục hoạt động nền nếp, đảm bảo an toàn trường học, duy trì tốt phổ cập giáo dục, không có tình trạng học sinh bỏ học. Đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã có tinh thần trách nhiệm cao, chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Các kế hoạch được xây dựng bám sát hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu được thực hiện theo quy định, thủ tục hành chính được cải tiến giúp người dân tiếp cận dịch vụ y tế nhanh chóng, thuận tiện. Đẩy mạnh kết hợp hiệu quả giữa Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong khám chữa bệnh; Công tác tiêm chủng mở rộng được tổ chức an toàn, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin hàng năm đạt trên 95%. Các chương trình mục tiêu y tế được duy trì hiệu quả tại 67 xóm.

Công tác kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bếp ăn tập thể khu công nghiệp được đảm bảo. Việc quản lý các cơ sở hành nghề y, được tư nhân được đảm bảo hoạt động đúng quy định.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Công tác văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm triển khai, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được duy trì và phát triển; việc xây dựng gia đình văn hóa, xóm văn hóa được thực hiện thường xuyên, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức sôi nổi nhân dịp các ngày lễ, tết, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Phong trào luyện tập thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển, nhiều môn thể thao được duy trì thường xuyên như bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng đá, bóng chày, pickleball...

Trên địa bàn xã Phú Bình có 23 di tích được xếp hạng. Trong đó: có 04 di tích được xếp hạng cấp quốc gia (bao gồm Đình Phương Độ, xã Xuân Phương; Đình Xuân La xã Xuân Phương; Chùa Ha xã Nhã Lộng; Chùa Úc Kỳ xã Úc Kỳ) và 19 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội truyền thống được quan tâm thực hiện. Hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa tâm linh bước đầu được khai thác gắn với các di tích, danh lam thắng cảnh và các sản phẩm đặc trưng của địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn được duy trì và đảm bảo. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên. Theo số liệu thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã Phú Bình là 33.623 người. Trong đó, lao động nông, lâm, ngư nghiệp là 5.380 người (chiếm 16%); lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ là 28.243 người (chiếm 84%).

Kết quả trên cho thấy cơ cấu lao động của xã đã chuyển dịch mạnh theo hướng phi nông nghiệp, phù hợp với xu thế đô thị hóa; lực lượng lao động chủ yếu tham gia vào các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng đô thị.

4.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Phú Bình trong những năm gần đây có bước phát triển nhanh cả về số lượng, chất lượng và quy mô đầu tư, phản ánh rõ nét quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn. Hệ thống nhà ở từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sinh sống của người dân cũng như nhu cầu của lực lượng lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu vực.

Để tạo cơ sở cho việc phát triển không gian đô thị, thu hút đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch, toàn bộ địa bàn xã đã được phủ kín quy hoạch chung xây dựng với 06 đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đạt tỷ lệ 100%. Các đồ án quy hoạch bao gồm: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Nhã Lộng đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phương đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Lý đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thượng Đình đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Úc Kỳ đến năm 2030 và Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hương Sơn đến năm 2035. Việc hoàn thành phủ kín quy hoạch chung đã tạo nền tảng quan trọng để định hướng phát triển không gian đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu chức năng trên địa bàn.

Bên cạnh quy hoạch chung, công tác lập và triển khai quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu đô thị cũng được quan tâm thực hiện. Hiện nay trên địa bàn xã có 24 khu dân cư, khu đô thị đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, tạo quỹ đất và không gian phát triển cho các dự án nhà ở, thương mại và dịch vụ trong giai đoạn tới. Nổi bật là các dự án Khu đô thị Phú Bình 1 và Khu đô thị Phú Bình 2 được quy hoạch dọc tuyến đường Vành đai V, với quy mô 485 căn nhà ở xây thô, từng bước hình thành các khu dân cư tập trung có hạ tầng đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng không gian đô thị và tạo điểm nhấn kiến trúc cho khu vực trung tâm.

Cùng với sự phát triển của hệ thống giao thông đối ngoại, đặc biệt là Quốc lộ 37, đường Vành đai V và các tuyến tỉnh lộ kết nối liên vùng, trên địa bàn xã đang hình thành chuỗi các dự án đô thị, khu dân cư và các điểm dịch vụ thương mại phát triển liên tục từ trung tâm Hương Sơn đến các khu vực Xuân Phương, Kha Sơn, Úc Kỳ và kết nối với xã Nga My. Xu hướng phát triển này tạo nên hành lang đô thị - dịch vụ quan trọng của khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên, đồng thời thúc đẩy

quá trình chuyển đổi từ mô hình khu dân cư nông thôn truyền thống sang các khu dân cư đô thị có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

n) Công trình giáo dục, đào tạo

Trên địa bàn xã có 15 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc bao gồm: (05 trường mầm non, 05 trường tiểu học và 05 trường THCS). Trong đó: 15/15 = 100% trường học trên địa bàn xã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, có 04 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 gồm: Trường Mầm non Xuân Phương, Mầm non Nhã Lộ, Tiểu học Xuân Phương, THCS Bảo Lý.

- Tổng số lớp 03 cấp học: 294 nhóm, lớp; trong đó: Cấp học Mầm non có 89 nhóm, lớp; Cấp học Tiểu học có 123 lớp; Cấp học THCS có 82 lớp.

- Số học sinh/trẻ: Tổng số 9.658 trẻ/học sinh; trong đó: Cấp học Mầm non có 2.359 trẻ; Cấp học Tiểu học có 3.945 học sinh; Cấp THCS có 3.354 học sinh

Ngoài ra trên địa bàn có 03 cơ sở giáo dục mầm non tư thục, 01 Trung tâm chính trị, 01 trường THPT, 01 trường Cao đẳng, 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên. Hệ thống các trường học trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; cơ sở vật chất trường học từng bước được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa.

c) Công trình y tế

Để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ, hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn xã Phú Bình được đầu tư tương đối đồng bộ, bao gồm bệnh viện, trạm y tế và mạng lưới y tế ngoài công lập.

Trên địa bàn hiện có Bệnh viện Đa khoa Phú Bình thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Bệnh viện được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và đội ngũ nhân lực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng của người dân.

Trạm Y tế xã Phú Bình có 01 Trạm chính và 04 điểm trạm phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, quản lý sức khỏe cộng đồng và triển khai các chương trình y tế tại cơ sở.

Các cơ sở y tế được trang bị các thiết bị y tế thiết yếu phục vụ công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống dịch bệnh. Đội ngũ cán bộ

y tế gồm bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, dược sĩ và nhân viên y tế khác có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ngoài ra trên địa bàn có các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân, nhà thuốc và quầy thuốc đạt tiêu chuẩn theo quy định, góp phần mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng của người dân.

d) Công trình văn hóa, thể thao

- Trung tâm văn hoá - thể thao

Được đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, hội họp của cán bộ và nhân dân trên địa bàn. Trung tâm có 01 hội trường với quy mô khoảng 500 ghế ngồi, được trang bị âm thanh phục vụ cho hoạt động văn hoá, văn nghệ, hội họp. Có các phòng chức năng, phòng chuyên môn, quảng trường, sân thể thao, vườn hoa, cây xanh và các công trình phụ trợ khác đáp ứng yêu cầu các thiết chế văn hoá, thể thao.

Thư viện và Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được đặt tại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã. Mô hình được xây dựng nhằm tạo không gian sinh hoạt văn hóa lành mạnh, phục vụ nhu cầu đọc sách, học tập, nghiên cứu, tiếp cận thông tin của nhân dân; đồng thời góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

- Nhà văn hoá, thiết chế văn hoá

Xã Phú Bình hiện có 67 xóm, các xóm có nhà văn hóa được đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm phục vụ sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, hội họp của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Trên địa bàn xã có 05 chợ, 175 cửa hàng tiện ích, siêu thị, 05 ngân hàng cổ phần và thương mại, 23 nhà hàng và 27 cơ sở lưu trú, khách sạn.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp được thừa hưởng từ trụ sở làm việc của huyện Phú Bình cũ, đáp ứng được yêu cầu khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

4.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

Xã Phú Bình có hệ thống đường giao thông tương đối đồng bộ gồm Quốc lộ 37, đường Vành đai 5, các tuyến ĐT.266, ĐT.269B, ĐT.269C, ĐT.269D cùng hệ thống các đường tỉnh lộ, cùng nhiều hệ thống đường giao thông liên xã, liên xóm thuận lợi trong quá trình giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Trên địa bàn có trạm biến áp 110KV Phú Bình, lưới trung áp 35Kv và 22Kv bám theo QL37 và các đường tỉnh, cấp điện cho khu dân cư, khu, cụm công nghiệp, dịch vụ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

c) Hệ thống cấp nước

Trên địa bàn xã có 02 nhà máy cấp nước sạch gồm: Nhà máy nước Úc Kỳ công suất 95 m³/ngày đêm và nhà máy nước Hương Sơn công suất 2.000 m³/ngày đêm.

Ngoài ra có 01 nhà máy nước Phú Bình với quy mô lớn đang được đầu tư xây dựng và chuẩn bị đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trên địa bàn và các xã lân cận.

d) Thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đảm bảo, cơ bản đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải tại các khu dân cư, khu đô thị và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

đ) Viễn thông, thông tin liên lạc

Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng, mạng cáp quang đã được triển khai và phủ sóng đến 100% các cơ quan, đơn vị, trường học, các xóm và hộ gia đình đáp ứng được nhu cầu sử dụng internet phục vụ công tác quản lý điều hành, chuyển đổi số, học tập, lao động, sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

e) Vệ sinh môi trường

Công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn được chỉ đạo thường xuyên. Định kỳ hàng tháng huy động các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình tiến hành tổng vệ sinh môi trường, phát quang đường làng ngõ xóm, phong trào chiến dịch ngày thứ bảy xanh, nhân rộng các mô hình đường hoa, cây xanh góp phần xây dựng các tuyến đường sáng - xanh - sạch đẹp, cải thiện cảnh quan môi trường đô thị. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải được xử lý hiệu quả.

4.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Nghị quyết, Quy định của Trung ương, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân khu, Tỉnh ủy về công tác quốc phòng, quân sự địa phương; tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; chất lượng tổng hợp và khả năng SSCĐ được nâng lên. Duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nhất là dịp Lễ, tết và các sự kiện chính trị của Trung ương, địa phương. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng thủ dân sự trên địa bàn.

Thực hiện hiệu quả công tác tuyển quân, tuyển sinh cho các đối tượng đạt 100% chỉ tiêu được giao. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ cho các đối tượng đúng kế hoạch, thời gian, bảo đảm quân số 857/857 đồng chí, an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh, từng bước phát triển. Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở có nhiều chuyên viên tích cực góp phần tạo môi trường an ninh, an toàn phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được sắp xếp, bố trí theo quy định, cơ bản bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị; đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Biên chế cán bộ, công chức, viên chức: khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Trung tâm Chính trị được tạm giao 34 biên chế, hiện có 32 người; khối chính quyền được tạm giao 86 biên chế, khung biên chế 47 người, hiện có 46 người. Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao 606 người, hiện có mặt 579 người; trong đó Trạm Y tế 47/47 người, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp 11/11 người, các trường học 521/548 người.

5. Đối với xã Phú Lương

5.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Phú Lương được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên cùng các xã Động Đạt và Yên Lạc. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên 112,39 km², quy mô dân số 44.632 người, giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Phú Lương trước đây. Xã có vị trí địa lý tiếp giáp với các đơn vị sau:

- + Phía Bắc giáp xã Chợ Mới và xã Yên Trạch;
- + Phía Nam giáp xã Phú Lạc và xã An Khánh;
- + Phía Đông giáp xã Vô Tranh và xã Văn Lãng;
- + Phía Tây giáp xã Phú Lạc, xã Hợp Thành và xã Đức Lương.

b) Vai trò chức năng

Với vị trí nằm trên các trục giao thông huyết mạch của tỉnh như Quốc lộ 3, tuyến cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới và đường tỉnh 263, xã Phú Lương giữ vai trò là đầu mối giao thông quan trọng kết nối thành phố Thái Nguyên với các địa phương phía Bắc của tỉnh, đồng thời là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa khu vực trung tâm tỉnh với vùng trung du, miền núi. Hệ thống giao thông thuận lợi không chỉ tạo điều kiện thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ mà còn góp phần thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển đô thị và công nghiệp trên địa bàn.

Trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh Thái Nguyên, xã Phú Lương giữ vai trò là trung tâm động lực phát triển của khu vực phía Bắc tỉnh, là hạt nhân của đô thị Phú Lương theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Địa phương được xác định là đô thị loại III trong tương lai, đóng vai trò trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và văn hóa của khu vực; đồng thời là đầu mối liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch của tỉnh.

Bên cạnh lợi thế về vị trí địa lý và hạ tầng giao thông, xã Phú Lương còn là địa bàn tập trung nhiều cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục, y tế và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Trên địa bàn có nhiều công trình và thiết chế quan trọng như Trung tâm hành chính của huyện Phú Lương trước đây, các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm y tế, hệ thống chợ, trung tâm thương mại và các cơ sở dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân trong khu vực. Đây là những

điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, logistics, giáo dục, y tế và các loại hình dịch vụ đô thị chất lượng cao.

Đồng thời, xã Phú Lương còn là địa phương có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc với các di tích tiêu biểu như Đền Đuôm - Di tích lịch sử quốc gia gắn với danh nhân Dương Tự Minh, Di tích lịch sử quốc gia nơi thành lập Đại đoàn Quân Tiên phong (nay là Sư đoàn 308) cùng nhiều di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng khác. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch tâm linh và các dịch vụ đi kèm, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế địa phương.

Về chức năng, xã Phú Lương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền; bảo đảm quản lý thống nhất trên các lĩnh vực quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai, giao thông, môi trường, hạ tầng kỹ thuật, dân cư, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng và an ninh. Đồng thời, chính quyền cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp gần dân, thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân.

Với quy mô dân số lớn, mức độ tập trung dân cư cao, tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh cùng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, xã Phú Lương đang từng bước đảm nhận đầy đủ các chức năng của một đơn vị hành chính đô thị. Việc thành lập phường Phú Lương không chỉ phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh mà còn tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ; thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, từng bước xây dựng Phú Lương trở thành đô thị văn minh, hiện đại và phát triển bền vững.

5.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

- a) Diện tích tự nhiên: Xã Phú Lương có diện tích 112,39 km²,
- b) Cơ cấu các loại đất

Theo Báo cáo Kết quả thống kê đất đai năm 2025 xã Phú Lương sau sắp xếp đơn vị hành chính có tổng diện tích đất tự nhiên của đô thị mới Phú Lương là: 11.238,70 ha, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	11,238.70	100.00
I	Nhóm đất nông nghiệp	9,188.02	81.75
1	Đất trồng cây hằng năm	1,744.44	15.52
1.1.1	Đất trồng lúa	1,222.39	10.88
1.1.2	Đất chuyên trồng lúa	802.88	7.14
1.1.3	Đất trồng lúa còn lại	419.50	3.73
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	522.05	4.65
2	Đất trồng cây lâu năm	2,424.13	21.57
3	Đất lâm nghiệp	4,850.32	43.16
3.1	Đất rừng đặc dụng		
3.2	Đất rừng phòng hộ	1,492.79	13.28
3.3	Đất rừng sản xuất	3,357.54	29.87
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		
4	Đất nuôi trồng thủy sản	148.80	1.32
5	Đất chăn nuôi tập trung	14.38	0.13
6	Đất làm muối		
7	Đất nông nghiệp khác	5.94	0.05
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	1,957.91	17.42
1	Đất ở	434.76	3.87

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.1	Đất ở tại nông thôn	191.41	1.70
1.2	Đất ở tại đô thị	243.35	2.17
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7.02	0.06
3	Đất quốc phòng, an ninh	550.34	4.90
3.1	Đất quốc phòng	548.69	4.88
3.2	Đất an ninh	1.65	0.01
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	43.72	0.39
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	10.47	0.09
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	2.61	0.02
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	26.51	0.24
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	3.25	0.03
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao		
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0.88	0.01
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	240.17	2.14
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	25.55	0.23

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5.1.1	Đất khu công nghiệp		
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	25.55	0.23
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	8.86	0.08
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	20.96	0.19
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	184.80	1.64
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	466.21	4.15
6.1	Đất công trình giao thông	338.59	3.01
6.2	Đất công trình thủy lợi	109.17	0.97
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	0.12	0.00
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	5.79	0.05
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	8.33	0.07
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0.60	0.01
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	0.42	0.004
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	2.28	0.02
6.1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0.91	0.01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
7	Đất tôn giáo	1.58	0.01
8	Đất tín ngưỡng	2.33	0.02
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	35.76	0.32
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	173.10	1.54
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	24.39	0.22
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	148.71	1.32
11	Đất phi nông nghiệp khác	2.91	0.03
III	Nhóm đất chưa sử dụng	92.76	0.83
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	1.09	0.01
2	Đất bằng chưa sử dụng	9.39	0.08
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	0.64	0.01
4	Núi đá không có rừng cây	81.64	0.73
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng		

5.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Hiện trạng dân số tính đến thời điểm 31/12/2025, xã Phú Lương có dân số 44.632 người chủ yếu là dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Sán Dìu, phân bố trên 74 xóm, mật độ dân cư khoảng 396 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 0,4%.

b) Cơ cấu lao động

Hiện trạng lực lượng lao động tính đến thời điểm 31/12/2025, xã Phú Lương có 28.025 lao động làm việc trong các ngành kinh tế, trong đó lao động nông nghiệp là 13.568 người chiếm 48,4% và tổng số lao động phi nông nghiệp là 14.457 người chiếm 51,6% (*bao gồm các ngành như: công nghiệp, xây dựng, chế tạo, thương nghiệp, vận tải, kinh doanh...*).

c) Thành phần dân cư

Thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025. Tổng dân số là 44.632 nhân khẩu, trong đó dân tộc kinh chiếm tỷ lệ 61%, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 39%.

5.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Hiện nay, trên địa bàn xã Phú Lương có 109 doanh nghiệp, hợp tác xã với 638 lao động (Trong đó: có 11 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 27 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực công nghiệp; 10 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực xây dựng; 38 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực thương nghiệp; 10 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực lưu trú, ăn uống; 13 doanh nghiệp, hợp tác xã về lĩnh vực dịch vụ khác); 2.071 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể với 3.381 lao động (Trong đó: có 319 cơ sở về lĩnh vực công nghiệp; 8 cơ sở về lĩnh vực xây dựng; 1.271 cơ sở về lĩnh vực thương nghiệp; 73 cơ sở về lĩnh vực vận tải, kho bãi; 207 cơ sở về lĩnh vực lưu trú, ăn uống; 193 cơ sở về lĩnh vực dịch vụ khác).

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Phú Lương trong những năm gần đây có bước phát triển khá, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho Nhân dân. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng hiện chiếm khoảng 72,31% trong cơ cấu kinh tế của địa phương, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang các hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo định hướng phát triển đô thị.

Với vị trí nằm tại vùng 2 (giao thoa giữa vùng phía Bắc và phía Nam của tỉnh Thái Nguyên) cách khu trung tâm hành chính tỉnh khoảng 20 km về phía Tây Bắc. Có các tuyến đường kết nối hiện tại và tương lai: QL.3, Cao tốc CT.07, Cao tốc Thái Nguyên - Tuyên Quang; đường tỉnh ĐT.272, ĐT.263; đường Vành đai

2...xã Phú Lương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề sản xuất, chế biến. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Yên Lạc) với tổng diện tích lập quy hoạch là 25,28ha đang được triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp; Đang thực hiện quy trình thành lập 02 Cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Yên Thủy với diện tích 73,7ha và Cụm công nghiệp Đồng Tâm với diện tích 71,3ha). Dự kiến sau khi thành lập và vận hành của 03 cụm công nghiệp trên sẽ góp phần giải quyết được nhu cầu về việc làm của 2.700 - 4.000 người, giúp nâng cao thu nhập cho Nhân dân trên địa bàn xã, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ công nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, đảm bảo phát triển bền vững kinh tế - xã hội của xã. Ngoài ra, trên địa bàn xã Phú Lương còn có 01 Khu công nghiệp (Khu công nghiệp Phú Lương - Phú Lạc với diện tích thuộc xã Phú Lương là 120ha) đã được đưa vào danh mục quy hoạch khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh; Đây là tiền đề quan trọng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, tạo việc làm, tăng nguồn thu ngân sách và thúc đẩy quá trình hình thành không gian đô thị trong tương lai.

Hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển theo hướng đa dạng ngành nghề, tập trung vào Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, chế biến chè, chế biến lâm sản, may mặc... Các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu: Sản xuất gạch tuynel, gạch không nung, chế biến gỗ, khai thác đá,... Nhiều cơ sở sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho lao động địa phương. Trên địa bàn xã hiện có 01 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Công ty TNHH Shints BTV) sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, thị trường xuất khẩu của công ty chủ yếu là Hàn Quốc, Mỹ và các nước châu Âu.

- Chỉ tiêu một số sản lượng một số ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Phú Lương hết năm 2025:

- + Gạch Tuynel: 25.000.000 viên
- + Gạch, ngói xi măng: 4.490.000 viên
- + Gạch không nung: 4.200.000 viên
- + Khai thác đá: 385.000 m³
- + Chế biến gỗ: 9.265m³
- + Sản phẩm cơ khí: 12.100 sản phẩm

- + Sản phẩm nhôm kính: 12.340 m²
- + Sản phẩm may mặc: 20.250 sản phẩm
- + Chế biến chè: 988 tấn
- + Sản xuất chế biến bánh: 430.000 cái.

Nhìn chung, với lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất phát triển, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi và các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, Phú Lương có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành phường Phú Lương và phát triển trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp và du lịch của khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh Thái Nguyên.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Trồng trọt: Diện tích gieo trồng hằng năm đạt 2.935 ha; Tổng diện tích cây lương thực có hạt đạt 2.510 ha (trong đó 2.082 ha Lúa và 428 ha Ngô), tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 12.633 tấn (10.754 tấn Lúa và 1.879 tấn Ngô); Diện tích cây chè hiện có đạt 1.019 ha, tổng sản lượng chè búp tươi đạt 16.282 tấn; Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt đạt 136,7 triệu đồng.

- Chăn nuôi: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 8.319 tấn (trong đó 2.944 tấn Lợn và 4.381 tấn Gà); số trang trại trên địa bàn là 40 trang trại.

- Thủy sản: Toàn xã có 130 ha nuôi trồng thủy sản. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 319 tấn.

- Lâm nghiệp: Xã Phú Lương có tổng diện tích đất tự nhiên là 11.238,70 ha, trong đó diện tích có rừng và diện tích chưa thành rừng là 4.740,15 ha. Diện tích có rừng: 4.278,57 ha (Rừng tự nhiên: 500,01 ha; Rừng trồng: 3.778,56 ha). Diện tích chưa thành rừng: 461,58 ha.

- Làng nghề: Có 07 làng nghề sản xuất, chế biến chè với hơn 500 thành viên, cụ thể: Làng nghề chè xóm Đòng Bông; Làng nghề chè Yên Thủy 1; Làng nghề chè Yên Thủy 4; Làng nghề chè xóm Hang Neo; Làng nghề chè xóm Yên Thủy 2; Làng nghề chè xóm Kim Lan, làng nghề chè Tân Thủy.

d) Thu, chi ngân sách

Xã Phú Lương đã chỉ đạo các ngành liên quan thường xuyên, định kỳ hàng tháng theo dõi, phối hợp chặt chẽ, đánh giá, phân tích tình hình thu NSNN trên địa bàn, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo huy động các nguồn lực,

tập trung cho công tác thu. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự giám sát của HĐND xã, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị, công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn xã đã đạt được kết quả cao.

* Tổng thu ngân sách xã năm 2025 đạt: 568.305.066.469 đồng. Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách: 961.212.169 đồng.
- Thu chuyên giao ngân sách: 563.832.720.629 đồng
- Thu chuyên nguồn: 2.131.319.982 đồng.
- Thu kết dư: 553.813.689 đồng
- Thu các khoản huy động, đóng góp: 826.000.000 đồng

* Chi ngân sách năm 2025

Công tác chi ngân sách năm 2025 cơ bản đã đảm bảo kịp thời các khoản chi trong dự toán được tính và HĐND xã giao như kinh phí thực hiện chính sách, an sinh xã hội, các khoản bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí đầu tư công

Tổng chi ngân sách địa phương: 568.054.416.038 đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 61.928.720.760 đồng.
- Chi thường xuyên: 439.553.375.028 đồng.
- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 28.025.815.653 đồng.
- Chi chuyển nguồn: 36.866.111.337 đồng.
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 38.875.460 đồng.

5.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Nhìn chung, công tác Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Phú Lương đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô lẫn chất lượng. Với hệ thống trường lớp kiên cố, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao (95,65%) và kết quả phổ cập giáo dục đạt mức độ cao nhất, ngành giáo dục địa phương không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một Phường mà còn đóng vai trò là động lực then chốt trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, sẵn sàng cho việc chuyển đổi sang mô hình quản lý chính quyền đô thị.

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn có xu hướng gia tăng cả về quy mô và chất lượng. Mạng lưới

trường lớp hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu. Các cơ sở giáo dục đã tích cực triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy. Tỷ lệ trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đạt 100%. Việc chuyển đổi số trong giáo dục bước đầu đạt kết quả, song cần tiếp tục đầu tư đồng bộ hơn. Hệ thống cơ sở giáo dục cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị. Quỹ đất dành cho giáo dục đã được xác định trong quy hoạch. Tuy nhiên, việc mở rộng quỹ đất tại một số khu vực trung tâm còn gặp khó khăn. Hạ tầng giao thông kết nối đến các trường học tương đối thuận lợi, đảm bảo an toàn cho học sinh. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu để chuyển sang đơn vị hành chính phường. Các tiêu chí về quy mô, chất lượng, phổ cập giáo dục được đảm bảo; tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung nguồn lực để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển đô thị.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Trạm Y tế xã Phú Lương là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, được thành lập theo Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Phú Lương, thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn. Trạm Y tế xã Phú Lương được thành lập trên cơ sở sắp xếp 04 trạm y tế trên địa bàn xã (bao gồm: Trạm y tế Đu, trạm y tế Yên Lạc, trạm y tế Động Đạt và trạm y tế Giang Tiên) và tiếp nhận một phần nhân lực, chức năng của khối y tế dự phòng từ Trung tâm y tế huyện Phú Lương.

- Tổ chức bộ máy: Trạm Y tế gồm 02 phòng và 03 khoa: Phòng Hành chính, tài chính, nhân sự; phòng Dân số, trẻ em, bảo trợ xã hội; Khoa Khám bệnh, chữa bệnh; Khoa Phòng bệnh, an toàn thực phẩm; Khoa Dược, thiết bị y tế, cận lâm sàng.

- Nhân lực: Tổng số biên chế được giao: 45 viên chức; số viên chức hiện có: 43 viên chức, bao gồm:

+ 02 Bác sĩ Chuyên khoa I (trong đó: 01 Bác sĩ CKI Y học dự phòng, 01 Bác sĩ CKI Y học gia đình);

+ 03 Bác sĩ đa khoa;

+ 14 Y sĩ (trong đó: 12 Y sĩ đa khoa trung cấp, 02 Y sĩ YHCT trung cấp);

+ 10 Điều dưỡng (trong đó: 02 Đại học, 08 Cao đẳng);

+ 01 Kỹ thuật viên cao đẳng;

- + 02 Hộ sinh cao đẳng;
- + 05 Dược sĩ cao đẳng;
- + Cán bộ khác: 06.

- Việc đảm bảo cung ứng, quản lý, sử dụng thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế: Phối hợp với Bệnh viện Phú Lương cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm theo đúng quy định. Việc bảo quản, cấp phát thuốc đảm bảo an toàn, hợp lý, tránh lãng phí.

- Trạm Y tế đã được Sở Y tế công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng cố định với Trạm Y tế xã Phú Lương cố định và các điểm trạm; Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, cơ sở đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện đối với điểm trạm Phú Lương 2.

- Công tác phòng chống dịch:

Năm 2025, trên địa bàn không xảy ra các vụ dịch bệnh nguy hiểm, kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm theo mùa khác.

Năm 2026: Thực hiện tốt công tác tham mưu với UBND xã, Ban giám đốc Trạm y tế thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch ở người trên địa bàn xã, xây dựng kế hoạch triển khai công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2026, kiện toàn đội chống dịch cơ động theo quy định. Triển khai hoạt động tiêm chủng mở rộng vào ngày 15 hàng tháng.

Kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh nói chung và dịch Covid-19 nói riêng. Các ca bệnh truyền nhiễm xuất hiện rải rác trong cộng đồng, không có chùm ca bệnh hoặc ổ dịch được ghi nhận và báo cáo, không có sự đột biến lớn về số trường hợp mắc trên địa bàn. Công tác chuẩn bị sẵn sàng cho đáp ứng phòng chống dịch tại các đơn vị đạt yêu cầu đề ra.

Thực hiện tốt công tác giám sát phát hiện và phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn. Đảm bảo công tác phòng chống dịch trong dịp Tết nguyên đán và mùa Lễ hội đầu xuân và trong mùa hè, sau mưa lũ, ngập lụt. Phòng chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người, thực hiện tốt hoạt động giám sát dựa vào sự kiện.

- Công tác khám chữa bệnh: Tổ chức tốt các hoạt động khám, chữa bệnh tại đơn vị. Thực hiện nghiêm chế độ chuyên môn, đảm bảo chế độ trực cấp cứu 24/24h, kịp thời giải quyết những trường hợp cấp cứu, đặc biệt trong dịp Tết

nguyên đán và các ngày nghỉ Lễ. Thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm chính và 03 điểm trạm.

Tổng số lượt khám chữa bệnh 5 tháng đầu năm 2026: 731 lượt, trong đó: Khám BHYT: 564 lượt, Trẻ em: 64 lượt, Khám phụ khoa: 46 lượt.

Duy trì hoạt động khám, quản lý và điều trị ngoại trú cho 37 bệnh nhân tăng huyết áp, 53 bệnh nhân tâm thần kinh. Hoạt động quản lý, cấp phát thuốc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone đảm bảo an toàn và theo đúng các quy định hiện hành, tổng số bệnh nhân quản lý điều trị: 141 bệnh nhân.

Các chương trình y tế mục tiêu y tế - dân số: Duy trì thực hiện các hoạt động theo quy định của chương trình, cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao. Kết quả triển khai một số chương trình mục tiêu y tế - dân số như sau:

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Năm 2025
1	Tiêm chủng mở rộng		
	Trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng đủ mũi	%	98,0
	Tiêm AT2 (+) cho phụ nữ có thai	Người	317
2	Phòng chống Lao		
	Số bệnh nhân mới phát hiện	Ca	10
	Tổng số bệnh nhân quản lý	Ca	16
3	CSSK Tâm Thần		
	Số bệnh nhân mới phát hiện	Người	0
	Số bệnh nhân được quản lý, chăm sóc và điều trị	Người	53
4	Dinh dưỡng trẻ < 5 tuổi		
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi thể cân nặng/tuổi	%	7,8
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi thể chiều cao/tuổi	%	9,7

	Tỷ lệ trẻ 6-36 tháng tuổi được uống Vitamin A	%	100
5	Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình		
	Số mới đặt dụng cụ tử cung	Người	2.494
	Số triệt sản	Người	63
	Số cấy tránh thai	Người	37
	Số sử dụng bao cao su	Người	1130
	Số uống thuốc tránh thai	Người	823
	Số tiêm thuốc tránh thai	Người	114
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,4
	Tỷ suất sinh thô	‰	7,9
6	Vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động		
	Hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	92,6
	Hộ gia đình sử dụng nước sạch	%	97,4

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

- Công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa trên địa bàn xã Phú Lương trong thời gian qua được quan tâm triển khai đồng bộ, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Toàn xã hiện có 74 xóm, trong đó 74/74 xóm được công nhận danh hiệu xóm văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa hằng năm đạt khoảng trên 90%. Công tác gia đình được chú trọng triển khai; các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện hiệu quả; duy trì các mô hình như Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

- Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư; toàn xã có 01 nhà đa năng tại UBND xã, 01 hội trường lớn Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 01 nhà đa năng Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 01 sân thể thao cấp đô thị, 5 sân thể thao phân

bổ tại các xóm và 74/74 xóm có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đạt tỷ lệ 100%; các nhà văn hóa xóm cơ bản đã được nâng cấp, sửa chữa, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, tổ chức vào các dịp lễ, tết, sự kiện chính trị của địa phương; duy trì 35 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường; hiện trên địa bàn xã có 08 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa (04 cơ sở karaoke, 11 cơ sở photocopy, in ấn, 04 điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng); công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Công tác quản lý di tích được quan tâm; trên địa bàn xã có 03 di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia (Địa điểm Xưởng Quân giới - Nơi chế tạo thành công súng Bazoka, Nơi thành lập Sư đoàn 308 (Đại đoàn quân tiên phong), Di tích lịch sử Quốc gia Đền Đuôm); 04 di tích được xếp hạng cấp tỉnh (Di tích Đền Quan Núi Đá Xô, Di tích Đền Trình, Di tích Đền Khuân, Di tích Đình Đẩu) và 10 di tích trong danh mục kiểm kê (Cơ sở nuôi giầu cán bộ làm công tác tuyên truyền thời kỳ vận động cách mạng tháng 8 (Nhà ông Hoàng Văn Kính và nhà ông Lục Văn An, Cơ sở nuôi giầu cán bộ làm công tác tuyên truyền thời kỳ vận động cách mạng tháng 8 (Nhà ông Phó Chương), Ao Chuông lặn dúc - Giếng Dội - Dốc Hạ Mã, Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng chân chữa bệnh và thăm cơ sở cách mạng Hái Hoa xã Phấn Mễ ngày 17/5/1945 (Nhà ông Lâm Thành Thái), Địa điểm thành lập và hoạt động cơ sở cách mạng Hái Hoa xã Phấn Mễ giai đoạn 1942 - 1945 (Nhà ông Lâm Đình Lý), Đền Đu, Địa điểm Đồn Phấn Mễ, Địa điểm Xưởng Quân Giới 242, Hang Muối, Hang Bò Cuối); Việc quản lý, bảo vệ di tích cơ bản được thực hiện tốt, nhân sự trực tiếp trông coi di tích được đảm bảo.

- Công tác thông tin, tuyên truyền trên địa bàn xã được triển khai kịp thời, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị và nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhân dân. Hệ thống truyền thanh cơ sở được đầu tư đồng bộ với hệ thống truyền thanh thông minh và FM, phủ sóng đến 74/74 xóm, đạt tỷ lệ 100%; nội dung phát thanh được duy trì thường xuyên, bảo đảm thông tin thông suốt. Công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông được thực hiện đúng quy định; chủ động định hướng thông tin và kịp thời xử lý các thông tin sai sự thật trên không gian mạng.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn xã tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng trên 50%. Cơ sở vật

chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao từng bước được đầu tư; hầu hết các xóm có bố trí khu vực sân chơi, bãi tập phục vụ Nhân dân. Hằng năm, xã tổ chức các giải thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, Pickleball, điền kinh, bóng chuyền hơi...; duy trì hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng; tham gia đầy đủ các hội thao cấp trên và đạt nhiều thành tích tại các môn tham gia thi đấu.

Căn cứ các tiêu chí về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trong xây dựng đơn vị hành chính cấp phường, qua đánh giá thực trạng cho thấy xã Phú Lương cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước hết, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, có hiệu quả, với 100% xóm đạt danh hiệu xóm văn hóa và tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt trên 90%. Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy thông qua hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư tương đối đồng bộ; toàn xã có nhà văn hóa, nhà đa năng xã và 100% xóm có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, gắn với các sự kiện chính trị, lễ, tết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Trong lĩnh vực thông tin - truyền thông, hệ thống truyền thanh cơ sở được phủ sóng đến toàn bộ các xóm với mô hình truyền thanh thông minh, FM; nội dung tuyên truyền được duy trì thường xuyên, kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bước đầu đạt kết quả tích cực thông qua việc vận hành Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin đến người dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và phát triển; các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức thường xuyên; hệ thống sân bãi, dụng cụ tập luyện từng bước được đầu tư, tạo điều kiện cho người dân tham gia rèn luyện sức khỏe.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Phú Lương là địa bàn có quy mô dân số lớn, nguồn lao động dồi dào, cơ cấu dân số trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền đô thị trong thời gian tới.

Tổng dân số trên địa bàn xã hiện nay là 44.632 người, dân số trong độ tuổi lao động (từ 18 đến dưới 60 tuổi) có 25.043 người, chiếm khoảng 56,1% tổng dân số. Đây là lực lượng lao động chủ yếu tham gia vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng và các ngành nghề khác trên địa bàn thành phố cũng như các khu công nghiệp lân cận.

Hiện nay, trên địa bàn có khoảng 9.500 người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người thử việc, học nghề và tập nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, thể hiện xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp phù hợp với quá trình đô thị hóa. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện thường xuyên thông qua các chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân.

Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao. Toàn xã hiện có 11.532 học sinh, sinh viên đang theo học ở các cấp học và cơ sở đào tạo, trong đó có 667 học sinh, sinh viên học tại các trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Mạng lưới trường học được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả; các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Trên địa bàn hiện có 224 người thuộc hộ nghèo, chiếm khoảng 0,5% dân số và 457 người thuộc hộ cận nghèo, chiếm khoảng 1,03% dân số; đời sống của các hộ cận nghèo từng bước được cải thiện thông qua các chương trình hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Công tác bảo trợ xã hội được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, bảo đảm các đối tượng bảo trợ xã hội được thụ hưởng chính sách theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, trên địa bàn xã có 1.875 người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, trong đó có 692 người khuyết tật, 910 người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và 273 đối tượng bảo trợ xã hội khác. Địa phương thường xuyên quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về đời sống, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, giáo dục, dạy nghề và tạo điều kiện hòa nhập cộng đồng đối với người khuyết tật; đồng thời thực hiện tốt công tác chăm sóc, trợ giúp người cao tuổi và các đối tượng yếu thế trong xã hội. Qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

Công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được chú trọng. Trên địa bàn hiện có 409 người có công và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng, trong đó có 287 người có công và 122 thân nhân người có công. Các chế độ chính sách ưu đãi được thực hiện đầy đủ, kịp thời; các hoạt động thăm hỏi, tặng quà, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần đối với người có công được

duy trì thường xuyên, góp phần phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Bên cạnh đó, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư nâng cấp; các chương trình khám sức khỏe, sàng lọc bệnh, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, trẻ em và các đối tượng chính sách được triển khai thường xuyên. Đặc biệt, địa phương có 7.319 người từ 60 tuổi trở lên, chiếm khoảng 16,4% dân số, là cơ sở để tiếp tục quan tâm phát triển các chính sách chăm sóc người cao tuổi trong giai đoạn tới.

Nhìn chung, nguồn lao động trên địa bàn dồi dào, chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng lên; công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công được thực hiện hiệu quả. Đây là những điều kiện thuận lợi, góp phần bảo đảm ổn định xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và đáp ứng các yêu cầu phát triển của đơn vị hành chính đô thị khi thành lập phường Phú Lương.

5.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Phú Lương chủ yếu là nhà ở riêng lẻ, phân bố tập trung tại các khu dân cư truyền thống và dọc các trục giao thông chính, đặc biệt là Quốc lộ 3. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố chiếm đa số; diện tích nhà ở bình quân đạt khoảng 40 m²/người. Đến tháng 5/2026, toàn xã có 10.547 căn nhà ở, không còn nhà tạm.

Công tác phát triển nhà ở được thực hiện gắn với quy hoạch xây dựng và định hướng phát triển đô thị. Trên địa bàn hiện có 10 dự án khu dân cư, khu đô thị và điểm dân cư đã, đang hoặc chuẩn bị triển khai với tổng quy mô trên 90 ha, trong đó có các dự án tiêu biểu như Khu đô thị Thác Lở (11,39 ha), Khu đô thị Thành Nam 2 (4,13 ha), Khu dân cư Thành Nam 1 (2,89 ha), Khu dân cư nông thôn Động Đạt (55 ha), Khu dân cư Phố Giá - Dộc Mầu (9,35 ha), Khu dân cư nông thôn Yên Lạc (5,38 ha)...

Nhìn chung, chất lượng nhà ở và điều kiện sinh hoạt của người dân ngày càng được nâng cao; hệ thống điện, nước, giao thông và thông tin liên lạc cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Tuy nhiên, tại một số khu vực vẫn còn tình trạng hạ tầng chưa đồng bộ, việc chỉnh trang khu dân cư còn gặp khó khăn do địa hình phân tán và nguồn lực đầu tư hạn chế.

b) Công trình giáo dục và đào tạo

Mạng lưới giáo dục trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ với 01 trường THPT, 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và 23 cơ sở giáo dục trực thuộc, gồm 07 trường mầm non, 08 trường tiểu học và 08 trường trung học cơ sở (trong đó có 01 trường PTDTNT THCS).

Tổng số học sinh toàn xã là 9.255 học sinh với 325 lớp học, gồm: mầm non 2.237 học sinh/97 lớp, tiểu học 3.661 học sinh/133 lớp, THCS 3.357 học sinh/96 lớp; bình quân khoảng 29 học sinh/lớp.

Toàn xã có 818 cán bộ quản lý, giáo viên, trong đó có 56 cán bộ quản lý và 585 giáo viên; 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo. Hệ thống cơ sở vật chất giáo dục từng bước được đầu tư với 325 phòng học, trong đó có 285 phòng kiên cố. Hiện có 22/23 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 95,65%. Công tác phổ cập giáo dục các cấp được duy trì vững chắc; 100% trường học được kết nối Internet và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy.

c) Công trình y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn gồm 01 Bệnh viện Phú Lương quy mô 170 giường bệnh và 04 cơ sở y tế cấp xã (01 trụ sở chính và 03 điểm trạm). Các cơ sở y tế được đầu tư tương đối đồng bộ về cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu và triển khai các chương trình y tế cộng đồng.

Trạm Y tế xã có diện tích 2.873 m², nhà làm việc 03 tầng với đầy đủ các phòng chức năng phục vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và điều trị Methadone. Các điểm trạm tại Động Đạt, Yên Lạc và Giang Tiên tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Tuy nhiên, một số trang thiết bị chuyên môn như máy siêu âm, máy điện tim còn thiếu so với nhu cầu thực tế.

d) Công trình văn hóa, thể dục thể thao

Xã Phú Lương có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao khá phong phú, gắn với truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa địa phương. Trên địa bàn có 03 di tích lịch sử cấp quốc gia, gồm: Địa điểm Xưởng Quân giới - nơi chế tạo thành công súng Bazoka; Địa điểm thành lập Đại đoàn Quân Tiên phong (Sư đoàn 308); Di tích lịch sử quốc gia Đền Đuôm; cùng 04 di tích cấp tỉnh.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao gồm 01 nhà đa năng tại UBND xã, 01 nhà đa năng và 01 hội trường lớn tại Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 01 sân vận

động, 01 bể bơi, 01 sân thể thao cấp đô thị, 05 sân thể thao khu vực và 74 nhà văn hóa xóm. Ngoài ra còn có 02 trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính.

d) Công trình thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển khá đa dạng với hệ thống các chợ truyền thống gồm Chợ Đu, Chợ Chè, Chợ Giang Tiên, Chợ Yên Lạc, cùng nhiều siêu thị, cửa hàng tiện ích, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống và kinh doanh hộ gia đình.

Hệ thống tín dụng, ngân hàng hoạt động hiệu quả với 04 ngân hàng và 01 Quỹ tín dụng nhân dân, góp phần đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, xã Phú Lương có 04 trụ sở cơ quan hành chính gồm trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã, trụ sở Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, trụ sở Công an xã và Ban Chỉ huy Quân sự xã; cùng 01 trụ sở đơn vị sự nghiệp công lập.

Các công trình đều được xây dựng kiên cố, quy mô từ 2 đến 3 tầng, có đầy đủ các hạng mục phụ trợ như nhà đa năng, sân bãi, tường rào, hệ thống kỹ thuật và khuôn viên cây xanh; cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương và phục vụ Nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

5.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

Xã Phú Lương có hệ thống giao thông tương đối phát triển, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa thành phố Thái Nguyên với các địa phương phía Bắc của tỉnh. Trên địa bàn có các tuyến giao thông quan trọng gồm tuyến Thái Nguyên - Chợ Mới, Quốc lộ 3 và đường tỉnh 263.

Quốc lộ 3 là trục giao thông đối ngoại và cũng là trục chính đô thị, chạy dọc địa bàn với chiều dài khoảng 13,39 km. Đoạn ngoài khu vực trung tâm có lộ giới 42 m, mặt đường bê tông nhựa rộng từ 11 - 12 m; đoạn qua trung tâm có lộ giới 30 m, mặt đường rộng 15 m. Đường tỉnh 263 chạy theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, mặt đường rộng 6 m, lộ giới quy hoạch 22,5 m.

Mạng lưới giao thông nội thị chủ yếu là các tuyến đường bê tông và đường đất với mặt cắt từ 3 - 5 m, bề rộng lòng đường từ 1,5 - 5 m. Các tuyến đường cơ

bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, tuy nhiên phần lớn chưa được đầu tư đồng bộ theo tiêu chuẩn đường đô thị, còn thiếu hệ thống hè đường, cây xanh và thoát nước. Chất lượng các tuyến đường hiện đạt tiêu chuẩn đường cấp III, cấp IV miền núi và giao thông nông thôn loại A, B.

Trên địa bàn hiện có 03 tuyến xe buýt số 06, 28 và 30 hoạt động, góp phần đáp ứng nhu cầu đi lại bằng phương tiện công cộng của Nhân dân.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Nguồn điện trên địa bàn được cung cấp từ Đội quản lý điện lực khu vực Phú Lương thông qua hệ thống đường dây 110 kV, 220 kV và mạng lưới các trạm biến áp hạ thế. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

Ngoài ra, Hợp tác xã dịch vụ điện Động Đạt và Hợp tác xã dịch vụ điện Thủy Tiên Thành đang tham gia cung cấp điện cho một số khu vực. Hệ thống điện cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của người dân. Hệ thống chiếu sáng đã được đầu tư trên các trục đường chính, tuy nhiên nhiều tuyến đường nhánh, đường dân cư vẫn chưa được đầu tư hoàn chỉnh.

c) Hệ thống cấp nước

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là đơn vị cấp nước tập trung trên địa bàn với công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm. Mạng lưới cấp nước gồm các tuyến ống chính DN150, DN110, DN90, DN75, DN63, DN50 dọc Quốc lộ 3 và một nhánh cấp nước vào khu vực sân bóng Thọ Lâm.

Bên cạnh nguồn nước tập trung, một bộ phận người dân vẫn sử dụng nước từ giếng đào, giếng khoan và các công trình cấp nước nhỏ lẻ tại địa phương.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn khá phong phú với 12 hồ chứa nước, gồm 04 hồ do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Thái Nguyên quản lý (Đồng Xiền, Suối Luông, Chín Tầng, Ao Dẻ) và 08 hồ do địa phương quản lý. Ngoài ra còn có 10 đập dâng, 09 trạm bơm cùng nhiều tuyến kênh mương kiên cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

d) Thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn chủ yếu tận dụng địa hình tự nhiên, thoát qua các mương, suối hiện trạng và đổ ra sông Đu. Khu vực trung tâm được chia thành 04 lưu vực thoát nước chính. Hiện nay chưa có hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.

Nước thải sinh hoạt chủ yếu được thu gom theo hệ thống thoát nước chung. Toàn xã hiện mới có 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại Khu dân cư Mỹ Khánh - Chợ Chè. Phần lớn nước thải sinh hoạt của các hộ dân sau xử lý sơ bộ được xả trực tiếp ra môi trường, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm. Một số khu dân cư mới đã được đầu tư hệ thống thoát nước thải riêng.

Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện thường xuyên; chất thải nguy hại như bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom và xử lý theo quy định. Các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường được triển khai tại các cơ quan, trường học và khu dân cư.

đ) Viễn thông, thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn phát triển tương đối đồng bộ. Hiện có 05 điểm bưu điện (01 bưu điện trung tâm và 04 điểm bưu điện chi nhánh), 02 đài truyền thanh thông minh cùng hạ tầng viễn thông của Viettel và VNPT.

100% xóm trên địa bàn đã được phủ sóng 4G; mạng lưới cáp quang và hệ thống thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công và nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Tuy nhiên, hệ thống cáp viễn thông chủ yếu vẫn đi nổi trên cột điện, chưa được ngầm hóa; một số khu vực địa hình đồi núi còn gặp khó khăn về chất lượng đường truyền.

e) Vệ sinh môi trường

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm thực hiện. Khu xử lý rác thải tập trung hiện phục vụ trên 4.500 hộ dân, hơn 50 cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế, 06 chợ và 04 doanh nghiệp trên địa bàn. Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt thu gom đạt khoảng 21 - 25 tấn/ngày.

Hiện nay khu xử lý đang vận hành lò đốt rác công suất 1,5 tấn/giờ, hoạt động khoảng 8 giờ/ngày, tương đương khả năng xử lý khoảng 12 tấn rác/ngày. Do công suất chưa đáp ứng nhu cầu thực tế nên một phần rác thải vẫn phải chôn lấp tại ô chôn lấp số 1, làm gia tăng lượng nước rỉ rác phát sinh.

Để nâng cao năng lực xử lý chất thải, địa phương đã được phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung 01 lò đốt rác công suất 2 tấn/giờ cùng các hạng mục phụ trợ như cải tạo ô chôn lấp, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, ao lắng và các công trình bảo vệ môi trường. Sau khi hoàn thành, dự án sẽ góp phần nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn, giảm tỷ lệ chôn lấp và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển đô thị bền vững.

5.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng trên địa bàn xã Phú Lương được duy trì thực hiện nghiêm túc, bảo đảm theo quy định của pháp luật. Hiện nay, xã có 01 trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã; đồng thời trên địa bàn có một số khu đất quốc phòng do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên, các đơn vị thuộc Quân khu 1 và Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng.

Theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ Quốc phòng, trên địa bàn xã có 03 khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt (địa hình loại 1) và 02 khu vực địa hình có tầm quan trọng cao (địa hình loại 2) được ưu tiên phục vụ nhiệm vụ quốc phòng. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã Phú Lương cơ bản ổn định. Công tác bảo đảm an ninh đối ngoại, an ninh nội địa, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng và an ninh chính trị nội bộ được thực hiện hiệu quả; chưa phát hiện các vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia.

Các hoạt động hợp tác quốc tế, quan hệ với đối tác nước ngoài của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn được quản lý chặt chẽ; tình hình người nước ngoài cư trú, làm việc cơ bản ổn định. Trên địa bàn hiện có 07 dự án đầu tư ngoài ngân sách đang triển khai hoặc đã đi vào hoạt động, chưa phát sinh các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự.

Về an ninh dân tộc, xã có cộng đồng dân cư đa dạng gồm các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Thái, Mường, Hoa và các dân tộc khác cùng sinh sống đoàn kết, ổn định. Không phát sinh các vụ việc liên quan đến chia rẽ dân tộc, di cư tự do, truyền đạo trái pháp luật hoặc các hoạt động ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về an ninh tôn giáo, trên địa bàn có 03 tôn giáo được công nhận và hoạt động hợp pháp gồm Phật giáo, Công giáo và Tin lành. Các tổ chức, chức sắc, tín đồ tôn giáo cơ bản chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động xã hội tại địa phương.

Công tác bảo đảm an ninh xã hội, an ninh mạng và an ninh thông tin truyền thông được tăng cường; không xảy ra các vụ việc phức tạp liên quan đến lộ, lọt bí mật nhà nước, phát tán thông tin xấu độc hoặc các hoạt động lợi dụng không gian mạng gây mất an ninh, trật tự.

Tình hình trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững ổn định. Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai thường xuyên, góp phần bảo đảm môi trường an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, một số loại tội phạm và vi phạm pháp luật như ma túy, đánh bạc, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao và lừa đảo trên không gian mạng vẫn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh.

Bên cạnh đó, các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản, an toàn thực phẩm và hoạt động kinh doanh hàng hóa vẫn cần được tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phòng ngừa, xử lý theo quy định.

Về trật tự an toàn giao thông, trên địa bàn có các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 3 và tỉnh lộ 263 đi qua với lưu lượng phương tiện lớn, đặc biệt là phương tiện vận tải hàng hóa phục vụ sản xuất, kinh doanh. Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được quan tâm thực hiện; tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, đòi hỏi tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý vi phạm và đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông trong thời gian tới.

5.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Đảng ủy

Đảng ủy xã có 03 cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc (Văn phòng Đảng ủy, Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra) và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là Trung tâm Chính trị. Tổng số biên chế có mặt tính đến 30/5/2026 là 22 người (19 cán bộ, công chức; 03 viên chức).

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổng số biên chế có mặt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tính đến 30/5/2026 là 10 biên chế, gồm Chủ tịch, 04 Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc là trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội và 05 công chức.

c) Hội đồng nhân dân xã

HĐND xã Phú Lương có 02 Ban HĐND chuyên trách (Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Kinh tế - Ngân sách). Tổng số biên chế có mặt tính đến 30/5/2026 là 05 người (01 Phó Chủ tịch HĐND, 02 Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách, 02 công chức giúp việc HĐND).

d) Ủy ban nhân dân xã

- Đối với các cơ quan hành chính

+ Về tổ chức bộ máy: Ủy ban Nhân dân xã Phú Lương có 04 cơ quan chuyên môn (gồm Văn phòng HĐND và UBND, phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội, phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường) và 01 tổ chức hành chính khác (Trung tâm Phục vụ hành chính công)

+ Về biên chế: UBND xã Phú Lương được tạm giao 76 biên chế cán bộ, công chức, biên chế có mặt đến thời điểm ngày 30/5/2026: 48/76 biên chế cán bộ, công chức.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp

+ Về tổ chức bộ máy: UBND xã Phú Lương có 25 đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 23 đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (08 trường THCS, 08 trường Tiểu học, 07 trường Mầm non), Trạm Y tế xã.

+ Về biên chế: UBND xã Phú Lương được tạm giao 708 biên chế viên chức, biên chế có mặt đến thời điểm ngày 30/5/2026: 690/708 biên chế viên chức.

đ) Về chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Đến thời điểm ngày 30/5/2026, 100% cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính có trình độ đại học trở lên. Căn cứ số lượng biên chế hiện có, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm, năng lực, sở trường của từng công chức, UBND xã Phú Lương đã thực hiện bố trí, sắp xếp các vị trí công chức theo đúng vị trí việc làm ở từng cơ quan chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công cơ bản theo “*Định hướng danh mục vị trí việc làm ở cấp xã*”.

6. Đối với xã Quân Chu

6.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên. Theo đó, xã Quân Chu hiện nay được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn

bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Quân Chu và xã Cát Nê. Xã Quân Chu nằm ở phía Tây Nam tỉnh Thái Nguyên, là địa bàn có vị trí liên kết vùng thuận lợi, là đầu mối kết nối giữa khu vực trung tâm phía Tây - Nam tỉnh Thái Nguyên với Sườn Đông Tam Đảo và các địa phương giáp ranh Phú Thọ - Bắc Ninh - Hà Nội. Vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp xã Vạn Phú, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Nam giáp phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên; xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ;
- Phía Đông giáp xã Đại Phúc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Tây giáp xã Vạn Phú tỉnh Thái Nguyên; xã Đại Đình, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ.

Đây là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa và xã hội với các địa phương lân cận. Vị trí tiếp giáp trực giao thông chính giúp xã Quân Chu thuận tiện trong việc lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại - dịch vụ, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản và sản phẩm địa phương. Đồng thời, khu vực giáp dãy Tam Đảo có tiềm năng về phát triển nông - lâm nghiệp, kinh tế rừng và du lịch sinh thái, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế của xã. Bên cạnh đó, vị trí giáp ranh với các địa phương trong và ngoài tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác, liên kết vùng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nhìn chung, vị trí địa lý của xã Quân Chu là yếu tố quan trọng, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

b) Vai trò chức năng

Xã Quân Chu có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên, là cửa ngõ kết nối tỉnh Thái Nguyên với vùng Thủ đô Hà Nội, tỉnh Phú Thọ và khu vực Tam Đảo. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông liên kết vùng và quỹ đất phát triển còn lớn, địa phương giữ vai trò là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, thương mại và du lịch của khu vực phía Nam tỉnh.

Theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quân Chu được xác định là đô thị mới loại III độc lập, giữ vai trò trung tâm tiểu vùng phía Nam của tỉnh; là cực tăng trưởng mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian đô thị và tăng cường liên kết vùng. Đây là khu vực có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp sạch, thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và nông nghiệp chất lượng cao.

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh chóng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư; các khu dân cư tập trung, công trình thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế từng bước được hình thành và phát triển. Trên địa bàn đã quy hoạch 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 118 ha, trong đó Cụm công nghiệp Quân Chu quy mô 50 ha đang được triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tạo động lực thu hút đầu tư, giải quyết việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ.

Bên cạnh đó, Quân Chu có nhiều lợi thế về cảnh quan tự nhiên, tài nguyên rừng, hệ sinh thái gắn với dãy Tam Đảo cùng các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng và các loại hình dịch vụ chất lượng cao. Đồng thời, địa phương còn giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực cửa ngõ phía Nam của tỉnh.

Xã Quân Chu có chức năng tổ chức thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cấp có thẩm quyền; bảo đảm quản lý thống nhất trên các lĩnh vực quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai, giao thông, môi trường, dân cư, thương mại, dịch vụ, du lịch, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng và an ninh. Đồng thời, chính quyền cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp gần dân, thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của Nhân dân.

Với vị trí, vai trò và các điều kiện phát triển hiện có, Quân Chu đang từng bước đảm nhận các chức năng của một đô thị trung tâm khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đô thị, huy động các nguồn lực đầu tư và thực hiện lộ trình thành lập phường theo định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

6.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Xã Quân Chu có tổng diện tích tự nhiên là 79,38 km² (tương đương 7.938 ha), trong đó diện tích đất rừng đặc dụng do Vườn Quốc gia Tam Đảo quản lý trên 3.400 ha.

b) Cơ cấu các loại đất

- Đất nông nghiệp: 7.235,26 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm: 551,42 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 1.339,5 ha.

- + Đất lâm nghiệp: 5.266,33 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 62,12 ha.
- + Đất nông nghiệp khác: 15,89 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 698,09 ha.
- + Đất ở: 150,65 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,73 ha.
- + Đất Quốc phòng, an ninh: 160,36 ha.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 9,09 ha.
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 10,41 ha.
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 215,02 ha.
- + Đất tôn giáo: 2,25 ha.
- + Đất tín ngưỡng 4,52 ha.
- + Đất nghĩa trang: 8,76 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dung: 136,12 ha.
- Đất chưa sử dụng (Đất bằng): 4,42 ha.

6.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Xã Quân Chu, tỉnh Thái Nguyên là địa bàn có dân cư sinh sống tương đối ổn định, phân bố tại các xóm trên địa bàn xã. Dân số của xã hiện nay là 13.277 người, với nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó có hai dân tộc thiểu số chính là dân tộc Dao và dân tộc Sán Dìu, tạo nên sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán và đời sống xã hội.

Dân cư của xã phân bố tập trung tại các khu vực trung tâm các xã, thị trấn cũ; các khu dân cư dọc tuyến ĐT261 và các cụm thương mại - dịch vụ. Quá trình đô thị hóa làm gia tăng mật độ dân cư tại khu vực trung tâm, hình thành không gian dân cư mang tính đô thị rõ nét.

Dân số đô thị toàn xã đạt 8.382 người, chiếm 63,13% dân số toàn xã.

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Quân Chu chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng

và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 8.422 người (chiếm 63,43%); trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế: 6.698 người (đạt 79,52%).

Cơ cấu lao động theo trình độ: Lao động chưa qua đào tạo: 1.784 người (21,18%); Lao động qua đào tạo: 6.638 người (78,82%). Lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ 2.536 người (38,2%). Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ, cụ thể:

- Tổng số lao động phi nông nghiệp là 4.380 người (tỷ lệ 65,4%), Trong đó: công nghiệp - xây dựng: 2.635 người (tỷ lệ 39,34%), thương mại - dịch vụ: 1.858 người (27,73%).

- Tổng số lao động trong các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp: 2.205 người (tỷ lệ: 32,93%)

Lực lượng lao động phi nông nghiệp chủ yếu tham gia các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ ăn uống, vận tải, xây dựng, sản xuất nhỏ, dịch vụ lưu trú, du lịch cộng đồng và làm việc tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các địa phương lân cận.

Cùng với sự phát triển của lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch cộng đồng, nhiều hộ dân đã mạnh dạn chuyển đổi ngành nghề, phát triển kinh doanh dịch vụ, mở rộng các mô hình sản xuất phi nông nghiệp, tạo thêm việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu lao động được địa phương quan tâm thực hiện. Người lao động ngày càng nâng cao nhận thức về học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới.

c) Thành phần dân cư

Xã Quân Chu là địa bàn có nhiều thành phần dân cư cùng sinh sống, tạo nên sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán và đời sống xã hội. Dân cư trên địa bàn chủ yếu sinh sống lâu đời tại các xóm, hình thành cộng đồng dân cư ổn định, có tinh thần đoàn kết và gắn bó trong lao động sản xuất cũng như sinh hoạt cộng đồng.

Trên địa bàn xã có sự sinh sống của nhiều dân tộc anh em, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh và một số dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao và các dân tộc khác, trong đó tỷ lệ dân tộc trên địa bàn xã chiếm 25,7%. Các dân tộc cùng chung sống hòa thuận, đoàn kết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, góp phần tạo nên sự đa dạng văn hóa đặc trưng của địa phương.

Thành phần dân cư của xã chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ và lao động tại các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương. Trong những năm gần đây, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động, một bộ phận người dân đã chuyển sang hoạt động trong các lĩnh vực phi nông nghiệp như kinh doanh dịch vụ, du lịch cộng đồng, xây dựng và lao động công nghiệp.

6.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

Kinh tế Quận Chu phát triển tương đối toàn diện, trong những năm gần đây cơ cấu chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng.

a) Thương mại - dịch vụ

Những năm qua, lĩnh vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Quận Chu có bước phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân. Các hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng đa dạng, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

Hệ thống chợ dân sinh, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini, dịch vụ ăn uống và lưu trú từng bước được mở rộng cả về số lượng và quy mô hoạt động. Hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Trên địa bàn xã hiện có các loại hình thương mại, dịch vụ chủ yếu như: kinh doanh hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa cơ khí, xây dựng, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh. Một số hộ dân đã mạnh dạn đầu tư phát triển mô hình kinh doanh dịch vụ gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và trải nghiệm văn hóa địa phương.

Hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ dựa trên tiềm năng, thế mạnh của cảnh quan thiên nhiên sườn Đông Tam Đảo; từng bước đáp ứng nhu cầu của du khách. Các cơ sở kinh doanh cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, giao lưu và phát triển du lịch trên địa bàn.

Cùng với sự phát triển của hạ tầng giao thông và quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, tỷ trọng lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ ngày càng tăng. Nhiều lao động địa phương tham gia hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ, dịch vụ vận tải, xây dựng và các ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Quân Chu trong những năm gần đây có bước phát triển khá, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho Nhân dân. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng hiện chiếm khoảng 49% trong cơ cấu kinh tế của địa phương, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang các hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo định hướng phát triển đô thị.

Với vị trí là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, nằm trên trục kết nối giữa vùng Thủ đô Hà Nội, trung tâm kinh tế phía Nam của tỉnh với khu vực Tam Đảo và tỉnh Phú Thọ, Quân Chu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề sản xuất, chế biến. Trên địa bàn hiện đã được quy hoạch 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 118 ha, trong đó Cụm công nghiệp Quân Chu quy mô 50 ha đang được triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Đây là tiền đề quan trọng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, tạo việc làm, tăng nguồn thu ngân sách và thúc đẩy quá trình hình thành không gian đô thị trong tương lai.

Hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển theo hướng đa dạng ngành nghề, tập trung vào chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí dân dụng; gia công cơ khí; chế biến chè; mộc dân dụng; sửa chữa máy móc, thiết bị và các ngành nghề phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh. Nhiều cơ sở sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho lao động địa phương.

Lĩnh vực xây dựng phát triển tương đối đồng bộ cùng với quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, nhiều công trình giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, hệ thống điện, cấp nước, thoát nước, chỉnh trang khu dân cư và các công trình công cộng đã được đầu tư xây dựng, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và tạo diện mạo mới cho địa

phương. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển theo định hướng đô thị.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế và gia tăng nhu cầu dân cư, hoạt động xây dựng nhà ở, công trình thương mại, dịch vụ, cơ sở sản xuất kinh doanh và các công trình phụ trợ tiếp tục tăng trưởng. Một bộ phận lớn lao động địa phương đã chuyển dịch sang các ngành nghề xây dựng, cơ khí, vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng và dịch vụ kỹ thuật, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, đất đai, quy hoạch và bảo vệ môi trường từng bước được tăng cường. Việc quản lý trật tự xây dựng, sử dụng đất theo quy hoạch, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường được địa phương quan tâm thực hiện, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế gắn với phát triển bền vững.

Nhìn chung, với lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất phát triển, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi và các cụm công nghiệp đã được quy hoạch, Quận Chu có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành phường Quận Chu và phát triển trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp và du lịch của khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Mặc dù cơ cấu kinh tế của địa phương đang chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, song nông nghiệp vẫn giữ vai trò là ngành kinh tế nền tảng, góp phần quan trọng trong bảo đảm sinh kế, ổn định đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn xã Quận Chu.

Sản xuất nông nghiệp của địa phương phát triển theo hướng hàng hóa, từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và gắn với nhu cầu thị trường. Cơ cấu cây trồng được chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích, tập trung phát triển các loại cây trồng có lợi thế cạnh tranh và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương.

Cây chè tiếp tục được xác định là cây trồng chủ lực, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp của xã với diện tích khoảng 531,5 ha. Nhiều vùng chè đã được đầu tư cải tạo, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ và tiêu chuẩn VietGAP nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Các cơ sở chế biến chè từng bước được đầu tư nâng cấp, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

Bên cạnh cây chè, địa phương phát triển mạnh các loại cây ăn quả với tổng diện tích trên 300 ha, bao gồm nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như bưởi, na, nhãn, ổi và các loại cây ăn quả đặc sản khác. Cây chuối được duy trì và phát triển với diện tích khoảng 92 ha, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đã được triển khai và nhân rộng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Ngành chăn nuôi phát triển theo hướng nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi từng bước chuyển từ hình thức nhỏ lẻ sang mô hình gia trại, trang trại, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng và kiểm soát an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm phát triển chăn nuôi bền vững.

Lĩnh vực lâm nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, phòng hộ đầu nguồn và phát triển kinh tế rừng. Địa phương có diện tích đất lâm nghiệp tương đối lớn, chủ yếu là rừng sản xuất và rừng phòng hộ. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện chặt chẽ; tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức cao; phong trào trồng rừng, trồng cây phân tán và bảo vệ tài nguyên rừng được Nhân dân tích cực hưởng ứng. Kinh tế lâm nghiệp từng bước gắn với phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn cảnh quan và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Nuôi trồng thủy sản được duy trì và phát triển trên các diện tích ao, hồ hiện có, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân. Các hộ nuôi trồng thủy sản chủ yếu phát triển các loại cá truyền thống, kết hợp mô hình sản xuất tổng hợp theo hướng tận dụng hiệu quả diện tích mặt nước và bảo vệ môi trường sinh thái.

Những năm gần đây, kinh tế nông nghiệp của xã Quân Chu đang chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đặc biệt, ngành chè đang được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, chế biến sâu, xây dựng thương hiệu sản phẩm, phát triển các sản phẩm OCOP và gắn với hoạt động du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái và văn hóa trà. Đây là hướng đi phù hợp với lợi thế của địa phương, góp phần phát huy giá trị tài nguyên bản địa, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế như

quy mô sản xuất còn phân tán; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa thật sự bền vững; việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất còn hạn chế; năng lực chế biến sâu và xây dựng thương hiệu đối với một số sản phẩm nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đây cũng là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm giải quyết trong quá trình phát triển đô thị và xây dựng phường Quân Chu trong thời gian tới.

d) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý thu, chi ngân sách trên địa bàn xã Quân Chu được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương của xã đạt 128.858.027.722 đồng; tổng chi ngân sách địa phương đạt 128.795.139.401 đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương so với tổng chi ngân sách địa phương đạt 100,05%, cho thấy khả năng cân đối ngân sách của địa phương cơ bản được đảm bảo.

Nguồn thu ngân sách của xã chủ yếu từ các khoản thu phân cấp, hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định. Công tác quản lý thu ngân sách được thực hiện chặt chẽ; việc khai thác các nguồn thu trên địa bàn từng bước được tăng cường, góp phần bảo đảm nguồn lực phục vụ các nhiệm vụ chi của địa phương.

Các khoản chi ngân sách được thực hiện cơ bản đúng dự toán, đúng mục đích và tiết kiệm, hiệu quả. Ngân sách địa phương tập trung ưu tiên cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, bảo đảm hoạt động của bộ máy chính quyền, các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng nông thôn mới.

Công tác lập, quản lý và điều hành ngân sách được thực hiện theo đúng quy định; việc công khai ngân sách và giám sát sử dụng ngân sách được quan tâm thực hiện. Ý thức trách nhiệm trong quản lý tài chính, ngân sách của các cơ quan, đơn vị từng bước được nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn xã vẫn còn một số khó khăn như: nguồn thu ngân sách tại chỗ còn hạn chế; khả năng khai thác các nguồn thu chưa thật sự bền vững; nhu cầu chi cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát sinh ngày càng lớn; việc cân đối nguồn lực trong một số thời điểm còn gặp khó khăn.

6.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực được xã Quân Chu quan tâm đầu tư và đạt nhiều kết quả tích cực trong những năm qua. Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn được quy hoạch tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của con em Nhân dân và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã Quân Chu có đầy đủ các cấp học từ Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong độ tuổi. Các cơ sở giáo dục được duy trì ổn định về quy mô lớp học, số học sinh; đội ngũ giáo viên cơ bản đảm bảo về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng. Tỷ lệ huy động trẻ em đến trường đạt cao; tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình giáo dục Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở đạt kế hoạch đề ra. Phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”, “Xây dựng Trường học thân thiện - Học sinh tích cực” được triển khai hiệu quả.

Trên địa bàn xã Quân Chu hiện có 06 trường học (03 trường Mầm non; 03 trường Tiểu học và Trung học cơ sở). 100% trường học trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao. Cụ thể:

STT	Đơn vị	Số lớp	Số học sinh	Năm công nhận Đạt chuẩn quốc gia
I. Giáo dục Mầm non				
1	Mầm non Sơn Ca	9	220	2025
2	Mầm non thị trấn Quân Chu	10	256	2022
3	Mầm non Cát Nê	9	217	2022
II. Giáo dục phổ thông				
1	Tiểu học và Trung học cơ sở Phạm Hồng Thái	19	556	2024

STT	Đơn vị	Số lớp	Số học sinh	Năm công nhận Đạt chuẩn quốc gia
2	Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Quân Chu	21	651	2022
3	Tiểu học và Trung học cơ sở Cát Nê	22	739	2021
Tổng		90	2.639	

Các đơn vị trường học trên địa bàn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của mỗi đơn vị trường học và của địa phương.

Tập thể các đơn vị trường học đoàn kết, có ý thức cầu tiến bộ, không ngừng học tập, nghiên cứu, trau dồi chuyên môn - nghiệp vụ, có trách nhiệm cao trong công việc, có ý thức giúp đỡ nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều thầy, cô đạt giáo viên dạy giỏi các cấp.

Khuôn viên các đơn vị trường học đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn. Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục. Việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các đơn vị hiệu quả. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hằng năm được rà soát, mua sắm bổ sung, phục vụ tốt cho nhu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. Thư viện trường học từng bước được đầu tư, trang bị đầy đủ tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống máy tính, tivi được kết nối internet, hệ thống wifi tốc độ cao được lắp đặt, phục vụ tốt công tác tra cứu tài liệu, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học tập của học sinh.

Các đơn vị trường học đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, Nhân dân địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh không ngừng củng cố về tổ chức, thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm; hoạt động theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các nhà trường.

Các đơn vị trường học đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong việc xây dựng và phát triển nhà trường, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, ... đã huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được

hỗ trợ hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, thiết bị dạy học, khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nỗ lực, vượt khó, vươn lên trong học tập.

Các đơn vị trường học đã thực hiện đầy đủ nội dung của chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ khung kế hoạch thời gian năm học quy định. Tổ chức nhiều hoạt động giáo dục khác trong năm học đạt kết quả tốt và được thể hiện rõ trong hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường. Hàng năm, các nhà trường đều thực hiện tốt công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và học tập. Thường xuyên quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giúp các em hòa nhập với cộng đồng và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đã đề ra. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu được chú trọng, vì thế trong nhiều năm qua đội tuyển học sinh giỏi của địa phương tham dự các kỳ thi đều có học sinh đạt giải cao, đóng góp cho bảng thành tích chung của địa phương, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của ngành giáo dục. Hiệu quả giáo dục đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, hàng năm địa phương được công nhận phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, phổ cập XMC mức độ 2.

Các nhà trường (giáo dục phổ thông) đã chỉ đạo giáo viên thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GDĐT, theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT Thái Nguyên và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục hàng năm của các đơn vị.

Các nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động đoàn thể, xã hội, ..., từ đó giúp các em thêm yêu trường, yêu lớp, biết sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội, có lối sống phù hợp với tập quán của người dân địa phương Quân Chu và phù hợp với nếp sống văn hoá, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam. Các nhà trường (giáo dục phổ thông) làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh hiệu quả.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đô thị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới, lĩnh vực giáo dục và đào tạo vẫn còn một số khó khăn như nhu cầu đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng chuyển đổi số ngày càng lớn; một số hạng mục công trình trường học cần

tiếp tục được nâng cấp, cải tạo; áp lực gia tăng quy mô học sinh trong tương lai đòi hỏi tiếp tục đầu tư mở rộng khuôn viên, cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục.

Nhìn chung, hệ thống giáo dục của xã Quân Chu đã được đầu tư tương đối đồng bộ, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của Nhân dân và là một trong những tiêu chí quan trọng thể hiện trình độ phát triển của địa phương, tạo nền tảng vững chắc cho việc thành lập phường Quân Chu trong thời gian tới.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hoá gia đình

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số trên địa bàn xã Quân Chu luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống y tế cơ sở từng bước được củng cố, chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân không ngừng được nâng cao, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Hiện nay, xã Quân Chu có 01 Trạm Y tế xã với 02 điểm hoạt động, gồm điểm chính đặt tại trung tâm xã và 01 điểm khám chữa bệnh tại khu vực trạm y tế xã Cát Nê trước đây, bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản cho người dân trên toàn địa bàn. Hệ thống y tế cơ sở được bố trí tương đối hợp lý, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và triển khai các chương trình y tế dự phòng.

Đội ngũ cán bộ y tế hiện có 18 người trên tổng số 22 biên chế được giao, gồm 02 bác sĩ, 05 điều dưỡng, 09 y sĩ và 01 dược sĩ, 01 kỹ sư an toàn thực phẩm. Cán bộ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại tuyến cơ sở; thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn phù hợp ngày càng được nâng cao, góp phần cải thiện chất lượng khám chữa bệnh và công tác dự phòng trên địa bàn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng chuẩn hóa. Trạm Y tế hiện có 02 phòng chuyên môn, 03 khoa chức năng, 05 giường bệnh điều trị ban đầu cùng các trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác khám chữa bệnh như máy siêu âm, máy điện tim và các thiết bị y tế cơ bản khác. Năng lực phục vụ của Trạm Y tế đạt khoảng 15.000 lượt khám, chữa bệnh mỗi năm, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của Nhân dân trên địa bàn.

Công tác khám chữa bệnh, quản lý sức khỏe cộng đồng, tiêm chủng mở rộng và phòng chống dịch bệnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được thực hiện đầy đủ; công tác giám sát dịch tễ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học đường được duy trì thường xuyên. Trong những năm qua, trên địa bàn không để xảy ra các ổ dịch lớn, góp phần bảo vệ sức khỏe Nhân dân và ổn định đời sống xã hội.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận các dịch vụ y tế và giảm gánh nặng chi phí khám chữa bệnh cho người dân. Công tác chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng chính sách, người có công, người cao tuổi, trẻ em, hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ theo quy định. Các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, tư vấn dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Công tác dân số và phát triển tiếp tục được quan tâm thực hiện. Các hoạt động truyền thông, tư vấn về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em được triển khai sâu rộng thông qua hệ thống cộng tác viên dân số tại các xóm. Nhận thức của người dân về quy mô gia đình, bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dạy con cái ngày càng được nâng cao. Các chỉ tiêu về dân số cơ bản được kiểm soát tốt, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực y tế vẫn còn một số khó khăn như số lượng cán bộ y tế chưa đáp ứng đủ biên chế được giao; cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế cần tiếp tục được đầu tư, hiện đại hóa; khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế chuyên sâu của người dân còn phụ thuộc vào các cơ sở y tế tuyến trên. Công tác xã hội hóa y tế, chuyển đổi số trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống y tế cơ sở của xã Quân Chu cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, các chỉ tiêu y tế và dân số được duy trì ổn định, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm các tiêu chí về hạ tầng xã hội phục vụ quá trình phát triển đô thị. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để địa phương thực hiện mục tiêu thành lập phường Quân Chu trong thời gian tới.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn xã Quân Chu trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển văn hóa, thể thao và du lịch; từng bước cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển bằng các nghị quyết, đề án, chương trình và kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng và đạt nhiều kết quả tích cực. Ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Toàn xã hiện có 29/29 xóm được công nhận danh hiệu xóm văn hoá, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa hằng năm trên 95% đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và phát huy. Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn được quan tâm bảo tồn, gìn giữ và phát huy thông qua các hoạt động văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống, sinh hoạt cộng đồng và các chương trình giao lưu văn hóa.

Hệ thống thiết chế văn hóa từ xã đến các xóm cơ bản được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Toàn xã có 01 Trung tâm Văn hoá xã với quy mô 500 chỗ ngồi, bảo đảm phục vụ các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, hội nghị và sự kiện của địa phương. 29/29 xóm đều có nhà văn hóa xóm đều đạt tiêu chuẩn cùng hệ thống sân chơi, bãi tập từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân. Xã có 02 câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ hoạt động hiệu quả, các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên vào các dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm và các sự kiện chính trị quan trọng, tạo không khí vui tươi, đoàn kết và gắn kết cộng đồng dân cư.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ và ngày càng đi vào chiều sâu. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 80% và không ngừng tăng lên. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao từng bước được đầu tư, toàn xã có 03 sân thể thao. 11/29 xóm được trang bị dụng cụ thể thao ngoài trời. Nhiều môn thể thao truyền thống và hiện đại được duy trì và phát triển như bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, kéo co, đẩy gậy và các trò chơi dân gian. Các giải thi đấu thể thao được tổ chức định kỳ từ cơ sở đến cấp

xã, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng và xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh.

Quận Chu là địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và du lịch văn hóa. Địa phương nằm trong không gian phát triển du lịch phía Nam tỉnh Thái Nguyên gắn với sườn Đông Tam Đảo, có cảnh quan thiên nhiên phong phú với hệ thống đồi núi, rừng tự nhiên, vùng chè tập trung và bản sắc văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc. Đây là những điều kiện thuận lợi để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với trải nghiệm văn hóa trà, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và khám phá đời sống văn hóa bản địa.

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, xã Quận Chu đã chủ động ban hành nhiều nghị quyết, đề án và kế hoạch nhằm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế có tiềm năng của địa phương. Một số mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp, văn hóa trà và bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc đã bước đầu được hình thành, thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trải nghiệm.

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch và giới thiệu hình ảnh địa phương từng bước được đẩy mạnh thông qua các hoạt động truyền thông, sự kiện văn hóa, các sản phẩm OCOP và các chương trình liên kết phát triển du lịch trong khu vực. Nhận thức của người dân về vai trò của du lịch đối với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa ngày càng được nâng cao, tạo nền tảng thuận lợi cho việc phát triển du lịch bền vững trong tương lai. Năm 2025, xã đón trên 40.000 lượt du khách, mang lại doanh thu trên 20 tỉ đồng.

Tuy nhiên, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn nhất định. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch chưa thực sự đồng bộ; một số thiết chế văn hóa cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp. Các sản phẩm du lịch đặc trưng chưa nhiều, quy mô còn nhỏ; hạ tầng phục vụ du lịch, lưu trú và các dịch vụ hỗ trợ du khách còn hạn chế. Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư du lịch chưa tương xứng với tiềm năng; nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thiếu kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng.

Trong thời gian tới, xã Quận Chu tiếp tục phát triển văn hóa, thể thao và du lịch theo hướng bền vững, gắn với mục tiêu xây dựng phường và phát triển đô thị. Địa phương tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; bảo

tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với vùng chè, văn hóa trà và bản sắc dân tộc; đẩy mạnh quảng bá hình ảnh địa phương, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Qua đó từng bước xây dựng Quân Chu trở thành điểm đến du lịch đặc sắc và trung tâm văn hóa - du lịch của khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên.

Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư tương đối đồng bộ; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp; tiềm năng du lịch phong phú và đang được khai thác hiệu quả. Đây là những điều kiện quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển phường Quân Chu trong thời gian tới.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Trên địa bàn xã có nguồn lao động tương đối dồi dào, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ và một bộ phận lao động làm việc tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh. Những năm gần đây, cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng lao động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại và lao động làm việc ngoài địa phương.

Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện thông qua các chương trình đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm và hỗ trợ phát triển sản xuất. Nhiều lao động đã được tham gia các lớp đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương như chăn nuôi, trồng trọt, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng và các nghề dịch vụ. Một số lao động trẻ tham gia làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

Các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng yếu thế được triển khai kịp thời, đúng đối tượng. Chính sách hỗ trợ người có công, bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác chi trả trợ cấp xã hội được đảm bảo công khai, minh bạch và đúng thời gian.

Công tác an sinh xã hội được chú trọng, nhất là trong các dịp lễ, tết, thiên tai, dịch bệnh. Nhiều hoạt động hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho các hộ nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng khó khăn được tổ chức thường xuyên, góp phần bảo đảm đời sống nhân dân và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

Việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từng bước được mở rộng; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng. Nhận thức của người dân về học nghề, tạo việc làm và tham gia các chính sách an sinh xã hội ngày càng được nâng lên.

Về lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã vẫn còn một số khó khăn như: chất lượng lao động chưa đồng đều; tỷ lệ lao động qua đào tạo còn hạn chế; việc làm chưa thật sự ổn định, nhất là lao động khu vực nông thôn; thu nhập của một bộ phận người dân còn thấp; nguy cơ tái nghèo còn tiềm ẩn; nguồn lực hỗ trợ an sinh xã hội còn hạn chế.

Xã Quân Chu xác định trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân; thực hiện hiệu quả các chương trình giảm nghèo bền vững và chính sách an sinh xã hội; tăng cường huy động các nguồn lực xã hội chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo và người yếu thế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trên địa bàn.

6.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Quân Chu chủ yếu là nhà ở riêng lẻ, phân bố tại các khu dân cư truyền thống. Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố ngày càng tăng, điều kiện sinh hoạt của người dân từng bước được cải thiện. Hiện xã không còn nhà tạm; tổng số nhà ở là 3.246 căn, diện tích nhà ở bình quân đạt khoảng 40 m²/người. Trên địa bàn có 03 khu tái định cư và 06 khu quy hoạch đất ở đã được triển khai, trong đó khu trung tâm đang thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng. Công tác quản lý đất ở, trật tự xây dựng được tăng cường; tuy nhiên một số khu dân cư còn thiếu đồng bộ về hạ tầng và chất lượng nhà ở của một bộ phận hộ dân còn hạn chế.

b) Công trình giáo dục, đào tạo

Hệ thống giáo dục được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Trên địa bàn hiện có 06 cơ sở giáo dục công lập, gồm 03 trường Mầm non và 03 trường Tiểu học - THCS. Toàn xã có 89 phòng học và 55 phòng chức năng, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%. Các trường học được trang bị tương đối đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy. Đặc biệt, 100% trường học đạt chuẩn quốc gia. Giai đoạn 2026 - 2030, xã đề xuất 11 dự án đầu tư công trong lĩnh vực giáo dục với tổng vốn

khoảng 98,5 tỷ đồng nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

c) Công trình y tế

Hệ thống y tế cơ sở cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Trạm Y tế xã được tổ chức tại 02 điểm hoạt động, gồm điểm chính tại trung tâm xã và điểm khám chữa bệnh tại khu vực xã Cát Nê trước đây. Trạm có 02 phòng chuyên môn, 03 khoa chức năng và 05 giường bệnh, được trang bị các thiết bị y tế cơ bản như máy siêu âm, máy điện tim và các trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh. Năng lực phục vụ đạt khoảng 15.000 lượt khám, chữa bệnh/năm. Để đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời gian tới, xã đã quy hoạch 2,0 ha đất tại xóm 3 để xây dựng mới Trạm Y tế giai đoạn 2026 - 2030.

d) Công trình văn hóa, thể thao

Quận Chu là địa phương có truyền thống lịch sử, văn hóa với 04 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, gồm: Đền Quân Chu, Di tích nơi thành lập Đội Cứu quốc quân Phạm Hồng Thái, Chùa Thiên Tây Trúc và Chùa Hàm Long. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao gồm 01 Trung tâm Văn hóa xã, 01 không gian sinh hoạt cộng đồng, 03 sân thể thao và 29 nhà văn hóa xóm đạt chuẩn. Các công trình cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp, tổ chức sự kiện và rèn luyện thể chất của Nhân dân, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần cộng đồng.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển khá đa dạng, đáp ứng nhu cầu giao thương và tiêu dùng của người dân. Hiện xã có 03 chợ dân sinh, 06 siêu thị quy mô nhỏ và vừa, 07 cửa hàng tiện ích, cùng 08 nhà hàng, cơ sở dịch vụ ăn uống và 12 cơ sở lưu trú đang hoạt động. Hệ thống thương mại, dịch vụ góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm địa phương, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển khu vực dịch vụ theo định hướng đô thị trong tương lai.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính được bố trí tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước sau sắp xếp đơn vị hành chính. Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công đặt tại xóm Đền, có diện tích khoảng 7.200 m², gồm 05 khối nhà làm việc, 42 phòng làm việc và 03 phòng họp. Trụ sở Công an xã có diện tích khoảng 2.900 m², gồm 18 phòng làm việc, 02 phòng

họp; Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã diện tích khoảng 1.700 m², gồm 06 phòng làm việc; Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có diện tích khoảng 980 m², gồm 08 phòng làm việc và 01 phòng họp. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hội nghị trực tuyến và chuyển đổi số từng bước được đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền và chất lượng phục vụ Nhân dân.

6.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Quân Chu luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban Chỉ huy Quân sự xã được kiện toàn theo đúng quy định, hiện có 04 sĩ quan quân đội chính quy đảm nhiệm các chức danh chuyên môn, bảo đảm thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Hệ thống lực lượng quân sự cơ sở được xây dựng vững mạnh, lực lượng thôn đội trưởng tại các xóm được bố trí đầy đủ; lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức, biên chế và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Lực lượng sẵn sàng chiến đấu của xã hiện có 36 đồng chí, thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và xử lý các tình huống đột xuất xảy ra trên địa bàn. Công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai nghiêm túc, bảo đảm nội dung, chương trình và yêu cầu đề ra. Chất lượng huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ hằng năm được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ địa phương trong mọi tình huống.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy trình, công khai, dân chủ và bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm. Công tác đăng ký, quản lý nguồn dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật dự bị được thực hiện chặt chẽ, góp phần nâng cao khả năng huy động lực lượng khi cần thiết.

Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã được bố trí riêng biệt với diện tích và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hệ thống trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, vật chất hậu cần phục vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương từng bước được đầu tư, bổ sung theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương.

Nhìn chung, nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn xã Quân Chu được xây dựng vững chắc; lực lượng quân sự địa phương được củng cố cả về tổ chức, con người và cơ sở vật chất, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với định hướng phát triển đơn vị hành chính đô thị trong tương lai.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Quân Chu cơ bản ổn định, không phát sinh điểm nóng hay các vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo. Nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hệ thống chính trị cơ sở hoạt động hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn.

Lực lượng Công an xã hiện có 21 cán bộ, chiến sĩ công an chính quy và 87 thành viên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, thường xuyên phối hợp nắm tình hình, tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và xử lý các vụ việc phát sinh. Trụ sở Công an xã được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu và phục vụ Nhân dân.

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được duy trì rộng khắp; công tác phòng, chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ được triển khai thường xuyên. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, tạo môi trường an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình xây dựng, phát triển phường Quân Chu trong thời gian tới.

Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội, địa phương cần tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng quân sự, công an cơ sở; chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các nguy cơ phát sinh về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội trên địa bàn.

6.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Đảng bộ xã Quân Chu được tổ chức theo đúng quy định với 24/27 đồng chí trong Ban Chấp hành, 09 đồng chí Ban Thường vụ và 03 đồng chí Thường trực Đảng ủy. Các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và Văn phòng Đảng ủy với 11/17 biên chế hiện có. Tổ chức bộ máy cơ bản được kiện toàn, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức ổn định với 06/10 biên chế hiện có. Mặt trận Tổ quốc xã có 51 Ủy viên và 29 Ban công tác Mặt trận ở các xóm; các tổ chức như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên duy trì hoạt động hiệu quả, góp phần phát huy khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

c) Hội đồng nhân dân xã

HĐND xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 21 đại biểu, gồm Thường trực HĐND và 02 Ban chuyên trách là Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội. Hoạt động của HĐND được duy trì theo đúng quy định, thực hiện tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành.

d) Ủy ban nhân dân xã

UBND xã gồm 05 cơ quan chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế; Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Phục vụ hành chính công. Tổng số biên chế được giao là 44 người, hiện có 27 người. Bộ máy cơ bản được sắp xếp tinh gọn, bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã Quân Chu hiện nay cơ bản được kiện toàn theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân tại địa phương. Trình độ chuyên môn, lý luận

chính trị của đội ngũ cán bộ từng bước được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã Quân Chu tương đối đồng đều, đa số được đào tạo bài bản, có tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, số lượng biên chế hiện có còn thiếu so với định mức được giao; nhiều vị trí phải thực hiện kiêm nhiệm, khối lượng công việc lớn nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Một số cán bộ còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong xử lý công việc chuyên sâu, nhất là trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương mới.

7. Đối với xã Trại Cau

7.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Trại Cau được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Trại Cau với các xã Tân Lợi và Hợp Tiến. Trong đó, thị trấn Trại Cau được thành lập từ năm 1962, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và dịch vụ của khu vực phía Đông Nam huyện Đông Hỷ trước đây. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển theo định hướng đô thị trong giai đoạn mới. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, xã Trại Cau có diện tích tự nhiên 82,85 km², quy mô dân số 17.697 người.

Xã nằm trên trục đường quốc lộ 17, là cửa ngõ phía Đông nam của tỉnh, xã cũng thuộc quy hoạch đường vành đai II đô thị kết nối với đường vành đai V thủ đô Hà Nội thuộc định hướng sẽ là trung tâm logistics, cực tăng trưởng phát triển theo hướng Đô thị - công nghiệp – Thương mại. Diện tích tự nhiên 82.85 ha. Vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông giáp: xã Xuân Lương, tỉnh Bắc Ninh;
- Phía Tây giáp: xã Tân Khánh và xã Nam Hoà;
- Phía Nam giáp xã Tân Thành;
- Phía Bắc giáp xã Nam Hoà và xã Tràng Xá.

b) Vai trò, chức năng

Với vị trí địa lý đặc thù và hệ thống giao thông huyết mạch đi qua địa bàn, xã Trại Cau đóng vai trò và thực hiện các chức năng trọng yếu sau:

- Là đầu mối giao thương và cửa ngõ kinh tế phía Đông Nam tỉnh Thái Nguyên. Nằm trên trục Quốc lộ 17, đồng thời là điểm kết nối chiến lược giữa

đường vành đai II đô thị và Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội, xã Trại Cau giữ vai trò "cửa ngõ" quan trọng trong việc giao thương hàng hóa và kết nối vùng. Vị trí này cho phép xã trở thành mắt xích trung chuyển trọng điểm, thúc đẩy sự hội nhập kinh tế giữa địa phương với các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn của tỉnh và khu vực phía Bắc.

- Là trung tâm Logistics và hạt nhân phát triển Đô thị - Công nghiệp - Thương mại. Căn cứ vào định hướng quy hoạch phát triển, xã thực hiện chức năng là trung tâm logistics hiện đại, cung ứng các dịch vụ kho bãi, vận tải và hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ sản xuất. Với lợi thế quỹ đất và địa hình đồi thoải, xã đóng vai trò là "cực tăng trưởng" mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ từ nông nghiệp sang mô hình kinh tế đô thị đa ngành, tạo động lực lan tỏa cho các khu vực giáp ranh như xã Xuân Lương, Tân Khánh và Nam Hòa.

- Đồng thời, vị trí địa lý của xã có vai trò chiến lược trong quản lý hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Do nằm trên các trục vành đai trọng điểm quốc gia và khu vực, xã có chức năng quản lý, bảo vệ hành lang an toàn giao thông và phối hợp triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia. Đồng thời, là địa bàn tiếp giáp với nhiều xã của các tỉnh lân cận, xã Trại Cau đóng vai trò quan trọng trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và là địa bàn trọng yếu trong thế trận phòng thủ khu vực của huyện và tỉnh.

- Chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và chăm sóc an sinh xã hội. Là đơn vị hành chính cấp xã đang trên lộ trình đô thị hóa, chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước toàn diện trên địa bàn; trọng tâm là cung ứng các dịch vụ hành chính công, y tế, giáo dục và kế hoạch hóa gia đình cho quy mô dân số lớn (hơn 17.000 người). Xã đóng vai trò là cấp thực thi trực tiếp các chính sách an sinh, đảm bảo sự ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân trong quá trình chuyển đổi từ nông thôn sang đô thị.

7.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên: Tổng diện tích tự nhiên của xã là 8.284,93 ha.

b) Cơ cấu sử dụng đất

Cơ cấu loại đất của xã Trại Cau như sau:

TT	Loại đất	Mã	Tổng số	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích		8,284.93	100.00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	7,553.52	91.17
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	988.88	11.94
1.1	Đất trồng lúa	LUA	751.19	9.07
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	270.03	3.26
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	481.16	5.81
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	237.69	2.87
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,251.81	15.11
3	Đất lâm nghiệp	LNP	5,208.53	62.87
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	196.99	2.38
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	5,011.54	60.49
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	63.64	0.77
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	40.66	0.49

TT	Loại đất	Mã	Tổng số	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
6	Đất làm muối	LMU		
7	Đất nông nghiệp khác	NKH		
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	729.73	8.81
1	Đất ở	OTC	146.50	1.77
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	71.38	0.86
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	75.13	0.91
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1.16	0.01
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0.36	0.00
3.1	Đất quốc phòng	CQP		
3.2	Đất an ninh	CAN	0.36	0.00
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	16.60	0.20
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3.28	0.04
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2.14	0.03

TT	Loại đất	Mã	Tổng số	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	7.39	0.09
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	3.78	0.05
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4.1	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	194.01	2.34
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	0.14	0.00
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	0.14	0.00
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18.68	0.23
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	34.26	0.41

TT	Loại đất	Mã	Tổng số	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	140.93	1.70
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	263.37	3.18
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	216.27	2.61
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	45.09	0.54
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0.13	0.00
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0.01	0.00
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0.42	0.01
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.12	0.00
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1.33	0.02
6.1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV		
7	Đất tôn giáo	TON		

TT	Loại đất	Mã	Tổng số	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
8	Đất tín ngưỡng	TIN	5.87	0.07
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	12.75	0.15
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	88.88	1.07
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MN C	6.00	0.07
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	82.88	1.00
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.23	0.00
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1.68	0.02
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT		
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1.68	0.02
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
4	Núi đá không có rừng cây	NCS		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

7.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Quy mô dân số: Tổng dân số trên địa bàn xã là 17.697 người.

b) Cơ cấu lao động

Xã có tổng số lực lượng lao động là 10.987 lao động, tổng số lao động đang làm việc là 9.450 người, trong đó: Số lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 4.806 người, chiếm tỷ lệ khoảng 50; số lao động làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng là 3.657 người, chiếm tỷ lệ 38,69%; số lao động làm việc trong ngành dịch vụ là 987 người, chiếm tỷ lệ 10,44%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên 50%

c) Thành phần dân cư

Dân cư sống tập trung theo từng cụm, thôn, tỷ lệ dân tộc thiểu trên địa bàn xã chiếm 60% các dân tộc chủ yếu dân tộc kinh chiếm 40%, Dân tộc Dao chiếm: 26,55%; dân tộc Sán Dìu :23,94%; Dân tộc Nùng chiếm: 6,13%; dân tộc Tày chiếm: 1,63%; Dân tộc thái chiếm: 0,4%; Dân tộc Ngái chiếm: 0,3%.

7.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Với lợi thế có đường QL.17 đi dọc trục xương sống của xã, lĩnh vực thương mại - dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế với đóng góp đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương, các nhóm ngành thương mại và dịch vụ hoạt động chủ yếu xen kẽ giữa các khu dân cư, tuyến dân cư.

Xã có 02 chợ truyền thống với tổng diện tích hơn 1ha, 03 cửa hàng xăng dầu, 50 doanh nghiệp, hợp tác xã và rất nhiều các cơ sở kinh doanh đa dạng như: cửa hàng bách hóa tổng hợp, cửa hàng kinh doanh giải khát, dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống... với số lượng trên 80 cơ sở. Nhìn chung, hệ thống thương mại - dịch vụ của xã khá đầy đủ, đáp ứng nhu cầu người dân trong khu vực.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được địa phương hưởng ứng và phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại khu vực xã Tân Lợi (cũ), xã Hợp Tiến (cũ), các tiêu chí đô thị văn minh đạt 09/09 tiêu chí tại khu vực thị trấn Trại Cau (cũ) với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng

xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị.

Theo định hướng tại Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026, Trại Cau là đô thị mới loại II, phạm vi quy hoạch gồm 06 xã (Xã Phú Bình, xã Diềm Thụy, xã Kha Sơn, xã Tân Thành, xã Tân Khánh và xã Trại Cau). Trong đó, trên địa bàn xã Trại Cau có 04 Khu công nghiệp: Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ xã Trại Cau, diện tích quy hoạch 2.100 ha, trong đó đất khu công nghiệp là 1.800 ha, đất đô thị dịch vụ là 300 ha; Khu công nghiệp Tân Khánh diện tích 330 ha (gồm địa bàn 02 xã: Tân Khánh và Trại Cau, chưa xác định quy mô diện tích từng xã); Khu công nghiệp Trại Cau 1, diện tích 300ha; Khu công nghiệp Trại Cau 2 diện tích 480 ha.

Hiện nay với định hướng và cấu trúc không gian đô thị trong giai đoạn mới, việc bổ sung đầu tư, cải tạo nâng cấp các dự án, hạ tầng đô thị trên địa bàn xã đang thực hiện vừa thể hiện sự quan tâm của địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, vừa là động thái cần thiết trong bối cảnh hiện tại.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xã Trại Cau với tổng diện tích tự nhiên 828.492,7 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp khoảng 756.886,4 ha (chiếm 91,36% diện tích tự nhiên), Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã tăng trưởng ổn định và ít đột biến đồng thời là một mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của xã. Theo đó:

Về sản xuất nông nghiệp, bên cạnh lúa nước là giống cây trồng chủ đạo của kinh tế nông nghiệp. Thường xuyên thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ sâu bệnh và dịch bệnh không để phát sinh tình trạng sâu bệnh hại cây trồng, do đó duy trì được sự ổn định trong lĩnh vực.

Về chăn nuôi, vẫn duy trì ổn định đàn gia súc, gia cầm trên mỗi hộ kinh doanh với các loại vật nuôi chủ đạo như gia cầm có 261.720 con, đàn lợn có 11.824 con, trâu bò có 712 con, ngoài ra dê cũng là vật nuôi có giá trị kinh tế cao và rất được quan tâm, chăm sóc phủ rộng trên địa bàn xã với khoảng 1.450 con chủ yếu phân bố ở khu vực xã Tân Lợi (cũ). Trong những năm qua công tác tuyên truyền, chăm sóc và tiêm chủng bệnh dại được địa phương quan tâm và triển khai trên khắp địa bàn xã nhằm chống lại các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, những thất thoát vật nuôi tuy không thể tránh khỏi, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến sản lượng kinh tế của địa phương.

d) Thu, chi ngân sách

Năm 2025 tổng thu ngân sách địa phương xã Trại Cau là 176,6 tỷ đồng, tổng số chi ngân sách địa phương là 155,9 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 113,3%. Năm 2026 dự toán thu được giao 129,8 tỷ đồng, dự toán chi ngân sách địa phương dự kiến chi 129,8 tỷ đồng, đạt 100%.

7.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Trại Cau luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư phát triển. Mạng lưới trường lớp được sắp xếp hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu theo quy định. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp theo hướng kiên cố hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Hiện nay, trên địa bàn xã có đầy đủ các cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở và 01 Trung tâm học tập cộng đồng. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm thực hiện, toàn xã có 09/09 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Năm 2025, xã tiếp tục duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, góp phần phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Sau khi hoàn thành công tác sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy và UBND xã, sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động nền nếp. Bằng việc tối ưu hóa và tinh gọn bộ máy, Trạm Y tế xã sau sáp nhập đã tập trung toàn bộ nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại hóa quy trình khám, chữa bệnh ban đầu, nâng cao năng lực y tế dự phòng và chủ động kiểm soát tốt các loại dịch bệnh. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng, và tiêm chủng mở rộng tiếp tục được triển khai đồng bộ, bảo đảm quyền lợi y tế công bằng, kịp thời cho toàn thể người dân trên địa bàn mới. Song song đó, công tác dân số và

kế hoạch hóa gia đình được đổi mới mạnh mẽ về cả nội dung lẫn phương thức tiếp cận; đội ngũ nhân viên y tế và cộng tác viên dân số tại các thôn, bản, tổ dân phố được kiện toàn, tích cực bám sát địa bàn để tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng giống nòi. Sự đồng lòng và chuyển biến tích cực này không chỉ khẳng định tính đúng đắn của chủ trương sáp nhập, mà còn góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội bền vững tại địa phương.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn xã được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp và rèn luyện thể chất của Nhân dân. Xã hiện có 02 trung tâm, nhà văn hóa quy mô lớn phục vụ các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ; 02 khu thể thao tập trung với tổng diện tích gần 15.000 m²; 24/24 thôn có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng được trang bị cơ bản đầy đủ.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng. Các thôn đều xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước; nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được duy trì. Năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 93,83% và tỷ lệ thôn văn hóa đạt 91,67%.

Xã Trại Cau có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc. Trên địa bàn có Di tích lịch sử văn hóa đình Bảo Nang được xếp hạng cấp tỉnh; đồng thời được công nhận là xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến. Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc như hát Soọng cô của dân tộc Sán Dìu, lễ Cấp sắc của dân tộc Dao tiếp tục được bảo tồn và phát huy thông qua các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và phục vụ phát triển du lịch.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn là khoảng 10.987 người. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với quá trình đô thị hóa và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện. Hằng năm, địa phương phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp và trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người dân trên địa bàn; đào tạo nghề cho khoảng 100 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,68%, trong

đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 38,76%. Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 150 lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn xã.

Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hiện nay, địa phương đang quản lý và chi trả trợ cấp thường xuyên cho 63 đối tượng người có công và thân nhân người có công. Hằng năm, 100% đối tượng chính sách được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, tết theo quy định của Nhà nước và của địa phương.

Công tác bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Toàn địa bàn hiện có trên 700 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hằng tháng; tỷ lệ chi trả trợ cấp đúng thời gian đạt 100%. Các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Các chương trình an sinh xã hội được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt chưa cao; Công tác cứu trợ đột xuất, hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện kịp thời, bảo đảm không để người dân thiếu đói hoặc không có nơi ở an toàn.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về lao động, việc làm và an sinh xã hội cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, góp phần bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát triển phường trong thời gian tới.

7.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Trại Cau chủ yếu là nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, phân bố tập trung tại các khu dân cư hiện hữu, dọc theo các tuyến giao thông chính và khu vực trung tâm thị trấn Trại Cau trước đây. Loại hình nhà ở phổ biến là nhà xây kiên cố và bán kiên cố, từ 01 đến 03 tầng, với kiến trúc đa dạng, phù hợp điều kiện sinh hoạt và đặc điểm văn hóa của địa phương.

Khu vực trung tâm xã và các trục đường chính đã hình thành nhiều dãy nhà ở dạng lô phố có kiến trúc tương đối đồng bộ, mang đặc trưng của khu vực đô thị. Phần lớn các hộ gia đình có khuôn viên nhà ở được bố trí hợp lý, bảo đảm điều kiện sinh hoạt và vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, tại một số khu dân cư vẫn còn

tình trạng bố trí công trình phụ trợ, chuồng trại chăn nuôi, hệ thống vườn cây chưa thật sự khoa học, ảnh hưởng đến mỹ quan và môi trường sống.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhà ở cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân; tuy nhiên hệ thống thoát nước tại nhiều khu dân cư vẫn chủ yếu là thoát nước tự nhiên hoặc tự xử lý cục bộ, chưa được đầu tư đồng bộ theo hướng tập trung.

b) Công trình giáo dục, đào tạo

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Trại Cau trở thành địa bàn có hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh, đầy đủ các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Đối với giáo dục mầm non, trên địa bàn có 03 trường công lập; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 32,4%, trẻ mẫu giáo đạt 98,8%; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Các trường duy trì vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I (Trại Cau, Hợp Tiến) và 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II (Tân Lợi).

Đối với giáo dục tiểu học, xã có 03 trường công lập. Tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu về chất lượng đạt 99,5%; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt 100% đối với Trường Tiểu học Trại Cau và 97% đối với các trường Tân Lợi, Hợp Tiến. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, hoàn thành chương trình lớp học đạt 94,5%. Hiện có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

Đối với giáo dục trung học cơ sở, xã có 03 cơ sở giáo dục công lập; tỷ lệ huy động học sinh vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ lên lớp đạt 99,5%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2 được duy trì vững chắc.

Ngoài ra, trên địa bàn có Trường THPT Trại Cau, là cơ sở giáo dục có chất lượng đào tạo tốt, nhiều năm đạt thành tích cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và tuyển sinh đại học.

c) Công trình y tế

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Ngoài các cơ sở y tế tư nhân, xã hiện có Trạm Y tế xã Trại Cau là cơ sở y tế công lập

thực hiện chức năng khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và triển khai các chương trình y tế quốc gia.

Trạm Y tế xã được tổ chức tại 03 điểm gồm Trại Cau 1, Trại Cau 2 và Trại Cau 3, được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật ban đầu. Việc duy trì các điểm trạm giúp người dân ở các khu vực khác nhau thuận lợi trong tiếp cận dịch vụ y tế, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

d) Công trình văn hóa, thể thao

Hệ thống công trình văn hóa, thể thao của xã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.

Hiện nay, trên địa bàn có 24 nhà văn hóa thôn, 02 trung tâm văn hóa, 03 sân thể thao cùng nhiều không gian sinh hoạt cộng đồng phục vụ hội họp, tuyên truyền, văn hóa văn nghệ và các phong trào thể dục thể thao quần chúng. Các thiết chế văn hóa cơ sở cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

UBND xã đã tận dụng cơ sở nhà, đất của Trạm Y tế xã Tân Lợi cũ để bố trí 01 điểm chăm sóc sức khỏe cộng đồng gắn với chăm sóc người cao tuổi và 01 điểm thư viện phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Bên cạnh đó, trên địa bàn có 01 di tích lịch sử cấp tỉnh là Đình Bảo Nang, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Tuy nhiên, một số công trình văn hóa, thể thao đã được đầu tư từ nhiều năm trước nên còn tình trạng xuống cấp, thiếu trang thiết bị và cần tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện trong thời gian tới.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã phát triển tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Hiện xã có 02 chợ truyền thống với tổng diện tích trên 01 ha, 03 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, khoảng 50 doanh nghiệp, hợp tác xã và trên 80 cơ sở kinh doanh các loại hình dịch vụ như bán lẻ hàng hóa, ăn uống, giải khát, lưu trú và các dịch vụ phục vụ đời sống dân sinh.

Hệ thống thương mại - dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực, tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu hàng hóa và phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, trên địa bàn hiện chưa có siêu thị hoặc trung tâm thương mại quy mô lớn.

Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, xã có 01 Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góp phần đáp ứng nhu cầu tín dụng, giao dịch tài chính và hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan, công trình hành chính trên địa bàn xã được bố trí trên cơ sở tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được bố trí tại trụ sở UBND thị trấn Trại Cau trước đây. Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã sử dụng cơ sở nhà, đất của Trạm Y tế thị trấn Trại Cau cũ.

Trụ sở Công an xã được bố trí tại hai địa điểm gồm cơ sở nhà, đất UBND xã Tân Lợi cũ và trụ sở Công an được xây dựng tại xã Hợp Tiến trước đây. Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã sử dụng cơ sở nhà, đất UBND xã Hợp Tiến cũ.

Các công trình hành chính cơ bản được xây dựng kiên cố, đáp ứng yêu cầu làm việc của các cơ quan trong hệ thống chính trị; trang thiết bị từng bước được đầu tư theo hướng hiện đại, phục vụ công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử. Việc bố trí, sử dụng các trụ sở hiện nay đã phát huy hiệu quả quỹ nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính, góp phần tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

7.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Trại Cau tương đối phát triển, giữ vai trò quan trọng trong kết nối nội vùng và liên vùng.

Giao thông đối ngoại: Trên địa bàn có các tuyến giao thông huyết mạch đi qua như Quốc lộ 17, Đường tỉnh 269B, Đường tỉnh 269C và hệ thống đường sắt. Khu vực xã Hợp Tiến (cũ) có tuyến đường sắt dài khoảng 7,3 km, Quốc lộ 17 dài 5,3 km, Đường tỉnh 269B dài 3,0 km. Khu vực thị trấn Trại Cau (cũ) có Quốc lộ 17 đi qua trung tâm dài 1,2 km với mặt cắt nền đường 27 m, mặt đường 15 m; Đường tỉnh 269C dài khoảng 2,4 km. Ngoài ra còn có các tuyến đường huyện Trại Cau - Cây Thị, Trại Cau - Tân Lợi và tuyến xe buýt số 09 kết nối với thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công.

Giao thông đối nội: Mạng lưới giao thông nội bộ gồm các tuyến đường xã, đường liên xã, đường đô thị và đường thôn xóm với tổng chiều dài trên 130 km, trong đó phần lớn đã được bê tông hóa. Các tuyến đường cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, một số tuyến đường thôn xóm vẫn còn kết cấu cấp phối hoặc mặt đường đất, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp trong thời gian tới.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Hệ thống điện trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân.

Toàn xã hiện có 32 trạm biến áp với tổng công suất 7.020 KVA, phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn. Khu vực thị trấn Trại Cau (cũ) được cấp điện từ Trạm biến áp 110kV Đồng Hỷ thông qua hệ thống lưới điện trung áp và hạ áp đã được đầu tư khá đồng bộ; khu vực Hợp Tiến (cũ) được cấp điện từ các trạm treo 35/0,4kV.

Hiện nay, 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia thường xuyên, an toàn và ổn định. Hệ thống điện chiếu sáng đã được đầu tư trên các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm và một số khu dân cư tập trung. Tuy nhiên, tại nhiều tuyến đường nông thôn, hệ thống chiếu sáng còn thiếu hoặc chưa bảo đảm độ rọi theo tiêu chuẩn đô thị.

c) Hệ thống cấp nước

Trên địa bàn có Nhà máy nước sạch Trại Cau với công suất thiết kế 960 m³/ngày đêm, sử dụng nguồn nước ngầm khai thác từ 02 giếng khoan sâu 50 m. Mạng lưới đường ống cấp nước hiện có đường kính từ D50 đến D150, trong đó tuyến ống chính chạy dọc theo Quốc lộ 17.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

d) Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn được hình thành chủ yếu dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và khu vực trung tâm thị trấn cũ. Khu vực thị trấn Trại Cau có khoảng 11,32 km cống, rãnh và mương thoát nước; khu vực Hợp Tiến (cũ) đã được đầu tư hệ thống rãnh thoát nước dọc các tuyến đường chính.

Tuy nhiên, nhiều tuyến đường dân cư và đường thôn xóm chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, chủ yếu tiêu thoát tự nhiên qua đồng ruộng, kênh mương và suối.

Hiện nay, xã chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Nước thải sinh hoạt của các hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh chủ yếu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại hoặc bể lắng trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

đ) Viễn thông, thông tin liên lạc

Hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.

Toàn xã được phủ sóng bởi các nhà mạng lớn như Viettel, VNPT, Mobifone với tỷ lệ phủ sóng đạt gần 100% dân số. Khu vực thị trấn Trại Cau (cũ) có 9.128 thuê bao internet cáp quang, đạt mật độ 91 thuê bao/100 dân. Các dịch vụ viễn thông, internet băng rộng, 4G và 5G từng bước được mở rộng, phục vụ hiệu quả nhu cầu học tập, làm việc và sản xuất kinh doanh của người dân.

Trên địa bàn có điểm phục vụ bưu chính công cộng, bảo đảm cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính, chuyên phát và viễn thông công ích.

e) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường được địa phương quan tâm thực hiện gắn với các phong trào xây dựng khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp.

Hiện nay, chất thải rắn sinh hoạt được Hợp tác xã Vệ sinh môi trường Đức Tín thu gom và vận chuyển xử lý tại lò đốt rác sinh hoạt của xã. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt khoảng 40%. Theo lộ trình của tỉnh, đến ngày 30/12/2026, toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt thu gom trên địa bàn sẽ được vận chuyển đến khu xử lý chất thải tập trung Đá Mài để xử lý.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 68,14%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,74%, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%. Hiện địa phương chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đã được đầu tư trên nhiều tuyến đường chính và khu dân cư tập trung, tỷ lệ đường giao thông được lắp đặt chiếu sáng đạt khoảng 80%. Trong thời gian tới, xã tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng môi trường, nâng cao tỷ lệ thu gom rác thải, phát triển cây xanh và cải thiện cảnh quan đô thị, đáp ứng yêu cầu xây dựng phường Trại Cau theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững.

7.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Trại Cau trong thời gian qua luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, việc bố trí sĩ quan quân đội chính quy đảm nhiệm các chức danh tại Ban Chỉ huy Quân sự xã đã tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Ban Chỉ huy Quân sự xã được tổ chức theo mô hình thống nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam với biên chế 08 đồng chí, gồm Chỉ huy trưởng, Chính trị viên (do Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm), Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó cùng các trợ lý, nhân viên chuyên môn. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức chặt chẽ với 02 trung đội dân quân cơ động và lực lượng dân quân tại chỗ tại các khu dân cư. Hằng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện đầy đủ về quân sự, chính trị, pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và xử lý các tình huống phát sinh trên địa bàn.

Công tác sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm túc; chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện đúng quy định. Ban Chỉ huy Quân sự xã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã trong công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội theo quy định tại Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình, bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm. Đồng thời, địa phương thực hiện tốt các chế độ, chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với người có công với cách mạng, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã đã chủ động bố trí doanh trại, nơi làm việc và các điều kiện cần thiết cho Ban Chỉ huy Quân sự xã; đồng thời rà soát, nghiên cứu điều chỉnh quy mô, vị trí các khu đất quốc phòng hiện có nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong giai đoạn mới. Nhìn chung, nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn

xã tiếp tục được củng cố vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ địa phương và tạo nền tảng thuận lợi cho quá trình phát triển đô thị trong thời gian tới.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Trại Cau cơ bản được giữ vững ổn định. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, lực lượng Công an xã đã nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, Công an xã Trại Cau có 23 cán bộ, chiến sĩ, gồm 01 Trưởng Công an xã, 05 Phó Trưởng Công an xã và 17 cán bộ, chiến sĩ được bố trí thành 05 tổ công tác chuyên môn. Cấp ủy, chỉ huy đơn vị luôn chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quản lý cán bộ, chiến sĩ; xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, chấp hành nghiêm điều lệnh Công an nhân dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ Nhân dân.

Lực lượng Công an xã thường xuyên làm tốt công tác nắm tình hình, quản lý cư trú, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu và các đối tượng thuộc diện quản lý; chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật. Công tác phối hợp giữa Công an xã với Ban Chỉ huy Quân sự xã, các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được duy trì chặt chẽ. Hoạt động tuần tra, kiểm soát, tuần tra đêm khép kín địa bàn được thực hiện thường xuyên, qua đó kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở.

Công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và xử lý các vụ việc liên quan đến hình sự, ma túy, kinh tế, môi trường được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm xử lý kịp thời, khách quan, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, công tác cải cách hành chính, tiếp công dân và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quan tâm thực hiện, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, không gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Trại Cau được duy trì ổn định; thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân và đáp ứng yêu cầu xây dựng phường Trại Cau trong thời gian tới.

7.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tổ chức bộ máy, biên chế khối Đảng ủy

Tổng số biên chế được giao đối với khối Đảng ủy xã là 17 người. Hiện nay có 12 người, còn thiếu 05 người so với biên chế được giao. Mặc dù số lượng cán bộ còn thiếu, song đội ngũ hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được giao 10 biên chế, hiện có 05 người, thiếu 05 người so với biên chế được giao. Trong điều kiện số lượng cán bộ còn hạn chế, các tổ chức vẫn duy trì ổn định hoạt động, phát huy vai trò tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Hội đồng nhân dân xã

Biên chế được giao cho Hội đồng nhân dân xã là 03 người, hiện có mặt đủ 03 người, đạt 100% biên chế được giao. Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân xã cơ bản bảo đảm theo quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

d) Ủy ban nhân dân xã

Tổng số biên chế tạm giao cho khối Ủy ban nhân dân xã là 30 người. Hiện nay có 23 người, còn thiếu 07 người so với biên chế được giao. Mặc dù còn thiếu nhân lực ở một số vị trí chuyên môn, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã vẫn duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định.

đ) Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã cơ bản được bố trí theo đúng vị trí việc làm, có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Tổng số cán bộ, công chức hiện có là 37 người. Về trình độ chuyên môn, có 13 người trình độ thạc sĩ, 24 người trình độ đại học; không có cán bộ, công

chức trình độ trung cấp. Về trình độ lý luận chính trị, có 07 người trình độ cao cấp và 28 người trình độ trung cấp.

Tổng số viên chức hiện có là 278 người. Trong đó, trình độ chuyên môn gồm 13 thạc sĩ, 153 đại học, 112 cao đẳng; không có viên chức trình độ trung cấp. Về trình độ lý luận chính trị có 39 người trình độ trung cấp và 10 người trình độ sơ cấp.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã có trình độ chuyên môn tương đối đồng đều, từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tuy nhiên, số lượng biên chế thực tế ở một số cơ quan còn thiếu so với định mức được giao, vì vậy cần tiếp tục được quan tâm bổ sung, kiện toàn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị hành chính đô thị trong thời gian tới.

8. Đối với xã Võ Nhai

8.1. Lịch sử hình thành, vị trí địa lý và vai trò chức năng

a) Lịch sử hình thành, vị trí địa lý

Xã Võ Nhai là đơn vị hành chính cấp xã được thành lập theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Lâu Thượng, xã Phú Thượng, thị trấn Đình Cả (cũ), sau sắp xếp, xã Võ Nhai có diện tích tự nhiên là 99.77 km² và quy mô dân số là 28.817 người (gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi), tỷ lệ dân số đô thị là 52,14 %. Xã Võ Nhai nằm ở Phía Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, tiếp giáp vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông giáp với xã Dân Tiến và tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Tây giáp với xã La Hiên;
- Phía Nam giáp với xã Tràng Xá;
- Phía Bắc giáp với xã Nghinh Tường.

Sau khi thành lập, cấp ủy, chính quyền địa phương đã tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, ổn định tình hình địa phương; phát huy lợi thế vị trí trung tâm khu vực Võ Nhai trước đây để tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp và từng bước hình thành không gian phát triển đô thị tập trung.

b) Vai trò chức năng

Xã Võ Nhai nằm cách trung tâm hành chính tỉnh Thái Nguyên khoảng 40 km, thuộc Vùng 2 theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là khu vực mang tính chất không gian chuyển tiếp, giữ vai trò trung gian quan trọng trong kết nối giữa vùng động lực phát triển phía Nam với khu vực trung du, miền núi phía Bắc của tỉnh, đồng thời là không gian liên kết trong tổ chức phát triển kinh tế - xã hội theo trục nội tỉnh và liên tỉnh.

Với vị trí đó, xã Võ Nhai có ý nghĩa chiến lược trong cấu trúc phát triển không gian của tỉnh, vừa là đầu mối liên kết các khu vực trong tỉnh, vừa là cửa ngõ kết nối với các địa phương lân cận. Khu vực này đồng thời đóng vai trò tiếp nhận và lan tỏa các động lực phát triển từ trung tâm tỉnh Thái Nguyên và các khu vực đô thị - công nghiệp lân cận, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển đồng đều giữa các vùng.

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Võ Nhai được định hướng phát triển trở thành đô thị loại III từ ngày 01/01/2026, là cơ sở quan trọng để hình thành đơn vị hành chính theo mô hình phường trong giai đoạn tiếp theo.

Trên địa bàn có lợi thế nổi bật về hệ thống giao thông liên vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ và thu hút đầu tư. Trên nền tảng đó, Võ Nhai có tiềm năng lớn để phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử gắn với hệ thống di tích và bản sắc văn hóa đặc trưng của địa phương.

Trong định hướng phát triển, khu vực Võ Nhai được xác định là trung tâm phát triển của tiểu vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên; giữ vai trò đầu mối giao thông, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, đồng thời là không gian bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc.

Bên cạnh chức năng kinh tế, Võ Nhai còn là trung tâm cung ứng dịch vụ công thiết yếu cho khu vực lân cận, bao gồm giáo dục, y tế, văn hóa, góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong tỉnh.

Từ những đặc điểm nêu trên có thể khẳng định, xã Võ Nhai đã và đang đảm nhận rõ nét vai trò của một đơn vị hành chính có tính chất đô thị, có chức năng trung tâm liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và lan tỏa động lực phát triển trong khu vực. Do đó, việc tổ chức lại đơn vị hành chính theo mô hình phường là phù hợp với vị trí, vai trò, chức năng và định hướng phát triển lâu dài của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

8.2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là: 99,77 km² (9.977,38 ha), trong đó: đất nông nghiệp có 9.364,14 ha, chiếm 93,85% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp có 555,85 ha, chiếm 5,57% diện tích tự nhiên và đất chưa sử dụng có 57,39ha, chiếm 0,58% diện tích tự nhiên.

b) Cơ cấu các loại đất

Nhìn chung đất thoát nước tốt, thành phần cơ giới trung bình đến nặng, đất có phản ứng chua đến chua mạnh, nghèo các chất dinh dưỡng dễ tiêu, cation kiềm trao đổi, độ no bazơ và dung tích hấp thụ thấp. Đất bị rửa trôi xói mòn mạnh làm phân dị phẫu diện đất theo thành phần cơ giới. Hiện tượng này đặc biệt rõ ở nhóm đất xám.

Xã Võ Nhai bị chia cắt mạnh, quỹ đất dành cho phát triển đô thị và phát triển cơ sở hạ tầng rất hạn chế. Điều này còn ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư, cụm công nghiệp và phát triển sản xuất nông nghiệp, toàn xã có 4 nhóm đất chính:

- Đất phù sa: chiếm 2,16% diện tích tự nhiên của toàn xã.
- Đất đen: chiếm 1,11% diện tích tự nhiên.
- Đất xám bạc màu: chiếm 76,08% diện tích tự nhiên.
- Đất đỏ: chiếm 4,49% diện tích tự nhiên.
- Các loại đất khác: chiếm 16,16% diện tích tự nhiên.

Các đơn vị đất chính (đất phù sa chua, đất đen cacbonat, đất xám glây, đất xám feralit, đất nâu đỏ) và được chia thành 20 đơn vị đất phụ.

Đất bằng chiếm 6%; đất đồi và đất thấp (25 - 200 m) chiếm 31%; đất núi ở độ cao trên 200m chiếm 60% diện tích đất tự nhiên xã Võ Nhai.

8.3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Xã Võ Nhai được thành lập theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 đơn vị hành chính: Xã Phú Thượng, thị trấn Đình Cả và xã Lâu Thượng (cũ) với quy mô dân số là 28.817 người (gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi).

b) Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động (bao gồm người có việc làm và người thất nghiệp) từ 15 tuổi trở lên: 13.369 người; số lao động có việc làm: 10.403 người (chiếm tỷ lệ 78%), trong đó có bằng cấp, chứng chỉ: 7.533 người (chiếm tỷ lệ 72,4%).

Lực lượng lao động phi nông nghiệp chủ yếu tham gia các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ ăn uống, vận tải, xây dựng, sản xuất nhỏ, dịch vụ lưu trú, du lịch cộng đồng và làm việc tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các địa phương lân cận.

Cùng với sự phát triển của lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch cộng đồng, nhiều hộ dân đã mạnh dạn chuyển đổi ngành nghề, phát triển kinh doanh dịch vụ, mở rộng các mô hình sản xuất phi nông nghiệp, tạo thêm việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu lao động được địa phương quan tâm thực hiện. Người lao động ngày càng nâng cao nhận thức về học nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới.

c) Thành phần dân cư

Dân cư phân bố không đồng đều, có sự phân hóa rõ rệt theo điều kiện địa hình và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội, được tổ chức thành 26 xóm.

- *Khu vực trung tâm* (khu vực thị trấn Đình Cả cũ) có mật độ dân cư cao nhất, hình thái cư trú mang tính chất đô thị, phát triển dọc theo các trục giao thông chính, đặc biệt là Quốc lộ 1B. Thành phần dân cư chủ yếu gồm người Kinh, Tày, Nùng với hoạt động kinh tế chính là thương mại, dịch vụ.

- *Khu vực sản xuất nông - lâm nghiệp* (các xã Phú Thượng, Lâu Thượng cũ) có dân cư phân bố tập trung thành các bản làng, chủ yếu dọc theo thung lũng và

chân núi. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ trọng cao, phổ biến từ trên 70% đến 90% (như xóm Phụng Hoàng 97,3%, xóm Cao Lằm 96,4%).

- *Khu vực vùng cao*, đặc biệt khó khăn có dân cư phân bố thưa thớt, phân tán theo địa hình đồi núi, điển hình tại các xóm Cao Biền (100% người dân tộc Dao), Ba Nhất (94,2% người dân tộc Dao).

8.4. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Những năm qua, lĩnh vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Võ Nhai có bước phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân. Các hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng đa dạng, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

Hệ thống chợ dân sinh, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini, dịch vụ ăn uống và lưu trú từng bước được mở rộng cả về số lượng và quy mô hoạt động. Hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Trên địa bàn xã hiện có các loại hình thương mại, dịch vụ chủ yếu như: kinh doanh hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa cơ khí, xây dựng, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh. Một số hộ dân đã mạnh dạn đầu tư phát triển mô hình kinh doanh dịch vụ gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và trải nghiệm văn hóa địa phương.

Hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ dựa trên tiềm năng, thế mạnh của cảnh quan thiên nhiên của danh lam thắng cảnh hang Phụng Hoàng, Suối Mỏ Gà; từng bước đáp ứng nhu cầu của du khách. Các cơ sở kinh doanh cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, giao lưu và phát triển du lịch trên địa bàn.

Cùng với sự phát triển của hạ tầng giao thông và quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, tỷ trọng lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ ngày càng tăng. Nhiều lao động địa phương tham gia hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ, dịch vụ vận tải, xây dựng và các ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục định hướng phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, khai thác hiệu quả lợi thế địa phương sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Võ Nhai trong những năm gần đây có bước phát triển khá, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho Nhân dân. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của địa phương, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang các hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ theo định hướng phát triển đô thị.

Hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển theo hướng đa dạng ngành nghề, tập trung vào chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí dân dụng; gia công cơ khí; chế biến chè; sửa chữa máy móc, thiết bị và các ngành nghề phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh. Nhiều cơ sở sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho lao động địa phương.

Lĩnh vực xây dựng phát triển tương đối đồng bộ cùng với quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, nhiều công trình giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, hệ thống điện, cấp nước, thoát nước, chỉnh trang khu dân cư và các công trình công cộng đã được đầu tư xây dựng, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và tạo diện mạo mới cho địa phương. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển theo định hướng đô thị.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế và gia tăng nhu cầu dân cư, hoạt động xây dựng nhà ở, công trình thương mại, dịch vụ, cơ sở sản xuất kinh doanh và các công trình phụ trợ tiếp tục tăng trưởng. Một bộ phận lớn lao động địa phương đã chuyển dịch sang các ngành nghề xây dựng, cơ khí, vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng và dịch vụ kỹ thuật, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, đất đai, quy hoạch và bảo vệ môi trường từng bước được tăng cường. Việc quản lý trật tự xây dựng, sử dụng đất theo quy hoạch, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường được địa phương quan tâm thực hiện, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế gắn với phát triển bền vững.

Nhìn chung, với lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất phát triển, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, Võ Nhai có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành phường Võ Nhai và phát triển trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp và du lịch của khu vực phía Đông bắc tỉnh Thái Nguyên.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng: Cây lúa đạt 993,6/884 ha đạt 112,4% kế hoạch; Cây ngô đạt 694,4/686ha, đạt 101,2% kế hoạch; rau các loại 392/354 ha, đạt 110,7% kế hoạch. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát. Diện tích cây ăn quả được duy trì ổn định và trồng mới thay thế theo kế hoạch. Công tác hướng dẫn các hộ dân chăm sóc diện tích chè và cây ăn quả mới trồng cũng như thực hiện các biện pháp chăm sóc, đốn tỉa và phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời đối với diện tích chè và cây ăn quả kinh doanh được triển khai kịp thời.

- Chăn nuôi: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt một số biện pháp phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục; Tăng cường các biện pháp phòng, chống bệnh Đại động vật trên địa bàn. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch tiêm phòng gia súc, gia cầm và phun hóa chất khử trùng tiêu độc năm 2025 đến các xóm trên địa bàn xã đảm bảo đúng quy định. Năm 2025, trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi. Tổng đàn vật nuôi: 102.524 con (trâu, bò: 675 con; lợn: 3.250; gia cầm: 98.600 con).

- Thủy sản: diện tích nuôi trồng thủy sản hiện nay đạt 53 ha, do ảnh hưởng của bão số 11 diện tích nuôi trồng thủy sản thiệt hại ước khoảng trên 23 ha.

- Về Lâm nghiệp: Công tác phát triển và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, diện tích trồng rừng đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao .

d) Thu, chi ngân sách

Trong năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương là: 325.187.535.856 đồng; tổng chi ngân sách địa phương là: 323.645.370.421 đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương đạt: 100,47%.

8.5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

- Hệ thống giáo dục do xã quản lý

Trên địa bàn xã hiện có 10 trường học công lập thuộc phạm vi quản lý, gồm 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường THCS và 01 trường THCS nội trú Nguyễn Bình Khiêm. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm triển khai đồng bộ và đạt kết quả nổi bật; đến nay 10/10 trường học trên địa bàn đều đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

Hệ thống cơ sở giáo dục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, cải thiện điều kiện học tập cho học sinh. Công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc, xã đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo khác

Ngoài hệ thống trường học do xã quản lý, trên địa bàn còn có 01 Trường Trung học phổ thông Võ Nhai và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Võ Nhai, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, đào tạo nghề và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình

Ngoài các cơ sở Y- Dược tư nhân, cơ sở y tế công lập trên địa bàn xã Võ Nhai gồm có:

- Cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, 01 đơn vị: Bệnh viện Võ Nhai, quy mô 220 giường bệnh; xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp cơ bản.

- Trạm Y tế, 01 cơ sở: Trạm Y tế xã Võ Nhai, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp ban đầu.

Tiếp tục duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng tính theo cân nặng của trẻ xuống dưới 12,3%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng tính theo chiều cao của trẻ xuống dưới 15%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% so với kế hoạch.

c) Văn hóa, thể thao, du lịch

- Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn xã Võ Nhai trong những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển văn hóa, thể thao và du lịch; từng bước cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển bằng các nghị quyết, đề án, chương trình và kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng và đạt nhiều kết quả tích cực. Ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Toàn xã hiện có 26/26 xóm được công nhận danh hiệu xóm văn hoá, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa hằng năm trên 96% đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và phát huy. Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn được quan tâm bảo tồn, gìn giữ và phát huy thông qua các hoạt động văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống, sinh hoạt cộng đồng và các chương trình giao lưu văn hóa.

- Hệ thống thiết chế văn hóa từ xã đến các xóm cơ bản được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Toàn xã có 01 hội trường xã Võ Nhai xã với quy mô 500 chỗ ngồi, bảo đảm phục vụ các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, hội nghị và sự kiện của địa phương. 26/26 xóm đều có nhà văn hóa xóm đều đạt tiêu chuẩn cùng hệ thống sân chơi, bãi tập từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân.

- Đã hình thành khu vực công viên Cây xanh trung tâm đô thị với quy mô khoảng 5,58 ha. Hệ thống công viên cây xanh được đầu tư khang trang đồng bộ làm nổi bật hình thái đô thị của trung tâm xã.

- Trên địa bàn xã Võ Nhai có 02 Điểm du lịch: Điểm du lịch sinh thái Phượng Hoàng, Điểm du lịch cộng đồng xóm Mỏ Gà thu hút nhiều du khách đến thăm quan, trải nghiệm.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Trên địa bàn xã có nguồn lao động tương đối dồi dào, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ và một bộ phận lao động làm việc tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh. Những năm gần đây, cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng lao động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại và lao động làm việc ngoài địa phương.

- Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện thông qua các chương trình đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm và hỗ trợ phát triển sản xuất. Nhiều lao động đã được tham gia các lớp đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương như chăn nuôi, trồng trọt, chế biến nông sản, du lịch

cộng đồng và các nghề dịch vụ. Một số lao động trẻ tham gia làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống gia đình.

- Tổng số lao động trên địa bàn xã Võ Nhai là 10.395 lao động. Trong đó số lao động làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ (phi nông nghiệp) là 7.419 lao động, chiếm 71.37%

- Các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng yếu thế được triển khai kịp thời, đúng đối tượng. Chính sách hỗ trợ người có công, bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác chi trả trợ cấp xã hội được đảm bảo công khai, minh bạch và đúng thời gian.

- Công tác an sinh xã hội được chú trọng, nhất là trong các dịp lễ, tết, thiên tai, dịch bệnh. Nhiều hoạt động hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho các hộ nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng khó khăn được tổ chức thường xuyên, góp phần bảo đảm đời sống nhân dân và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

- Việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từng bước được mở rộng; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng. Nhận thức của người dân về học nghề, tạo việc làm và tham gia các chính sách an sinh xã hội ngày càng được nâng lên. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai hiệu quả; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 1,77%.

8.6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

- Các công trình kiến trúc nhà ở được xây dựng trên địa bàn xã cơ bản chưa đồng nhất, chưa tạo ra tuyến phố tiêu biểu, đồng bộ, chưa thể hiện được nét đặc trưng vùng miền trong kiến trúc vùng trung du và miền núi.

- Nhà ở được chia thành 02 kiểu:

+ Kiểu đô thị: Phần lớn, phát triển dọc theo các tuyến giao thông liên khu vực, quốc lộ 1B, khu trung tâm, kiến trúc tương đối đẹp với tầng cao từ 2-4 tầng.

+ Kiểu nông thôn trong đô thị: Phát triển dàn trải trên toàn khu vực quá trình đô thị hoá diễn ra chậm, các công trình vẫn giữ được hình thức vốn có của nhà ở truyền thống vùng đồng bằng Bắc bộ như nhà có sân vườn, mái ngói. Công trình cao trung bình 1 - 2 tầng, mật độ xây dựng thấp, chất lượng công trình trung bình.

b) Công trình giáo dục, đào tạo

TT	TRƯỜNG/ĐIỂM TRƯỜNG	HIỆN TRẠNG		ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
		SỐ HS	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	
1	Trường MN Phú Thượng	201	3.745,3	Mức 1
	- Điểm trường chính	158	2.925,3	
	- Điểm trường Ba Nhất	35	720	
	- Điểm trường Cao Biên	8	100 (Đất của Tiểu học Phú Thượng)	
2	Trường MN Liên Cơ	306		Mức 2
3	Trường MN Lâu Thượng	296	1.542,8	Mức 1
	- Điểm trường chính	107	1.542,8	
	- Điểm trường La Mạ	106	370	
	- Điểm trường Đất Đỏ	83	400 (học nhờ nhà văn hóa xóm)	
4	Trường TH Phú Thượng	371		Mức 1
	- Điểm trường chính	310	14927	
	- Điểm trường Ba Nhất	46	2065,7	
	- Điểm trường Cao Biên	15	1951,9	
5	Trường TH Đình Cả	457	4.699	Mức 1
6	Trường TH Lâu Thượng	444		Mức 1
	- Điểm trường chính	285	4645,3	
	- Điểm trường Đông Bắc	67	1450	
	- Điểm trường Làng Hang	90	6399,5	

TT	TRƯỜNG/ĐIỂM TRƯỜNG	HIỆN TRẠNG		ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
		SỐ HS	DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)	
7	Trường THCS Phú Thượng	329	5534	Mức 1
8	Trường THCS Đình Cả	388	13.200	Mức 1
9	Trường THCS Lâu Thượng	403	4.328	Mức 2
10	Trường PTDNT THCS Nguyễn Bình Khiêm	363	18.007	Mức 2

c) Công trình y tế

Hệ thống công trình y tế trên địa bàn xã Võ Nhai cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Ngoài các cơ sở Y-Dược tư nhân, cơ sở y tế công lập trên địa bàn xã Võ Nhai gồm có:

- Cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, 01 đơn vị: Bệnh viện Võ Nhai, quy mô 220 giường bệnh; xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp cơ bản.

- Trạm Y tế cơ sở: Trạm Y tế xã Võ Nhai là cơ sở y tế công lập trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, công tác dân số và triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế trên địa bàn. Ngoài ra xã có 01 Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

d) Công trình văn hóa, thể thao

Xã Võ Nhai có truyền thống văn hóa cách mạng lâu đời, do đó hệ thống công trình văn hóa, di tích mang nhiều giá trị lịch sử đối với địa phương nói riêng và khu vực lân cận nói chung, trong tương lai việc phát triển đô thị cần đảm bảo gắn liền với gìn giữ, phát triển các bản sắc văn hóa này.

Trên địa bàn xã có 02 di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia gồm: Di tích Danh lam thắng cảnh Hang Phượng Hoàng suối Mỏ Gà; di tích Hang Sa Khao; 05 di tích cấp tỉnh gồm: Di tích Đền Đình Cả, Di tích Đồn Đình Cả, Di tích Đình

Mỏ Gà, Di tích Đồng Toong- Cơ sở cách mạng thời kỳ 1941-1943, Di tích Địa điểm thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ huyện Võ Nhai.

Hệ thống công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã Võ Nhai được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện và cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất, tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân. Đây là một trong những thiết chế xã hội quan trọng góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Hội trường xã, là công trình văn hóa trung tâm phục vụ các hoạt động hội họp, tuyên truyền, tổ chức hội nghị, hội diễn văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, các sự kiện chính trị, văn hóa - xã hội và các hoạt động cộng đồng của địa phương. 26/26 xóm đã có nhà văn hóa đạt tiêu chuẩn, được phân bố tại các khu dân cư, bảo đảm phục vụ nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và triển khai các phong trào thi đua yêu nước ở cơ sở. Hệ thống nhà văn hóa xóm đã trở thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư, góp phần quan trọng trong việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống công trình văn hóa, thể thao của xã vẫn còn một số hạn chế. Một số nhà văn hóa được đầu tư từ nhiều năm trước đã có dấu hiệu xuống cấp, cần được sửa chữa và nâng cấp; trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao tại một số địa điểm chưa đồng bộ; diện tích sân bãi thể thao còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của người dân. Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao còn khó khăn, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong giai đoạn đẩy mạnh đô thị hóa và xây dựng phường.

Trong thời gian tới, xã Võ Nhai tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại; nâng cấp Trung tâm Văn hóa xã, các nhà văn hóa xóm và các công trình thể thao; bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển của phường Võ Nhai trong tương lai.

Nhìn chung, hệ thống công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, bảo đảm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn

luyện thể chất và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hoàn thiện hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và đáp ứng các tiêu chí phát triển đô thị trong quá trình xây dựng phường Võ Nhai.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Hệ thống công trình thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Võ Nhai những năm gần đây có bước phát triển tích cực, từng bước đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng, sản xuất kinh doanh của Nhân dân và góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ. Các công trình thương mại, dịch vụ hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, dịch vụ và thu hút đầu tư trong giai đoạn tới.

Trên địa bàn xã hiện có 02 chợ dân sinh đang hoạt động ổn định, đóng vai trò là trung tâm trao đổi, mua bán hàng hóa của người dân trong khu vực. Các chợ chủ yếu kinh doanh các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống hằng ngày, nông sản địa phương, thực phẩm, vật tư sản xuất và các loại hàng hóa tiêu dùng. Hệ thống chợ không chỉ đáp ứng nhu cầu mua bán của Nhân dân mà còn góp phần tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP và các mặt hàng đặc trưng của địa phương.

Bên cạnh hệ thống chợ truyền thống, mạng lưới bán lẻ trên địa bàn từng bước phát triển theo hướng hiện đại với 02 siêu thị quy mô nhỏ và vừa cùng các cửa hàng tiện ích được phân bố tại các khu dân cư tập trung, khu vực trung tâm xã và các tuyến giao thông chính. Hệ thống bán lẻ hiện đại đã góp phần đa dạng hóa nguồn cung hàng hóa, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và từng bước hình thành thói quen mua sắm văn minh, hiện đại.

Các hoạt động dịch vụ ăn uống, lưu trú và du lịch có xu hướng phát triển cùng với quá trình mở rộng giao lưu kinh tế và khai thác tiềm năng du lịch địa phương. Hiện nay, trên địa bàn xã có 10 nhà hàng và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đang hoạt động, phục vụ nhu cầu tổ chức hội nghị, hội họp, liên hoan, đón tiếp khách và các hoạt động du lịch cộng đồng. Ngoài ra, có 12 cơ sở lưu trú đang hoạt động, góp phần đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, lưu trú của khách du lịch, chuyên gia, người lao động và các tổ chức, cá nhân đến công tác, tham quan tại địa phương.

Các công trình thương mại, dịch vụ hiện có đã góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Sự phát triển của hệ thống dịch vụ lưu trú, ăn uống và thương mại cũng tạo tiền đề thuận lợi để khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch trải nghiệm gắn với văn hóa trà, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn.

Đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng, hiện trên địa bàn xã có Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động đảm bảo người dân có điều kiện tiếp cận các dịch vụ tài chính thông qua các điểm giao dịch tại ngân hàng, hệ thống ngân hàng số, thanh toán điện tử và các nền tảng giao dịch trực tuyến. Đây là xu hướng phù hợp với quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số hiện nay.

Nhìn chung, hệ thống công trình thương mại, dịch vụ của xã Võ Nhai đã từng bước hình thành và phát triển theo hướng đa dạng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của Nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quy mô các công trình thương mại, dịch vụ còn tương đối nhỏ; cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại và du lịch chưa thực sự đồng bộ; chất lượng và tính chuyên nghiệp của một số loại hình dịch vụ còn hạn chế; chưa hình thành các trung tâm thương mại hoặc khu dịch vụ tập trung có quy mô lớn. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch còn gặp khó khăn do nguồn lực đầu tư và hạ tầng hỗ trợ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển.

Trong thời gian tới, xã Võ Nhai tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển hệ thống công trình thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại, đồng bộ; nâng cấp các chợ dân sinh; khuyến khích phát triển các loại hình thương mại hiện đại, dịch vụ du lịch, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh; từng bước hình thành các điểm thương mại, dịch vụ tập trung gắn với phát triển đô thị. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đáp ứng yêu cầu phát triển của phường Võ Nhai trong tương lai.

Nhìn chung, hệ thống công trình thương mại, dịch vụ trên địa bàn đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển của khu vực dịch vụ, góp phần hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và đáp ứng các tiêu chí phát triển đô thị trong quá trình xây dựng phường Võ Nhai.

e) Trụ sở cơ quan, công trình hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan và công trình hành chính trên địa bàn xã Võ Nhai được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, địa phương đã chủ động rà soát, bố trí và khai thác hiệu quả các công trình hiện có, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Tổng diện tích đất cơ quan, công trình sự nghiệp trên địa bàn xã khoảng 8,04 ha. Các công trình thuộc khu trung tâm hành chính như: Trụ sở Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, trụ sở các cơ quan, ban, ngành nằm tập trung dọc theo các trục đường trung tâm, được xây dựng kiên cố, cao từ 2 – 5 tầng. Các công trình thường xuyên được cải tạo, chỉnh trang, đảm bảo mỹ quan đô thị. Ngoài ra còn một số công trình của tỉnh đóng trên địa bàn như: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bảo Hiểm Xã hội, Hạt Kiểm lâm số 15 xã Võ Nhai, Bảo hiểm xã hội, Bưu điện...

8.7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

- Quốc lộ:

Xã có đường Quốc lộ 1B chạy cắt ngang qua khu vực trung tâm xã, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại, vừa là đường trục chính đô thị, chiều dài đoạn tuyến qua khu vực khoảng 20,2km. Nền đường 9m, mặt đường thảm bê tông nhựa rộng 7,5m, lộ giới quản lý 15m tính từ tim đường ra mỗi bên.

- Tỉnh lộ:

Xã có đường ĐT 265 chạy qua với chiều dài khoảng 2,3km, tiêu chuẩn đường cấp V miền núi. Mặt đường hiện trạng rộng trung bình 5,5m rải nhựa, lộ giới quy hoạch theo QHC13 là 24,0m mặt đường bê tông nhựa 15,0m (hè đường 4,5m x 2)

- Đường liên xã: Mặt đường thảm bê tông nhựa rộng 3,5-5,5m, nền đường 5-7m tùy đoạn.

- Đường trục xóm, liên xóm được bê tông hóa đạt 100%;

Hệ thống mạng lưới đường cơ bản một số có kết cấu hoàn chỉnh, một số chưa hoàn chỉnh, thiếu các bộ phận như hè đường, thoát nước, cây xanh...

Đặc điểm chung là bề rộng đường hẹp, tính liên hoàn, nối kết của mạng lưới hạn chế.

- San nền và thoát nước mưa:

+ Khu vực quy hoạch có địa hình tương đối phức tạp, địa hình chủ yếu là đồi cao xen kẽ với ruộng trũng. Hướng dốc chủ đạo của địa hình là hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Nước mặt địa hình thoát theo các con mương hiện trạng hoặc chảy tràn mặt đổ về sông Rong, các suối chính theo các lưu vực thoát nước.

+ Tại trung tâm của thị trấn Đình Cả (cũ) dọc theo đường QL1B đã có bố trí hệ thống thoát nước mưa đó là loại cống bản có nắp đan kích thước B800;

+ Các khu vực nông thôn còn lại hệ thống thoát nước thải hầu như chưa có. Nước thải của các hộ gia đình chủ yếu là thấm trực tiếp xuống đất. Một phần thoát vào mương, rãnh rồi đổ ra suối. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 90\%$.

b) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho xã hiện nay do mạng lưới quốc gia cung cấp thông qua trạm biến áp 110kV Xi măng Thái Nguyên (xi măng Quang Sơn) với công suất 2 MBA 40MVA.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt 100%. Nguồn điện sử dụng cơ bản ổn định, phục vụ được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Hệ thống chiếu sáng chủ yếu tập trung tại các tuyến đường trục xã, khu trung tâm, các khu dân cư đông người và một số tuyến đường liên xóm, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông và cải thiện diện mạo nông thôn.

Nhìn chung, hệ thống cấp điện và chiếu sáng của xã Võ Nhai ngày càng được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, tại một số khu vực, hệ thống điện và chiếu sáng vẫn cần tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng của nhân dân.

c) Hệ thống cấp nước

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có nhà máy nước sạch, tồn tại 1 trạm xử lý nước sạch cấp nước với tổng công suất 600 m³/Ngđ (nằm phía Đông khu thị trấn Đình Cả cũ). Nước sạch được cấp đến các khu vực dân cư nội thị nằm trung tâm thị trấn (cũ).

Hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân, đặc biệt tại các khu vực dân cư tập trung và các xóm. Công tác quản lý, vận hành và duy tu các công trình cấp nước được địa phương và nhân dân quan tâm thực hiện nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, phục vụ lâu dài.

Đến nay, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt trên 70%, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao sức khỏe cộng đồng và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Hệ thống cấp nước sinh hoạt của xã Võ Nhai cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Tuy nhiên, một số công trình nước tự chảy đã được đầu tư từ lâu, cần tiếp tục được nâng cấp, sửa chữa và bảo dưỡng nhằm bảo đảm chất lượng, lưu lượng nước và phục vụ hiệu quả nhu cầu sử dụng trong thời gian tới.

d) Thoát nước và xử lý nước thải.

Xã có khoảng 41km đường thoát nước các loại. Trong đó, khoảng 16 km đường đã được cứng hóa bằng bê tông, góp phần nâng cao hiệu quả tiêu thoát nước, hạn chế sạt lở, bồi lấp và thuận lợi cho công tác vệ sinh môi trường. Các tuyến đường chủ yếu tập trung tại khu trung tâm xã, các khu dân cư tập trung, dọc các tuyến đường giao thông và một số khu vực sản xuất nông nghiệp.

Hệ thống thoát nước cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thoát nước mưa và nước sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, phần lớn các tuyến đường còn lại vẫn là đường đất hoặc chưa được đầu tư đồng bộ, khả năng tiêu thoát nước tại một số khu vực còn hạn chế, nhất là trong mùa mưa lớn.

Hiện nay, việc xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn xã chủ yếu theo hình thức tự thấm, bể tự hoại hộ gia đình và thoát theo hệ thống đường thoát nước chung; chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Công tác bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn vệ sinh nguồn nước tiếp tục được địa phương quan tâm thực hiện.

đ) Viễn thông, thông tin liên lạc

- Hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động:

Hệ thống hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã được đầu tư tương đối đồng bộ, đóng vai trò quan trọng trong việc dịch chuyển từ hạ tầng viễn thông sang hạ tầng số.

+ Điểm phục vụ: Hiện có 03 điểm bưu điện văn hóa xã và 01 điểm bưu chính, đảm bảo bán kính phục vụ dân cư. Hệ thống đài truyền thanh thông minh đã phủ sóng đến tất cả các xóm.

+ Hệ thống nhà trạm và cột ăng ten: Trên địa bàn có hệ thống trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) của các nhà mạng (Viettel, VNPT). Cụ thể, riêng mạng Viettel hiện vận hành 20 trạm BTS 4G và 05 trạm BTS 5G. Các cột ăng ten chủ yếu là loại cột tự đứng và cột dây văng, được bố trí tại các khu vực tập trung dân cư đảm bảo vùng phủ sóng.

- Mạng ngoại vi (Cồng, bể, cột treo cáp):

+ Hiện trạng mạng cáp ngoại vi (cáp quang) đạt tỷ lệ phủ sóng 100% đến các thôn bản.

+ Về phương thức lắp đặt: 100% hệ thống cáp hiện nay là cáp treo, đi chung cột với hệ thống điện lực.

+ Hạ tầng kỹ thuật ngầm (cồng, bể, hào kỹ thuật): Hiện tại trên địa bàn xã chưa có hệ thống hạ tầng ngầm hóa cho viễn thông. Hệ thống cáp treo tại khu trung tâm còn tình trạng chằng chịt, chưa đảm bảo khoảng cách an toàn và làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

- Các chỉ tiêu dịch vụ và thuê bao:

+ Thuê bao di động: Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động thông minh đạt mức cao, vùng phủ sóng di động (4G/5G) đạt 100%.

+ Thuê bao Internet: Tỷ lệ hộ gia đình truy cập Internet băng rộng cáp quang hiện đạt 48%. Đây là dư địa lớn để phát triển trong giai đoạn quy hoạch tới nhằm đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số.

+ Hạ tầng số: UBND xã đã hoàn thiện hạ tầng kết nối nội bộ, đảm bảo 100% cán bộ công chức sử dụng mạng chuyên dùng phục vụ chính quyền điện tử.

e) Vệ sinh môi trường

Trên địa bàn xã các hộ dân đều chủ yếu tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường ký hợp đồng với Hợp tác xã Vệ sinh Môi trường Phú Cường để thu gom, phân loại và vận chuyển rác tại các điểm tập kết về bãi rác thải tập trung của xã để xử lý. Các hộ xa trục đường quốc lộ tự xử lý rác thải tại gia đình (đốt). Vì vậy rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp trong xã đạt trên 90%.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được tổ chức thực hiện tương đối đồng bộ và đảm bảo theo quy định. Rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư được thu gom định kỳ, tập kết và vận chuyển về khu xử lý tập trung theo quy định của cơ quan chức năng.

Ý thức của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường từng bước được nâng lên; các hoạt động vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, thu gom rác thải được duy trì thường xuyên. Các tổ chức đoàn thể, khu dân cư tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và giữ gìn cảnh quan môi trường tại địa phương.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phân loại rác thải, xử lý chất thải chăn nuôi, bảo vệ nguồn nước và hạn chế ô nhiễm môi trường tiếp tục được quan tâm triển khai.

Nhìn chung, công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Võ Nhai cơ bản đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường nông thôn. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tăng cường đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải và duy trì thường xuyên các hoạt động vệ sinh môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

8.8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Võ Nhai luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban Chỉ huy Quân sự xã được kiện toàn theo đúng quy định, hiện có 09 sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, đảm nhiệm các chức danh chuyên môn, bảo đảm thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Hệ thống lực lượng quân sự cơ sở được xây dựng vững mạnh, lực lượng thôn đội trưởng tại các xóm được bố trí đầy đủ; lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức, biên chế và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Lực lượng sẵn sàng chiến đấu của xã hiện có 40 đồng chí, thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và xử lý các tình huống đột xuất xảy ra trên địa bàn. Công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai nghiêm túc, bảo đảm nội dung, chương trình và yêu cầu đề ra. Chất lượng huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ hằng năm được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ địa phương trong mọi tình huống.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy trình, công khai, dân chủ và bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm. Công tác đăng ký, quản lý nguồn dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật dự bị được thực hiện chặt chẽ, góp phần nâng cao khả năng huy động lực lượng khi cần thiết.

Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã được bố trí riêng biệt với diện tích và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hệ thống trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, vật chất hậu cần phục vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương từng bước được đầu tư, bổ sung theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương.

Nhìn chung, nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn xã Võ Nhai được xây dựng vững chắc; lực lượng quân sự địa phương được củng cố cả về tổ chức, con người và cơ sở vật chất, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với định hướng phát triển đơn vị hành chính đô thị trong tương lai.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Võ Nhai trong những năm qua luôn được giữ vững ổn định. Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an và sự tham gia của toàn dân trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, tạo môi trường an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, trên địa bàn xã không phát sinh các điểm nóng, vụ việc phức tạp về an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo và trật tự an toàn xã hội. Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được triển khai kịp thời đến Nhân dân; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục

pháp luật được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Lực lượng Công an xã được bố trí 26 cán bộ, chiến sĩ công an chính quy, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn. Bên cạnh đó, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gồm 78 thành viên được tổ chức tại các xóm, thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an xã trong công tác nắm tình hình, tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và xử lý các vụ việc phát sinh từ cơ sở.

Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được duy trì và phát triển rộng khắp; nhiều mô hình tự quản về an ninh, trật tự tại khu dân cư hoạt động hiệu quả. Công tác phòng, chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ được triển khai thường xuyên, góp phần hạn chế các vụ việc vi phạm pháp luật và giữ vững sự bình yên trên địa bàn.

Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Võ Nhai được duy trì ổn định, hệ thống chính trị hoạt động hiệu quả, Nhân dân đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương. Đây là điều kiện thuận lợi và là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và đáp ứng yêu cầu xây dựng phường Võ Nhai trong thời gian tới.

8.9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

a) Đảng ủy

Tổng số biên chế công chức, viên chức giao khối Đảng - Đoàn thể 29 người. Trong đó:

- Các cơ quan Đảng: Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Trung tâm Chính trị với tổng số cán bộ, công chức, viên chức: 20 người, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị: 09 người.

- Đảng ủy xã Võ Nhai hiện nay có 45 tổ chức đảng trực thuộc (01 đảng bộ, 18 chi bộ cơ sở, 26 chi bộ nông thôn) với 1.423 đảng viên. Đảng ủy xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác cán bộ, bảo đảm đúng nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng và Nhà nước. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ được thực hiện dân chủ, khách quan; chú trọng đánh

giá phẩm chất chính trị, năng lực, uy tín của cán bộ, gắn với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Võ Nhai mới được sáp nhập bởi 03 xã Phú Thượng, Lâu Thượng, Thị trấn Đình Cả cũ. Số biên chế được giao: 09 người, hiện có 08 người. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 05 người, trong đó 01 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, 04 Chủ tịch các tổ chức Hội đoàn thể là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (*Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã kiêm Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã ; Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh, Bí thư Đoàn Thanh niên kiêm Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong*). Tổng số Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được chỉ định là 36.

c) Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân xã Võ Nhai nhiệm kỳ 2026 – 2031 được tổ chức theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, bảo đảm thực hiện chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trên địa bàn xã.

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 22 đại biểu. Các đại biểu cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, đại diện cho các tầng lớp nhân dân và các lĩnh vực công tác trên địa bàn.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã có 04 người gồm:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;
- Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách xã;
- Trưởng ban Văn hóa - Xã hội xã.

d) Ủy ban nhân dân xã

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch UBND và 02 Phó Chủ tịch UBND.

UBND xã có: 05 phòng chuyên môn và 12 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc UBND

xã có 34 công chức khối chính quyền; 337 viên chức (gồm: 300 viên chức sự nghiệp giáo dục, 27 viên chức sự nghiệp y tế, 10 viên chức sự nghiệp khác).

đ) Về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Tổng số biên chế công chức, viên chức giao là 424: Khối Đảng - Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể và Trung tâm Chính trị: 29 người; khối chính quyền 395: Công chức 51 (có mặt 34), viên chức được giao: 344 người, có mặt 337 người.

Về trình độ chuyên môn cán bộ công chức, viên chức: Trên đại học 33 người, Đại học 324, cao đẳng 24, trung cấp 13.

Về trình độ chính trị: Cao cấp 11 người, trung cấp 99 người.

Sau gần 1 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, về cơ bản chất lượng cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn. Tuy nhiên do khối lượng công việc quá lớn, cán bộ phần lớn chỉ được đào tạo 01 lĩnh vực chuyên môn trong khi phải kiêm nhiệm nhiều chuyên môn khác không được đào tạo cũng như chưa có kinh nghiệm công tác. Điều này đang gây khó khăn và quá tải cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: CHỢ ĐỒN, ĐỊNH HÓA, ĐỒNG HỖ, PHÚ BÌNH, PHÚ LƯƠNG, QUÂN CHU, TRẠI CAU, VĨ NHAI THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Phụ lục đánh giá tiêu chuẩn thành lập 08 phường theo Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

I. PHƯỜNG ÁN THÀNH LẬP

1. Phương án thành lập phường Chợ Đồn

Thành lập phường Chợ Đồn thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 142,10 km² và quy mô dân số 18.453 người của xã Chợ Đồn.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Chợ Đồn.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Chợ Đồn.

Việc thành lập phường Chợ Đồn trên cơ sở nguyên trạng xã Chợ Đồn bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

2. Phương án thành lập phường Định Hóa

Thành lập phường Định Hóa thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 67,26 km² và quy mô dân số 23.097 người của xã Định Hóa.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Định Hóa.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Định Hóa.

Việc thành lập phường Định Hóa trên cơ sở nguyên trạng xã Định Hóa bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

3. Phương án thành lập phường Đồng Hỷ

Thành lập phường Đồng Hỷ thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 53,72 km² và quy mô dân số 32.073 người của xã Đồng Hỷ.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Đồng Hỷ.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Đồng Hỷ.

Việc thành lập phường Đồng Hỷ trên cơ sở nguyên trạng xã Đồng Hỷ bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

4. Phương án thành lập phường Phú Bình

Thành lập phường Phú Bình thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 44,16 km² và quy mô dân số 74.696 người của xã Phú Bình.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Phú Bình.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Phú Bình.

Việc thành lập phường Phú Bình trên cơ sở nguyên trạng xã Phú Bình bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

5. Phương án thành lập phường Phú Lương

Thành lập phường Phú Lương thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 112,39 km² và quy mô dân số 44.632 người của xã Phú Lương.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Phú Lương.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Phú Lương.

Việc thành lập phường Phú Lương trên cơ sở nguyên trạng xã Phú Lương bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

6. Phương án thành lập phường Quân Chu

Thành lập phường Quân Chu thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 79,38 km² và quy mô dân số 13.277 người của xã Quân Chu.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Quân Chu.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Quân Chu.

Việc thành lập phường Quân Chu trên cơ sở nguyên trạng xã Quân Chu bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

7. Phương án thành lập phường Trại Cau

Thành lập phường Trại Cau thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 82,85 km² và quy mô dân số 17.697 người của xã Trại Cau.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Trại Cau.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Trại Cau.

Việc thành lập phường Trại Cau trên cơ sở nguyên trạng xã Trại Cau bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

8. Phương án thành lập phường Võ Nhai

Thành lập phường Võ Nhai thuộc tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 99,77 km² và quy mô dân số 28.817 người của xã Võ Nhai.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: **Phường Võ Nhai.**

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Võ Nhai.

Việc thành lập phường Võ Nhai trên cơ sở nguyên trạng xã Võ Nhai bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Thái Nguyên.

II. KẾT QUẢ SAU THÀNH LẬP

Như vậy, sau khi thành lập 08 phường, tỉnh Thái Nguyên không làm thay đổi tổng thể về diện tích tự nhiên, quy mô dân số cũng như số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn. Việc sắp xếp chủ yếu mang tính cơ cấu, chuyển đổi loại hình đơn vị hành chính theo hướng đô thị hóa; giảm 08 đơn vị hành chính cấp xã là xã và đồng thời tăng tương ứng 08 đơn vị hành chính cấp xã là phường.

Sau khi hoàn thành việc thành lập các đơn vị hành chính đô thị cấp xã, tổng số đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên là 92 đơn vị, gồm 69 xã và 23 phường. Kết quả này bảo đảm tính ổn định chung về tổ chức bộ máy, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển không gian đô thị, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước ở khu vực đô thị trong giai đoạn mới.

Ngay sau khi các phường mới được thành lập và đi vào hoạt động, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương tham mưu Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc chuyển đổi xóm, thôn thành tổ dân phố theo đúng quy định của pháp luật. Việc chuyển đổi này nhằm thống nhất mô hình tổ chức ở khu vực đô thị, bảo đảm đồng bộ trong quản lý dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công và tổ chức đời sống cộng đồng dân cư theo hướng văn minh, hiện đại.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Kinh tế - xã hội

1.1. Tích cực

Việc thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là bước chuyển quan trọng trong tiến trình đô thị hóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp truyền thống, phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh.

Quá trình hình thành các phường tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp và các loại hình dịch vụ đô thị. Từ đó, tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, khai thác hiệu quả nguồn lực lao động và quỹ đất, đồng thời thúc đẩy phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Việc phát triển đô thị theo mô hình phường cũng góp phần tăng cường liên kết vùng trong nội tỉnh, mở rộng giao thương hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy phát triển các tuyến hành lang kinh tế, kết nối giữa khu vực trung tâm với các vùng trung du, miền núi và các tỉnh lân cận. Qua đó, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của tỉnh Thái Nguyên trong vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Bên cạnh đó, người dân được thụ hưởng tốt hơn các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trong điều kiện cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ hơn; đời sống vật chất và tinh thần tiếp tục được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng phát triển xã hội.

1.2. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh các tác động tích cực, quá trình hình thành và phát triển các phường cũng đặt ra một số thách thức nhất định. Áp lực về dân số, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công có xu hướng gia tăng nhanh tại một số khu vực đô thị hóa mạnh, dẫn đến nguy cơ quá tải cục bộ về giao thông, y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội.

Ngoài ra, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân cần thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh thông tin hành chính, giấy tờ pháp lý liên quan đến địa giới đơn vị hành chính mới, có thể phát sinh một số thủ tục trong giai đoạn đầu triển khai.

2. Quản lý hành chính

2.1. Tích cực

Việc chuyển đổi từ mô hình đơn vị hành chính nông thôn sang phường góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với yêu cầu quản lý đô thị trong giai đoạn mới. Bộ máy chính quyền được tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hơn, tăng tính chủ động trong điều hành, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Quá trình này tạo điều kiện thúc đẩy cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Việc giải quyết thủ tục hành chính ngày càng minh bạch, nhanh gọn, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Đồng thời, công tác phân cấp, phân quyền được tăng cường gắn với kiểm tra, giám sát, đảm bảo quản lý thống nhất nhưng linh hoạt, sát thực tiễn địa phương. Công tác quản lý dân cư, đất đai, trật tự xây dựng và đô thị được tăng cường, góp phần hình thành môi trường sống văn minh, kỷ cương.

2.2. Khó khăn, thách thức

Việc chuyển từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị có thể khiến đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bước đầu gặp khó khăn trong tiếp cận chức năng, nhiệm vụ mới. Vì vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

3. Tác động về đất đai và môi trường

3.1. Tích cực

Quá trình thành lập các phường và phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tái cấu trúc, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất đô thị được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, góp phần hình thành các khu

chức năng đô thị đồng bộ, hiện đại, nâng cao giá trị sử dụng đất và hiệu quả khai thác quỹ đất trên địa bàn.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa tạo cơ hội để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng môi trường, như hệ thống giao thông, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân, hướng tới xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và phát triển bền vững.

Việc gia tăng quy mô dân số và phát triển các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ sẽ tạo nguồn lực để đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy áp dụng các mô hình phát triển mới như kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm soát tốt các nguồn phát sinh chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường không khí, đất và nước.

Công tác quản lý tài nguyên nước sẽ được tăng cường thông qua việc quy hoạch, bảo vệ và khai thác hợp lý các nguồn nước mặt, nước ngầm; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; duy trì và phát triển các không gian mặt nước, cây xanh đô thị. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng môi trường mà còn cải thiện cảnh quan và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với khu vực nông nghiệp, việc chuyển đổi một phần diện tích đất sang mục đích phi nông nghiệp là cơ hội để tái cơ cấu sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Các địa phương có điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái gắn với chuỗi giá trị, đồng thời mở rộng các ngành nghề phi nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Nhìn chung, quá trình thành lập phường và phát triển đô thị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải thiện chất lượng môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững, với điều kiện các địa phương chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, quản lý đất đai và bảo vệ môi trường ngay từ giai đoạn đầu

3.2. Hạn chế, khó khăn

Tạo áp lực nhất định lên môi trường đô thị. Mức độ tác động phụ thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế và hiệu quả thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của từng phường sau khi được thành lập.

Cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số, tăng thu nhập, khối lượng chất thải rắn từ công nghiệp, xây dựng, thương mại, cơ sở y

tế và hộ gia đình cũng tăng theo. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, nguy cơ ô nhiễm môi trường sẽ gia tăng.

4. Tác động đến kiến trúc đô thị, cảnh quan

4.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và quá trình đô thị hóa sẽ tạo điều kiện thuận lợi để định hình và phát triển không gian kiến trúc đô thị theo hướng hiện đại, đồng bộ và có bản sắc. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, các địa phương có cơ hội tổ chức lại không gian đô thị một cách khoa học, hình thành các khu chức năng rõ ràng như khu hành chính, thương mại, dịch vụ, khu dân cư và các không gian công cộng, góp phần nâng cao chất lượng phát triển đô thị.

Quá trình phát triển này cũng tạo động lực để chỉnh trang, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, từng bước thay thế các công trình manh mún, thiếu đồng bộ bằng các công trình có kiến trúc phù hợp, bảo đảm mỹ quan và an toàn. Qua đó, diện mạo đô thị được cải thiện rõ nét, hướng tới xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, hiện đại.

Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ sẽ góp phần tạo dựng cảnh quan đô thị khang trang, sạch đẹp, với hệ thống giao thông, chiếu sáng, cây xanh, công viên, quảng trường và các không gian sinh hoạt cộng đồng được quan tâm đầu tư. Đây là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng sống của người dân và sức hấp dẫn của đô thị.

Quá trình đô thị hóa cũng là cơ hội để bảo tồn, phát huy các giá trị kiến trúc, văn hóa truyền thống, kết hợp hài hòa với các công trình hiện đại, tạo nên bản sắc riêng cho từng địa phương. Việc lồng ghép các yếu tố cảnh quan tự nhiên như sông, hồ, cây xanh vào quy hoạch đô thị sẽ góp phần hình thành không gian sống thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã hiện hữu sẽ tạo điều kiện để tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại và có bản sắc; khắc phục dần tình trạng phát triển phân tán, thiếu thống nhất trong quản lý không gian xây dựng ở một số khu vực. Khi mô hình quản lý đô thị được xác lập rõ hơn, công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang các trục đường chính, trung tâm hành chính, khu dân cư, không gian công cộng và hệ thống cây xanh sẽ có điều kiện triển khai chặt chẽ, hiệu quả hơn.

4.2. Khó khăn, thách thức

Sau khi thành lập phường cũng đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ kiến trúc, cảnh quan để tránh phát sinh tình trạng xây dựng thiếu đồng bộ, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, thu hẹp không gian công cộng, suy giảm diện tích cây xanh hoặc hình thành các khu dân cư tự phát làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Vì vậy, sau khi thành lập phường, cần tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý cấp phép xây dựng, tổ chức chỉnh trang đô thị theo quy hoạch được duyệt; đồng thời ưu tiên đầu tư các không gian xanh, công trình công cộng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thiết chế văn hóa nhằm bảo đảm phát triển kiến trúc đô thị hài hòa, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên.

5. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

5.1. Tích cực

Việc thành lập các phường và phát triển đô thị sẽ góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi tổ chức bộ máy chính quyền đô thị được kiện toàn, hoạt động theo mô hình phù hợp, công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh sẽ được triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Quá trình đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, như hệ thống giao thông, chiếu sáng, hạ tầng số, hệ thống giám sát an ninh, qua đó nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh.

Sự phát triển của các phường mới cũng góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và sự tham gia của người dân trong công tác giữ gìn an ninh trật tự. Các mô hình tự quản, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu quả trong điều kiện đô thị.

Việc gia tăng dân số, phát triển các hoạt động kinh tế, dịch vụ sẽ góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao chất lượng công tác quản lý dân cư, quản lý địa bàn, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý cư trú, quản lý trật tự đô thị, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa các loại tội phạm và vi phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, công tác quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại sẽ góp phần giảm thiểu các yếu tố tiềm ẩn gây mất an ninh trật tự, như ùn tắc giao thông, khu dân cư tự phát, thiếu hạ tầng; đồng thời nâng cao chất lượng

đời sống vật chất và tinh thần của người dân, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho ổn định xã hội lâu dài.

5.2. *Khó khăn, thách thức*

Hệ thống giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tăng, các khu công cộng và cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phát triển nhiều hơn; vì vậy, lực lượng chức năng phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

6. Tác động về kinh phí

6.1. *Tích cực*

Việc thành lập các phường và xây dựng đô thị sẽ tạo điều kiện để huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Quá trình này góp phần mở rộng quy mô thu ngân sách địa phương thông qua phát triển các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ và gia tăng giá trị sử dụng đất.

Trong giai đoạn đầu, việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tổ chức bộ máy hành chính có thể làm tăng nhu cầu chi ngân sách. Tuy nhiên, đây là khoản đầu tư mang tính nền tảng, tạo động lực phát triển lâu dài, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư của địa phương.

Việc chuyển đổi sang mô hình phường giúp tăng khả năng huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, bao gồm nguồn vốn từ doanh nghiệp, xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP), từ đó giảm áp lực cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, cơ chế quản lý đô thị cũng tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả các nguồn thu từ đất đai, dịch vụ đô thị và các hoạt động kinh tế khác.

Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu quả sẽ góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hành chính cũng giúp giảm chi phí vận hành, tăng tính minh bạch và hiệu quả quản lý tài chính công.

Quá trình phát triển đô thị còn tạo điều kiện để ưu tiên bố trí nguồn lực cho các lĩnh vực thiết yếu, như hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, môi trường và an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và phát triển đô thị bền vững.

6.2. Khó khăn, thách thức

Việc thành lập phường cũng phát sinh nhu cầu kinh phí để mua sắm trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền đô thị.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Mục tiêu tổng quát

Việc thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là bước đi quan trọng nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với xây dựng đô thị xanh, thông minh, bền vững, từng bước hình thành hệ thống đô thị có tính liên kết chặt chẽ trong không gian phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Trong giai đoạn phát triển mới, các phường sau khi thành lập phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn.

Kinh tế tiếp tục phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả; bảo đảm thu ngân sách nhà nước hằng năm đạt và vượt dự toán được giao, đồng thời sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định.

Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp thuần túy; hình thành rõ nét các khu vực phát triển đô thị, trung tâm thương mại - dịch vụ, khu sản xuất tập trung và các không gian phát triển mới có tính động lực.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, xây dựng và trật tự đô thị được tăng cường, bảo đảm kỷ cương, minh bạch, phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng số, cấp thoát nước, xử lý môi trường, giáo dục, y tế và thiết chế văn hóa - thể thao.

Song song với phát triển kinh tế, tỉnh đặc biệt chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm bền vững, giảm nghèo đa chiều; chăm lo đầy đủ người có công, đối tượng yếu thế, trẻ em và người

dân vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân và chủ động phòng, chống dịch bệnh.

Phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở lành mạnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” theo chiều sâu, thực chất.

Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử, chính quyền phục vụ; phát huy dân chủ ở cơ sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực.

2. Một số mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, các phường sau khi thành lập tập trung huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng khu vực; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững; nâng cao rõ rệt chất lượng tăng trưởng và năng suất lao động.

Nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; bảo đảm an sinh xã hội toàn diện; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo hướng bền vững; nâng cao thu nhập và mức sống của Nhân dân.

Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng và môi trường.

Phát triển mạnh mẽ hệ thống giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh, hấp dẫn, phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục và y tế của vùng.

2.1. Kinh tế

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến sâu, công

nghiệp hỗ trợ, logistics và dịch vụ đô thị hiện đại; hạn chế các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc sử dụng nhiều tài nguyên.

Phát triển mạnh khu vực thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại; hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, chợ đầu mối, hệ thống bán lẻ, dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải và logistics.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, sản xuất và kinh doanh.

Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương, phù hợp với điều kiện trung du miền núi của tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Công tác địa chính - nhà đất, xây dựng cơ bản công trình công cộng

Tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; xử lý nghiêm các vi phạm về lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

Nâng cao hiệu lực quản lý trật tự xây dựng đô thị; kiểm soát chặt chẽ cấp phép xây dựng, chỉ giới đường đỏ, mật độ xây dựng và tầng cao công trình; từng bước hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại.

Tập trung đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như giao thông đô thị, cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng, xử lý rác thải, cây xanh và công trình công cộng.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng trọng điểm, các dự án kết nối vùng, đặc biệt là các tuyến giao thông liên xã, liên huyện và kết nối với các khu công nghiệp, khu đô thị lớn của tỉnh.

2.3. Y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện các chương trình y tế quốc gia; tuyên truyền, vận động Nhân dân phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện vệ sinh môi trường, xử lý rác thải; tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh, trường học nhằm bảo đảm sức khỏe cho Nhân dân.

Tăng cường công tác truyền thông dân số, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm chỉ tiêu tăng dân số tự nhiên hằng năm; quan tâm thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em, vận động xây dựng quỹ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật.

2.4. Về giáo dục đào tạo

Nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiếp tục quan tâm phát triển sự nghiệp giáo dục; duy trì công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; bảo đảm đội ngũ giáo viên đạt chuẩn; chú trọng giáo dục đạo đức học sinh, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

2.5. Văn hóa xã hội - thông tin thể thao

Tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa lịch sử, giáo dục truyền thống cách mạng ở địa phương, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện tốt việc bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, góp phần giữ gìn truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Duy trì và phát triển các phong trào thể dục thể thao.

Vận động toàn dân ngăn chặn, bài trừ các loại tệ nạn xã hội gắn với việc phát động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa và toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở dịch vụ văn hóa không lành mạnh và chấn chỉnh dịch vụ thông tin quảng cáo.

Thường xuyên rà soát hệ thống loa của đài truyền thanh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phát thanh.

2.6. Hoạt động nội chính

a) Tổ chức chính quyền

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các phường nhằm nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân; tăng cường năng lực bộ máy hành chính; thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông hiện đại”; từng bước nâng cấp nơi làm việc, trang thiết bị cần thiết và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động công vụ nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

b) Công tác giữ gìn an ninh trật tự

Tiếp tục triển khai các phương án bảo đảm an ninh, trật tự; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, không để phát sinh các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

Tăng cường quản lý địa bàn dân cư, nhân khẩu, hộ khẩu, người Việt Nam ở nước ngoài về cư trú; quản lý, giáo dục các loại đối tượng; quản lý chặt chẽ các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và các điểm nhà trọ cho thuê; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, vận động Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện Luật dân quân tự vệ, đồng thời tập trung củng cố, xây dựng lực lượng dân quân và nâng cao hơn nữa về nhận thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động.

c) Tư pháp

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

Giải quyết kịp thời, đúng quy định các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; hạn chế phát sinh điểm nóng, góp phần giữ vững ổn định xã hội.

3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của 08 phường sau khi thành lập cơ bản được kế thừa từ bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các xã hiện có; đồng thời được sắp xếp, bố trí lại một số chức danh cho phù hợp với tính chất đơn vị hành chính đô thị. Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, sẽ chú trọng bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân 08 phường, sẽ tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường và các chuyên đề liên quan đến quản lý đô thị, xây dựng nhằm phát huy tốt hơn vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Lộ trình, giải pháp nâng cao các tiêu chuẩn đô thị hiện nay

Việc thành lập 08 phường trên cơ sở nguyên trạng các xã nêu trên là bước đi cần thiết, phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và định hướng phát triển đô thị của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, đối với một số tiêu chuẩn đô thị hiện đạt chưa cao so với quy định, tỉnh sẽ tập trung triển khai lộ trình nâng cao theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ cơ quan chủ trì, rõ nguồn lực và rõ mốc thời gian thực hiện, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Trước hết, tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch có liên quan; xác định rõ các khu vực ưu tiên đầu tư, chỉnh trang, phát triển mới; quản lý chặt chẽ không gian kiến trúc, cảnh quan, chỉ giới xây dựng, tầng cao, mật độ xây dựng và hạ tầng kỹ thuật khung để bảo đảm phát triển đô thị đúng định hướng, tránh đầu tư manh mún, chồng chéo.

Đồng thời, tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu, nhất là hệ thống giao thông đô thị, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, công trình công cộng, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, hạ tầng số và các thiết chế phục vụ dân sinh. Quá trình đầu tư được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và gắn với đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

Cùng với đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị; kiện toàn bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về đất đai, xây dựng, môi trường và trật tự đô thị; phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng sự đồng thuận, tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng, chỉnh trang và phát triển đô thị.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để từng bước khắc phục các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt; định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, phấn đấu hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát triển Thái Nguyên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong giai đoạn tới.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Việc thành lập các phường: Định Hóa, Phú Bình, Chợ Đồn, Võ Nhai, Quân Chu, Đồng Hỷ, Phú Lương, Trại Cau là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là việc chuyển đổi loại hình đơn vị hành chính, mà còn là bước sắp xếp lại không gian quản lý và tổ chức mô hình quản trị phù hợp hơn với quá trình đô thị hóa đang diễn ra ngày càng rõ trên các địa bàn nêu trên.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, mức độ đô thị hóa, điều kiện kết cấu hạ tầng, định hướng quy hoạch và yêu cầu quản lý nhà nước, có đủ căn cứ để xác định việc thành lập các phường nêu trên là có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn; đáp ứng yêu cầu tổ chức quản lý phù hợp hơn, chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn đối với các địa bàn đã và đang hình thành ngày càng rõ đặc trưng đô thị.

Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bảo đảm tốt hơn yêu cầu quản lý dân cư, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tiếp tục huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, chỉnh trang không gian đô thị và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Đối với những tiêu chuẩn đô thị hiện còn chưa đạt hoặc cần tiếp tục hoàn thiện, Đề án đã nhận diện rõ nội dung, xác định lộ trình và đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Việc này vừa bảo đảm tính khả thi của Đề án, vừa tạo cơ sở để tổ chức thực hiện đồng bộ, tránh tư tưởng nóng vội, hình thức hoặc dàn trải nguồn lực.

Từ những căn cứ nêu trên, có thể khẳng định việc thành lập các phường: Định Hóa, Phú Bình, Chợ Đồn, Võ Nhai, Quân Chu, Đồng Hỷ, Phú Lương, Trại Cau là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng định hướng phát triển của tỉnh và đủ cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận Đề án thành lập các phường: Định Hóa, Phú Bình, Chợ Đồn, Võ Nhai, Quân Chu, Đồng Hỷ, Phú Lương, Trại Cau thuộc tỉnh Thái Nguyên để làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng quy định; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển đô thị và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trên địa bàn.

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện chặt chẽ, bảo đảm ổn định tổ chức bộ máy, không làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; đồng thời tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang kiến trúc, cảnh quan đô thị và nâng cao chất lượng quản lý trên địa bàn các phường mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Quốc Tuấn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Xã miền núi (x)	Quy mô dân số		Diện tích tự nhiên:		Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch		Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên tổng dân số từ 50% trở lên		Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (riêng xã miền núi đạt 70% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị)											
			- Xã miền núi: 10.500		- Xã còn lại: 21.000 (người)		5,5 (km ²)						Tỷ lệ tổng thu ngân sách với tổng chi ngân sách từ 100% trở lên		Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên		Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên		Thu nhập bình quân đầu người 03 năm gần nhất (của tỉnh: Năm 2023: 54,13; Năm 2024: 56,90; Năm 2025: 59,25 (trđ/người/năm))		Tỷ lệ hộ nghèo trong 03 năm gần nhất (của tỉnh: Năm 2023 là 6,73%; Năm 2024 là 6,69%; Năm 2025 là 4,32%)	
			Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu	Đánh giá	Số liệu các năm 2023, 2024, 2025	Đánh giá	Số liệu các năm 2023, 2024, 2025	Đánh giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
1	Xã Chợ Đồn	x	18.453	Đạt	142,10	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	52,03%	Đạt	103,40%	Đạt	89,91%	Đạt	77,01%	Đạt	Năm 2023: 48,42 Năm 2024: 48,51 Năm 2025: 52,93	Đạt do xã MN	Năm 2023: 3,73% Năm 2024: 2,76% Năm 2025: 1,46%	Đạt		
2	Xã Định Hóa	x	23.097	Đạt	67,26	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	51,75%	Đạt	100,45%	Đạt	72,71%	Đạt	67,23%	Đạt do xã MN	Năm 2023: 48,87 Năm 2024: 48,87 Năm 2025: 57,60	Đạt do xã MN	Năm 2023: 3,83% Năm 2024: 2,58% Năm 2025: 1,81%	Đạt		
3	Xã Đồng Hỷ	x	32.073	Đạt	53,72	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	57,30%	Đạt	102,29%	Đạt	70,00%	Đạt do xã MN	84,37%	Đạt	Năm 2023: 58,26 Năm 2024: 61,50 Năm 2025: 65,03	Đạt	Năm 2023: 0,85% Năm 2024: 0,73% Năm 2025: 0,59%	Đạt		
4	Xã Phú Bình		74.696	Đạt	44,16	Đạt	Đô thị mới loại III	Đạt	53,16%	Đạt	100,13%	Đạt	76,16%	Đạt	84,00%	Đạt	Năm 2023: 58,00 Năm 2024: 65,40 Năm 2025: 65,40	Đạt	Năm 2023: 2,92% Năm 2024: 2,09% Năm 2025: 1,51%	Đạt		
5	Xã Phú Lương	x	44.632	Đạt	112,39	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	56,77%	Đạt	100,04%	Đạt	72,31%	Đạt	51,60%	Đạt do xã MN	Năm 2023: 58,00 Năm 2024: 58,33 Năm 2025: 58,50	Đạt do xã MN	Năm 2023: 2,73% Năm 2024: 1,62% Năm 2025: 0,93%	Đạt		
6	Xã Quân Chu	x	13.277	Đạt	79,38	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	63,13%	Đạt	100,05%	Đạt	51,30%	Đạt do xã MN	65,40%	Đạt do xã MN	Năm 2023: 58,20 Năm 2024: 62,20 Năm 2025: 66,16	Đạt	Năm 2023: 3,45% Năm 2024: 2,14% Năm 2025: 1,42%	Đạt		
7	Xã Trại Cau	x	17.697	Đạt	82,85	Đạt	Đô thị mới loại III	Đạt	56,99%	Đạt	113,30%	Đạt	76,20%	Đạt	72,00%	Đạt	Năm 2023: 48,87 Năm 2024: 52,80 Năm 2025: 55,00	Đạt do xã MN	Năm 2023: 7,89% Năm 2024: 3,33% Năm 2025: 2,46%	Đạt do xã MN		
8	Xã Võ Nhai	x	28.817	Đạt	99,77	Đạt	Đô thị mới loại III độc lập	Đạt	52,14%	Đạt	111,52%	Đạt	83,07%	Đạt	71,37%	Đạt	Năm 2023: 49,77 Năm 2024: 54,75 Năm 2025: 60,23	Đạt do xã MN	Năm 2023: 2,80% Năm 2024: 2,25% Năm 2025: 1,77%	Đạt		

Ghi chú: MN viết tắt của Miền núi